**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

**CHƯƠNG TRÌNH ETEP**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

**TÀI LIỆU**

**HƯỚNG DẪN**

**BỒI DƯỠNG**

**GIÁO VIÊN**

**PHỔ THÔNG CỐT CÁN**

**MÔ ĐUN 4**

**XÂY DỰNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC VÀ GIÁO DỤC**

**THEO HƯỚNG**

**PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC**

**H**

**ỌC**

**S**

**INH**

**TRUNG HỌC**

**CƠ SỞ**

**MÔN**

**NGỮ VĂN**

**ĐÀ NẴNG**

**-**

**202**

**1**



 **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO** 



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

**CHƯƠNG TRÌNH ETEP TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

**TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN**

**BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN PHỔ THÔNG CỐT CÁN**

**MÔ ĐUN 4**

**XÂY DỰNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC VÀ GIÁO DỤC**

**THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC**

**HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ**

**MÔN NGỮ VĂN**

**Chủ biên**

**TS. Hồ Trần Ngọc Oanh**

**ĐÀ NẴNG - 2021**

**BAN BIÊN SOẠN TÀI LIỆU NGỮ VĂN THCS**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. TS. Hồ Trần Ngọc Oanh  | Trường ĐHSP - ĐH Đà Nẵng  |
| 1. PGS.TS Ngô Minh Hiền
2. PGS.TS Trần Văn Sáng
 | Trường ĐHSP - ĐH Đà Nẵng Trường ĐHSP - ĐH Đà Nẵng  |
| 1. TS. Nguyễn Quang Huy
2. TS. Nguyễn Văn Thái
3. TS. Lê Thị Duyên
4. TS. Lê Thị Hồ Quang
5. TS. Nguyễn Thị Ngọc Thúy

 | Trường ĐHSP - ĐH Đà Nẵng Trường ĐHSP - ĐH Đà Nẵng Trường ĐHSP - ĐH Đà Nẵng Đại học Vinh Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh  |

**KÍ HIỆU VIẾT TẮT ..................................................................................................................**  **I. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ MÔ ĐUN 4 ..................................................................... 1** **II. MỤC TIÊU CỦA MÔ ĐUN 4 ............................................................................................. 1** **III. NỘI DUNG CHÍNH CỦA MÔ ĐUN 4 ............................................................................ 2** **IV. KẾ HOẠCH BỒI DƯỠNG ............................................................................................... 2** **V. TÀI LIỆU ĐỌC .................................................................................................................. 22** **NỘI DUNG 1 ........................................................................................................................... 22**

**NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA**

**NHÀ TRƯỜNG THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC**

**HỌC SINH Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ ................................................................ 22**

1.1. Quan niệm và ý nghĩa của xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường .......................... 22

1.2. Yêu cầu trong xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường theo hướng phát triển phẩm

chất, năng lực học sinh ............................................................................................................. 24

1.3. Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học

sinh ở trường trung học cơ sở ................................................................................................... 25

1.4. Gợi ý khung kế hoạch giáo dục của nhà trường theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực

học sinh ở trường trung học cơ sở ............................................................................................ 37

**NỘI DUNG 2. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN NGỮ**

**VĂN Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ ............................................................................ 40**

2.1. Khái niệm và ý nghĩa của việc xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn ............. 40

2.2. Các yêu cầu đối với xây dựng kế hoạch của tổ chuyên môn ............................................. 41

2.3. Vai trò của giáo viên trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục của tổ chuyên

môn ........................................................................................................................................... 42

2.4. Cấu trúc kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn ................................................................ 42

2.5. Quy trình xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn .............................................. 45

2.6. Kế hoạch dạy học môn Ngữ văn minh hoạ ....................................................................... 52

[**NỘI DUNG** **3**](#_Toc283746)

[**XÂY DỰNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC GIÁO VIÊN** **63**](#_Toc283747)

[3.1. Quan niệm và vai trò của kế hoạch giáo dục của giáo viên 63](#_Toc283748)

[3.2. Các yêu cầu khi xây dựng kế hoạch giáo dục của giáo viên 64](#_Toc283749)

[3.3. Cấu trúc kế hoạch giáo dục của giáo viên 66](#_Toc283750)

[3.4. Cách thức xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục của giáo viên trong năm học 67](#_Toc283751)

[**NỘI DUNG 4. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN NGỮ VĂN** **CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ** **78**](#_Toc283752)

[4.1. Quan niệm và vai trò của kế hoạch bài dạy 78](#_Toc283753)

[4.2. Các yêu cầu khi xây dựng kế hoạch bài dạy phát triển phẩm chất và năng lực học sinh 79](#_Toc283754)

[4.3. Cấu trúc kế hoạch bài dạy 81](#_Toc283755)

[4.4. Cách thức xây dựng kế hoạch bài dạy môn Ngữ văn 87](#_Toc283756)

[4.5. Kế hoạch bài dạy minh họa 102](#_Toc283757)

# NỘI DUNG 5

**XÂY DỰNG KẾ HOẠCH TỰ HỌC VÀ HỖ TRỢ ĐỒNG NGHIỆP CỦA GIÁO VIÊN CỐT CÁN TRONG VIỆC XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC ..................................................................................................... 103**

5.1. Xây dựng kế hoạch tự học ............................................................................................... 103

*5.1.1. Khái niệm kế hoạch tự học* ........................................................................................ 103

*5.1.2. Ý nghĩa của việc xây dựng kế hoạch tự học* .............................................................. 103

*5.1.3. Nguyên tắc và quy trình xây dựng kế hoạch tự học* .................................................. 103

*5.1.4. Định hướng cấu trúc của kế hoạch tự học* ................................................................ 105

5.2. Xây dựng kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp của giáo viên cốt cán trong việc xây dựng và tổ

chức thực hiện kế hoạch giáo dục ........................................................................................... 106

*5.2.1. Tìm hiểu nhu cầu hoặc đánh giá nhu cầu hỗ trợ của giáo viên đại trà trong việc xây*

*dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục* ........................................................................ 106

*5.2.2. Xác định mục tiêu hỗ trợ giáo viên phổ thông đại trà trong trong việc xây dựng và tổ*

*chức thực hiện kế hoạch giáo dục* .......................................................................................... 108

*5.2.3. Xác định nội dung, phương pháp, phương tiện, xây dựng môi trường học tập* ........ 109

*5.2.4. Kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp về xây dựng, điều chỉnh và tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trung học cơ sở - Môn*

*Ngữ văn” minh họa* ............................................................................................................. 110

**DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO ............................................................................ 118**

## KÍ HIỆU VIẾT TẮT

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT**  | **Các từ viết tắt**  | **Viết đầy đủ**  |
| 1.  | CBQL  | Cán bộ quản lí  |
| 2.  | CTGDPT  | Chương trình giáo dục phổ thông  |
| 3.  | CTGDPTQG  | Chương trình giáo dục phổ thông Quốc gia  |
| 4.  | DH  | Dạy học  |
| 5.  | GD  | Giáo dục  |
| 6.  | GV  | Giáo viên  |
| 7.  | GVPTCC  | Giáo viên phổ thông cốt cán  |
| 8.  | GVPTĐT  | Giáo viên phổ thông đại trà  |
| 9.  | HĐGD  | Hoạt động giáo dục  |
| 10.  | HS  | Học sinh  |
| 11.  | KHBD  | Kế hoạch bài dạy  |
| 12.  | KHDH  | Kế hoạch dạy học  |
| 13.  | KHDH&GD  | Kế hoạch dạy học và giáo dục  |
| 14.  | KHGD  | Kế hoạch giáo dục  |
| 15.  | KTDH  | Kĩ thuật dạy học  |
| 16.  | PP  | Phương pháp  |
| 17.  | PPDH  | Phương pháp dạy học  |
| 18.  | SGK  | Sách giáo khoa  |
| 19.  | THCS  | Trung học cơ sở  |
| 20.  | THPT  | Trung học phổ thông  |
| 21.  | YCCĐ  | Yêu cầu cần đạt  |

1. **GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ MÔ ĐUN 4**

Mô đun ***“Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trường THCS/THPT”*** là mô đun thứ tư trong 9 mô đun thuộc chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên phổ thông được ban hành theo Quyết định 4660/QĐ-BGDĐT ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo để thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Mô đun 4 tập trung hướng dẫn tổ chuyên môn và giáo viên xây dựng các loại kế hoạch dạy học và giáo dục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018, cụ thể là: Giới thiệu về kế hoạch giáo dục của nhà trường mà trọng tâm là khung kế hoạch thời gian thực hiện các môn học, hoạt động giáo dục của nhà trường trong năm học làm căn cứ để các tổ chuyên môn, các giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ, của cá nhân; hướng dẫn tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ (bao gồm kế hoạch dạy học môn học và kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục); hướng dẫn giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục của cá nhân; hướng dẫn xây dựng, phát triển kế hoạch bài dạy theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

Như vậy, mô đun 4 là sự vận dụng tổng hợp các kết quả tập huấn cho giáo viên về Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (mô đun 1), phương pháp dạy học và giáo dục (mô đun 2) và kiểm tra đánh giá (mô đun 3) để xây dựng các loại kế hoạch giáo dục nói trên trong bối cảnh cụ thể của nhà trường nhằm phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

1. **MỤC TIÊU CỦA MÔ ĐUN 4**

Kết thúc tập huấn, học viên có thể:

* + - Khái quát được những vấn đề chung về xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh ở truòng THCS/THPT.
		- Xây dựng được kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn (gồm kế hoạch dạy học môn học và kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục).
		- Xây dựng được kế hoạch giáo dục của cá nhân trong năm học.
		- Xây dựng được kế hoạch bài dạy môn Ngữ văn theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.
		- Phân tích, đánh giá được kế hoạch bài dạy môn Ngữ văn thông qua trường hợp thực tiễn (case studies);
		- Xây dựng được kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực học sinh (đối với giáo viên phổ thông cốt cán).
1. **NỘI DUNG CHÍNH CỦA MÔ ĐUN 4**

Mô đun bao gồm các nội dung chính sau:

**Nội dung 1.** Những vấn đề chung về xây dựng KHGD của nhà trường theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh ở trường THCS/THPT.

**Nội dung 2.** Xây dựng kế hoạch giáo dục tổ chuyên môn Ngữ văn ở trường trung học cơ sở.

**Nội dung 3.** Xây dựng kế hoạch giáo dục của giáo viên.

**Nội dung 4.** Xây dựng kế hoạch bài dạy môn Ngữ văn.

**Nội dung 5.** Xây dựng kế hoạch tự học và hỗ trợ đồng nghiệp trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực học sinh

1. **KẾ HOẠCH BỒI DƯỠNG**

Kế hoạch bồi dưỡng mô đun 4 (dành cho giáo viên cốt cán) theo công thức (7:2:7), trong đó: bồi dưỡng qua mạng lần 1 (7 ngày), bồi dưỡng trực tiếp (2 ngày) và bồi dưỡng qua mạng lần 2 (thực hành cuối khóa 7 ngày).

**4.1. Kế hoạch bồi dưỡng qua mạng lần 1**

 (Thời lượng 7 ngày – trước khi tổ chức bồi dưỡng trực tiếp)

### 4.1.1. Mục tiêu bồi dưỡng

Sau 7 ngày học tập qua mạng trước trực tiếp, học viên phải hiểu và vận dụng được quy trình xây dựng các kế hoạch giáo dục (được hướng dẫn trong tài liệu này) để xây dựng được 4 kế hoạch (kế hoạch dạy học của tổ chuyên môn, kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục, kế hoạch giáo dục của giáo viên và kế hoạch bài dạy) theo 4 phụ lục trong công văn 5512/BGDĐT-GDTrH, ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### 4.1.2. Hoạt động bồi dưỡng

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT** **ĐỘNG**  | **NỘI DUNG CHÍNH**  |
| **I. CHUẨN**  | **BỊ**  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Mở đầu**  | 1. Video giới thiệu chung về Mô đun 4 về (tổng quan, yêu cầu cần đạt, nhiệm vụ và hướng dẫn học tập qua LMS) hướng dẫn học qua mạng LMS, YCCĐ khi học Mô đun 4.
2. **Nhiệm vụ học tập**

**(1).** Nghiên cứu tất cả các hoạt động tương ứng 5 nội dung của mô đun (xem video, đọc tài liệu, quan sát đồ họa (infographic) để trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, câu hỏi tự luận tương ứng mỗi hoạt động; **(2).** Trả lời các câu hỏi trắc nghiêm mô đun 4 trước khi tập huấn trực tiếp với kết quả đạt yêu cầu trở lên.  **(3).** Hoàn thành 3 bài tập thực hành cuối khóa học về “Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục môn Ngữ văn theo hướng phát triển phẩm chất của HS” và nộp lên hệ thống LMS. **(4).** Chuẩn bị các câu hỏi, những vấn đề cần trao đổi liên quan đến các loại kế hoạch dạy học và giáo dục để cùng thảo luận với báo cáo viên ở các buổi tập huấn trực tiếp.  ***Lưu ý:*** *Sau khi thực hiện xong các nhiệm vụ học tập, học viên phải hoàn thành cả phần “khảo sát cuối khóa học” mới được ghi nhận là hoàn thành toàn bộ khóa học*. **3.** **Yêu cầu cần đạt** (Như mục II)  |
| **Ôn tập**  | ***a) Mục tiêu:*** Ôn tậpmột số nội dung cơ bản thuộc mô đun 1, 2, 3. ***b) Nội dung*** Học viên trả lời câu hỏi trắc nghiệm khách quan về các nội dung thuộc mô đun 1, 2, 3 qua trò chơi ô chữ. ***c) Học liệu*** Bộ câu hỏi trắc nghiệm ôn tập trên trò chơi ô chữ. ***d) Sản phẩm*** Phương án trả lời các câu hỏi trắc nghiệm của học viên.  |
| **II. NỘI DUNG HỌC TẬP**  |

|  |
| --- |
| **NỘI DUNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT VÀ** **NĂNG LỰC HỌC SINH Ở TRƯỜNG THCS/THPT**  |
| **Hoạt động 1.1.** Quan niệm và ý nghĩa của xây dựng KHGD của nhà trường | ***a) Yêu cầu cần đạt*** Trả lời đúng các câu hỏi tương tác về quan niệm và ý nghĩa của xây dựng KHGD của nhà trường. ***b) Nhiệm vụ*** Xem video bài giảng hoạt động 1.1 và nghiên cứu nội dung đọc của hoạt động 1.1 để: * Tìm hiểu quan niệm và ý nghĩa của việc xây dựng KHGD của nhà trường.
* Trả lời 3 câu hỏi tương tác. ***c) Học liệu***
 |
|  | - Tài liệu đọc và Infographic nội dung hoạt động 1.1  |
|  | * Video bài giảng nội dung hoạt động 1.1
* Câu hỏi tương tác (2 câu hỏi trắc nghiệm, 1 câu hỏi tự luận) ***d) Sản phẩm***

Phương án chọn và câu trả lời phần câu hỏi tương tác của học viên trên hệ thống LMS.  |
| **Hoạt động 1.2.** Các yêu cầu trong xây dựng KHGD của nhà trường theo hướng phát triển  PC, NL học sinh  | ***a) Yêu cầu cần đạt*** Trả lời đúng các câu hỏi tương tác về yêu cầu trong xây dựng KHGD của nhà trườngtheo hướng phát triển PC, NL học sinh. ***b) Nhiệm vụ*** Xem video bài giảng hoạt động 1.2 và nghiên cứu nội dung đọc của hoạt động 1.2 để: * Phân tích các yêu cầu trong xây dựng KHGD của nhà trường.
* Trả lời 3 câu hỏi tương tác về yêu cầu trong xây dựng KHGD của nhà trường***.***

***c) Học liệu*** - Tài liệu đọc và Infographic nội dung hoạt động 1.2  |
|  | - Video bài giảng nội dung hoạt động 1.2  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | - Câu hỏi tương tác (2 câu hỏi trắc nghiệm, 1 câu hỏi tự luận) ***d) Sản phẩm*** Phương án chọn và câu trả lời phần câu hỏi tương tác của học viên trên hệ thống LMS. |
| **Hoạt động 1.3.** Quy trình xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường  | 1. ***Yêu cầu cần đạt***

Trả lời đúng các câu hỏi tương tác về quy trình xây dựng KHGD của nhà trường.1. ***Nhiệm vụ***

Xem video bài giảng hoạt động 1.3 và nghiên cứu nội dung đọc của hoạt động 1.3 để: - Trả lời 3 câu hỏi tương tác về quy trình xây dựng KHGD của nhà trường. ***c) Học liệu***  |
|  | - Tài liệu đọc và Infographic nội dung hoạt động 1.3  |
|  | * Video bài giảng nội dung hoạt động 1.3
* Câu hỏi tương tác (2 câu hỏi trắc nghiệm, 1 câu hỏi tự luận) ***d) Sản phẩm***

Phương án chọn và câu trả lời phần câu hỏi tương tác hoạt động 1.3 của học viên trên hệ thống LMS. |
| **Hoạt động 1.4.** Khung KHGD của nhà trường  | ***a) Yêu cầu cần đạt*** Trả lời đúng các câu hỏi tương tác về khung KHGD của nhà trường. ***b) Nhiệm vụ*** Xem video bài giảng hoạt động 1.4 và nghiên cứu nội dung đọc của hoạt động 1.4 để: * Trình bày các thành tố chính trong khung KHGD của nhà trường.
* Trả lời các câu hỏi tương tác về khung KHGD của nhà trường. ***c) Học liệu***
 |
|  | - Tài liệu đọc và Infographic nội dung hoạt động 1.4  |
|  | - Video bài giảng nội dung hoạt động 1.4 - Câu hỏi tương tác (trắc nghiệm, tự luận) ***d) Sản phẩm***  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | Phương án chọn và câu trả lời phần câu hỏi tương tác của học viên trên hệ thống LMS. |
| **NỘI DUNG 2: XÂY DỰNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN** **NGỮ VĂN Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ**  |
| **Hoạt động 2.1.** Quan niệm và ý nghĩa của việc xây dựng KHGD của tổ chuyên môn | ***a) Yêu cầu cần đạt*** Trả lời đúng các câu hỏi tương tác về quan niệm và ý nghĩa của việc xây dựng KHGD của tổ chuyên môn**. *b) Nhiệm vụ*** Xem video bài giảng hoạt động 2.1 và nghiên cứu nội dung đọc của hoạt động 2.1 để: - Phân tích ý nghĩa của việc xây dựng KHGD của tổ chuyên môn**.** - Trả lời các câu hỏi tương tác về ý nghĩa của việc xây dựng KHGD của tổ chuyên môn. ***c) Học liệu***  |
|  | - Tài liệu đọc và Infographic nội dung hoạt động 2.1  |
|  | - Video bài giảng nội dung hoạt động 2.1 - Câu hỏi tương tác (trắc nghiệm, tự luận) ***d) Sản phẩm*** Phương án chọn và câu trả lời phần câu hỏi tương tác của học viên trên hệ thống LMS.  |
| **Hoạt động 2.2.** Các yêu cầu trong xây dựng KHGD của tổ chuyên môn | ***a) Yêu cầu cần đạt*** Trả lời đúng các câu hỏi tương tác về các yêu cầu trong xây dựng KHGD của tổ chuyên môn ***b) Nhiệm vụ*** Xem video bài giảng hoạt động 2.2 và nghiên cứu nội dung đọc của hoạt động 2.2 để: - Phân tích các yêu cầu trong xây dựng KHGD của tổ chuyên môn**.** - Trả lời các câu hỏi tương tác về yêu cầu trong xây dựng KHGD của tổ chuyên môn ***c) Học liệu***  |
|  | - Tài liệu đọc và Infographic nội dung hoạt động 2.2  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | - Video bài giảng nội dung hoạt động 2.2 - Câu hỏi tương tác (trắc nghiệm, tự luận) ***d) Sản phẩm*** Phương án chọn và câu trả lời phần câu hỏi tương tác của học viên trên hệ thống LMS.  |
| **Hoạt động** **2.3.** Vai trò của giáo viên trong việc xây dựng và thực hiện KHGD của tổ chuyên môn  | ***a) Yêu cầu cần đạt*** Trả lời đúng các câu hỏi tương tác về vai trò của giáo viên trong việc xây dựng và thực hiện KHGD của tổ chuyên môn ***b) Nhiệm vụ*** Xem video bài giảng hoạt động 2.3 và nghiên cứu nội dung đọc của hoạt động 2.3 để: * Phân tích các vai trò của giáo viên trong việc xây dựng và thực hiện KHGD của tổ chuyên môn**.**
* Trả lời các câu hỏi tương tác về vai trò của giáo viên trong việc xây dựng và thực hiện KHGD của tổ chuyên môn ***c) Học liệu***
 |
|  | - Tài liệu đọc và Infographic nội dung hoạt động 2.3  |
|  | - Video bài giảng nội dung hoạt động 2.3 - Câu hỏi tương tác (trắc nghiệm, tự luận) ***d) Sản phẩm*** Phương án chọn và câu trả lời phần câu hỏi tương tác của học viên trên hệ thống LMS. |
| **Hoạt động 2.4.** Cấu trúc KHGD của tổ chuyên môn và ví dụ | ***a) Yêu cầu cần đạt*** Trả lời đúng các câu hỏi tương tác về cấu trúc KHGD của tổ chuyên môn ***b) Nhiệm vụ*** Xem video bài giảng hoạt động 2.4 và nghiên cứu nội dung đọc của hoạt động 2.4 để: - Trả lời các câu hỏi tương tác về yêu cầu đối với xây dựng KHGD của tổ chuyên môn. ***c) Học liệu***  |
|  | - Tài liệu đọc và Infographic nội dung hoạt động 2.4  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | - Video bài giảng nội dung hoạt động 2.4  |
|  | - Kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn Ngữ văn - Câu hỏi tương tác (trắc nghiệm, tự luận) ***d) Sản phẩm*** Phương án chọn và câu trả lời phần câu hỏi tương tác của học viên trên hệ thống LMS. |
| **Hoạt động 2.5.** Quy trình xây dựng KHGD của tổ chuyên môn  | ***a) Yêu cầu cần đạt*** * Trả lời đúng các câu hỏi tương tác về quy trình xây dựng KHGD của tổ chuyên môn.
* Xây dựng được KHGD của tổ chuyên môn. ***b) Nhiệm vụ***

Xem video bài giảng hoạt động 2.5 và nghiên cứu nội dung đọc, ví dụ minh họa kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn Ngữ văn để: * Trả lời các câu hỏi tương tác về quy trình xây dựng KHGD của tổ chuyên môn.
* Vận dụng quy trình để xây dựng KHGD của tổ chuyên môn Ngữ văn (gồm kế hoạch dạy học môn học và kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục – theo phụ lục 1, 2 của công văn 5512) và nộp lên hệ thống LMS. ***c) Học liệu***
 |
|  | - Tài liệu đọc và Infographic nội dung hoạt động 2.5  |
|  | - Video bài giảng nội dung hoạt động 2.5  |
|  | - Kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn Ngữ văn minh họa - Câu hỏi tương tác (trắc nghiệm, tự luận) ***d) Sản phẩm*** Phương án chọn câu hỏi tương tác và KHGD của tổ chuyên môn mà học viên nộp trên hệ thống LMS. |
| **NỘI DUNG 3: XÂY DỰNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN**   |
| **Hoạt động 3.1.** Quan niệm và vai trò của  | ***a) Yêu cầu cần đạt*** Trả lời đúng các câu hỏi tương tác về quan niệm và vai trò của KHGD của giáo viên ***b) Nhiệm vụ***  |

|  |  |
| --- | --- |
| KHGD của giáo viên | Xem video bài giảng hoạt động 3.1 và nghiên cứu nội dung đọc của hoạt động 3.1 để: * Phân tích vai trò KHGD của giáo viên**.**
* Trả lời các câu hỏi tương tác về vai trò của KHGD của giáo viên. ***c) Học liệu***
 |
|  | - Tài liệu đọc và Infographic nội dung hoạt động 3.1  |
|  | - Video bài giảng nội dung hoạt động 3.1 - Câu hỏi tương tác (trắc nghiệm, tự luận) ***d) Sản phẩm*** Phương án chọn và câu trả lời phần câu hỏi tương tác của học viên trên hệ thống LMS.  |
| **Hoạt động 3.2.** Các yêu cầu khi xây dựng KHGD của giáo viên  | 1. ***Yêu cầu cần đạt***

Trả lời đúng các câu hỏi tương tác về yêu cầu khi xây dựng KHGD của giáo viên***.*** 1. ***Nhiệm vụ***

Xem video bài giảng hoạt động 3.2 và nghiên cứu nội dung đọc của hoạt động 3.2 để: * Phân tích các yêu cầu khi xây dựng KHGD của giáo viên***.***
* Trả lời các câu hỏi tương tác về yêu cầu khi xây dựng KHGD của giáo viên.

***c) Học liệu***  |
|  | - Tài liệu đọc và Infographic nội dung hoạt động 3.2  |
|  | - Video bài giảng nội dung hoạt động 3.2 - Câu hỏi tương tác (trắc nghiệm, tự luận) ***d) Sản phẩm*** Phương án chọn và câu trả lời phần câu hỏi tương tác của học viên trên hệ thống LMS.  |
| **Hoạt động 3.3.** Cấu trúc  | ***a) Yêu cầu cần đạt*** Trả lời đúng các câu hỏi tương tác về cấu trúc KHGD của giáo viên***. b) Nhiệm vụ***  |

|  |  |
| --- | --- |
| KHGD của giáo viên | Xem video bài giảng hoạt động 3.3 và nghiên cứu nội dung đọc của hoạt động 3.3 để: - Trả lời các câu hỏi tương tác về cấu trúc KHGD của giáo viên. ***c) Học liệu***  |
|  | - Tài liệu đọc và Infographic nội dung hoạt động 3.3  |
|  | - Video bài giảng nội dung hoạt động 3.3  |
|  | - Kế hoạch giáo dục của giáo viên môn Ngữ văn minh họa - Câu hỏi tương tác (trắc nghiệm, tự luận) ***d) Sản phẩm*** Phương án chọn và câu trả lời phần câu hỏi tương tác của học viên trên hệ thống LMS.  |
| **Hoạt động 3.4.** Cách thức xây dựng KHGD của giáo viên  | ***a) Yêu cầu cần đạt*** - Trả lời đúng các câu hỏi tương tác về cách thức xây dựng KHGD của giáo viên. ***b) Nhiệm vụ*** Xem video bài giảng hoạt động 3.4 và nghiên cứu nội dung đọc của hoạt động 3.4 để: - Trả lời các câu hỏi tương tác về cách thức xây dựng KHGD của giáo viên. ***c) Học liệu***  |
|  | - Tài liệu đọc và Infographic nội dung hoạt động 3.4  |
|  | - Video bài giảng nội dung hoạt động 3.4 - Câu hỏi tương tác (trắc nghiệm, tự luận). ***d) Sản phẩm*** Phương án chọn và câu trả lời phần câu hỏi tương tác của học viên trên hệ thống LMS.  |
| **NỘI DUNG 4: XÂY DỰNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN NGỮ VĂN** |
| **Hoạt động 4.1.** Quan niệm và vai trò của kế  | 1. ***Yêu cầu cần đạt***

Trả lời đúng các câu hỏi tương tác về quan niệm và vai trò của kế hoạch bài dạy.1. ***Nhiệm vụ***
 |

|  |  |
| --- | --- |
| hoạch bài dạy | Xem video bài giảng hoạt động 4.1 và nghiên cứu nội dung đọc của hoạt động 4.1 để: * Phân tích vai trò KHBD**.**
* Trả lời các câu hỏi tương tác về vai trò KHBD. ***c) Học liệu***
 |
|  | - Tài liệu đọc và Infographic nội dung hoạt động 4.1  |
|  | - Video bài giảng nội dung hoạt động 4.1 - Câu hỏi tương tác (trắc nghiệm, tự luận). ***d) Sản phẩm*** Phương án chọn và câu trả lời phần câu hỏi tương tác của học viên trên hệ thống LMS. |
| **Hoạt động 4.2.** Các yêu cầu khi xây dựng kế hoạch bài dạy | ***a) Yêu cầu cần đạt*** Trả lời đúng các câu hỏi tương tác về các yêu cầu khi xây dựng KHBD. ***b) Nhiệm vụ*** Xem video bài giảng hoạt động 4.2 và nghiên cứu nội dung đọc của hoạt động 4.2 để: * Phân tích các yêu cầu khi xây dựng KHBD.
* Trả lời các các câu hỏi tương tác về các yêu cầu khi xây dựng KHBD. ***c) Học liệu***
 |
|  | - Tài liệu đọc và Infographic nội dung hoạt động 4.2  |
|  | - Video bài giảng nội dung hoạt động 4.2 - Câu hỏi tương tác (trắc nghiệm, tự luận). ***d) Sản phẩm*** Phương án chọn và câu trả lời phần câu hỏi tương tác của học viên trên hệ thống LMS. |
| **Hoạt động 4.3.** Cấu trúc kế hoạch bài dạy  | ***a) Yêu cầu cần đạt*** Trả lời đúng các câu hỏi tương tác về cấu trúc kế hoạch bài dạy***. b) Nhiệm vụ*** - Xem video bài giảng hoạt động 4.3, nghiên cứu nội dung đọc của hoạt động 4.3 để trả lời các câu hỏi tương tác về cấu trúc kế hoạch bài dạy của giáo viên.  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | ***c) Học liệu***  |
|  | - Tài liệu đọc và Infographic nội dung hoạt động 4.3  |
|  | - Video bài giảng nội dung hoạt động 4.3  |
|  | * Kế hoạch bài dạy minh họa môn Ngữ văn.
* Câu hỏi tương tác (trắc nghiệm, tự luận). ***d) Sản phẩm***

Phương án chọn và câu trả lời phần câu hỏi tương tác của học viên trên hệ thống LMS. |
| **Hoạt động 4.4.** Cách thức xây dựng kế hoạch bài dạy | ***a) Yêu cầu cần đạt*** * Trả lời đúng các câu hỏi tương tác về cách thức xây dựng kế hoạch bài dạy***.***
* Xây dựng được kế hoạch bài dạy. ***b) Nhiệm vụ***
* Xem video bài giảng hoạt động 4.4, nghiên cứu nội dung đọc của hoạt động 4.4 để trả lời các câu hỏi tương tác về cách thức xây dựng KHBD. - Lựa chọn 1 bài học cụ thể để xây dựng 1 KHBD minh họa đáp ứng yêu cầu tại phụ lục 4 của công văn 5512 và nộp lên hệ thống LMS. ***c) Học liệu***
 |
|  | - Tài liệu đọc và Infographic nội dung hoạt động 4.4  |
|  | - Video bài giảng nội dung hoạt động 4.4 - Câu hỏi tương tác (trắc nghiệm, tự luận). ***d) Sản phẩm*** Phương án chọn câu hỏi tương tác và KHBD do học viên xây dựng nộp trên hệ thống LMS. |
| **Hoạt động 4.5.** Phân tích, đánh giá kế hoạch bài dạy  | 1. ***Yêu cầu cần đạt***

Trả lời đúng các câu hỏi tương tác về phân tích, đánh giá kế hoạch bài dạy***.*** 1. ***Nhiệm vụ***

- Xem video bài giảng hoạt động 4.5, nghiên cứu nội dung đọc của hoạt động 4.5 để trả lời các câu hỏi tương tác về việc phân tích, đánh giá kế hoạch bài dạy.  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | - Nghiên cứu KHBD minh họa (được trình bày trong tài liệu) từ đó phân tích, đánh giá theo các tiêu chí tại Công văn 5555/BGDĐT-GDTrH; nộp bản phân tích, đánh giá lên hệ thống LMS. ***c) Học liệu***  |
|  | - Tài liệu đọc và Infographic nội dung hoạt động 4.5  |
|  | - Video bài giảng nội dung hoạt động 4.5  |
|  | * KHBD minh họa
* Câu hỏi tương tác (trắc nghiệm, tự luận). ***d) Sản phẩm***

Phương án chọn câu hỏi tương tác và bản nhận xét, đánh giá KHBD minh họa của học viên nộp trên hệ thống LMS.  |
| **Hoạt động 4.6.** Phân tích video sinh hoạt chuyên môn xây dựng kế hoạch bài dạy | ***a) Yêu cầu cần đạt*** * Xác định được các bước tổ chức sinh hoạt tổ chuyên môn về “Xây dựng KHBD theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh”.
* Nhận ra được các tiêu chí và xác định được mức độ đạt được về từng tiêu chí đối với KHBD từ nhận xét của các thành viên trong video. ***b) Nhiệm vụ***
* Xem video Sinh hoạt tổ chuyên môn về việc xây dựng kế hoạch bài dạy để thực hiện các yêu cầu sau:

**(1).** Mô tả quy trình sinh hoạt chuyên môn về xây dựng kế hoạch bài dạy theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS và xác định vai trò của các thành viên trong tổ. **(2).** Cách góp ý của các thành viên trong tổ về kế hoạch bài dạy như thế nào? Góp ý về vấn đề gì? Các góp ý của từng thành viên đã thể hiện được các mức độ của từng tiêu chí trong Công văn 5555/BGDĐT-GDTrH ra sao? Chỉ ra minh chứng. **(3).** Anh/chị có đề xuất gì để cải tiến quy trình tổ chức buổi sinh hoạt tổ chuyên môn về xây dựng kế hoạch bài dạy trong video? * Nộp câu trả lời lên hệ thống LMS. ***c) Học liệu***
* Video sinh hoạt Tổ chuyên môn về xây dựng kế hoạch bài dạy.
 |
|  | - Tiêu chí đánh giá kế hoạch bài dạy (theo Công văn 5555/BGDĐTGDTrH). ***d) Sản phẩm*** Câu trả lời của các câu hỏi phần nhiệm vụ nộp trên hệ thống LMS. |
| **NỘI DUNG 5: XÂY DỰNG KẾ HOẠCH TỰ HỌC VÀ HỖ TRỢ ĐỒNG NGHIỆP CỦA GIÁO VIÊN CỐT CÁN TRONG VIỆC XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC** **HIỆN KẾ HOẠCH GIÁO DỤC**  |
| **Hoạt động 5.1.** Xây dựng kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp | ***a) Yêu cầu cần đạt*** Trả lời đúng các câu hỏi tương tác về xây dựng kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệptrong việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục theo hướng phát triển PC và NL học sinh. ***b) Nhiệm vụ*** * Tải file mẫu kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục theo hướng phát triển PC và NL học sinh để dự kiến các nội dung hỗ trợ. - Trả lời các câu hỏi tương tác ***c) Học liệu***
* File mẫu kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp. - Câu hỏi tương tác (trắc nghiệm, tự luận). ***d) Sản phẩm***

Câu trả lời các câu hỏi tương tác học viên trên hệ thống LMS. |

**4.2. Kế hoạch bồi dưỡng trực tiếp**

Thời lượng: 2 ngày

### 4.2.1. Mục tiêu bồi dưỡng

Trong giai đoạn bồi dưỡng trực tiếp, học viên được thảo luận, chia sẻ, giải đáp các nội dung chưa rõ trong giai đoạn bồi dưỡng qua mạng và thực hành xây dựng các loại kế hoạch dạy học và giáo dục trong nhà trường.

Kết thúc quá trình bồi dưỡng trực tiếp, học viên có thể:

* Xây dựng được kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn (gồm kế hoạch dạy học môn học và kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục).
* Xây dựng được kế hoạch giáo dục của cá nhân trong năm học.
* Xây dựng được kế hoạch bài dạy môn Ngữ văn theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.
* Phân tích, đánh giá được kế hoạch bài dạy môn Ngữ văn thông qua trường hợp thực tiễn (case studies);
* Xây dựng được kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực học sinh THCS (đối với giáo viên phổ thông cốt cán). ***4.2.2. Hoạt động bồi dưỡng***

Kế hoạch tổ chức các hoạt động trong giai đoạn bồi dưỡng trực tiếp 2 ngày được thể hiện cụ thể như sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động**  | **Nội dung chính**  |
| **BUỔI 1**  |
| **Hoạt động 1.** Thảo luận, giải đáp các nội dung về KHGD của nhà trường  | ***a) Yêu cầu cần đạt*** * Xác định được ý nghĩa của việc xây dựng KHGD của nhà trường theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS và mối liên hệ giữa các loại KHGD và dạy học;
* Xác định được vai trò của GV trong xây dựng và thực hiện KHGD của nhà trường. ***b) Nhiệm vụ***
* Theo dõi (nghe và xem) phần trình bày vắn tắt của báo cáo viên về kế hoạch giáo dục của nhà trường.
* Đặt các câu hỏi, vấn đề còn phân vân liên quan đến các loại kế hoạch trong nhà trường phổ thông. - Thảo luận, chia sẻ, ghi nhận. ***c) Học liệu***
* Slide bài trình bày của báo cáo viên.
* Tài liệu text mô đun 4. ***d) Sản phẩm***

Các câu hỏi, ý kiến thảo luận, nội dung ghi chép của học viên. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động 2.** Phân tích kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn đã xây dựng (nộp trên LMS) | ***a) Yêu cầu cần đạt*** * Phân tích được kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn đã xây dựng ***b) Nhiệm vụ***
* Học viên thảo luận trong nhóm để chọn 1 KHGD của tổ chuyên môn đã xây dựng.
* Các nhóm trình bày KHGD trước lớp (chọn 1 đến 2 nhóm), (chú ý nêu rõ cách thực hiện, các câu hỏi, khó khăn trong quá trình thực hiện - Phân tích kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn của các nhóm trình bày.
* Lắng nghe, tiếp nhận các chia sẻ, kết luận của báo cáo viên (về quy trình thực hiện; yêu cầu cần đạt được của KHGD; việc xây dựng 1 hoạt động giáo dục từ mạch nội dung môn học). ***c) Học liệu***
* Học liệu hỗ trợ làm việc nhóm (giấy A0, bút viết bảng) - Máy chiếu, máy tính. ***d) Sản phẩm***
* Bản phân tích kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn của các nhóm trình bày.
 |
| **BUỔI 2**  |
| **Hoạt động 3.** Thực hành xây dựng/điều chỉnh KHGD môn học của tổ chuyên môn | ***a) Yêu cầu cần đạt*** Xây dựng được KHGD môn Ngữ văn (cho cả năm học) phù hợp thực tiễn nhà trường. ***b) Nhiệm vụ***  Học viên thực hiện theo nhóm để: * Dựa trên hế hoạch dạy học môn Ngữ văn lựa chọn ở buổi trước, thảo luận để điều chỉnh kế hoạch dạy học môn học.
* Từ đó xây dựng kế hoạch tổ chức 1 hoạt động giáo dục của tổ chuyên môn để dạy một bài học từ chương trình môn học (ví dụ: tham quan trài nghiệm thực tế, hoạt động phục vụ cộng đồng, …).
* Trình bày, thảo luận kết quả trước lớp. ***c) Học liệu***
 |

|  |  |
| --- | --- |
|  | * Học liệu hỗ trợ làm việc nhóm (giấy A0, bút viết bảng).
* Máy chiếu, máy tính.
* Chương trình giáo dục môn Ngữ văn 2018, tài liệu text mô đun 4 ***d) Sản phẩm***

KHGD môn Ngữ văn đã điều chỉnh cho phù hợp với đơn vị mình.  |
| **BUỔI 3**  |
| **Hoạt động 4.** Phân tích kế hoạch bài dạy minh họa | ***a) Yêu cầu cần đạt*** * Phân tích được kế hoạch bài dạy theo các tiêu chí của công văn 5555 ***b) Nhiệm vụ***
* Thảo luận nhóm để trao đổi về cácnhận xét, đánh giá KHBD minh họa (được trình bày trong tài liệu) mà học viên đã làm và nộp lên mạng.
* Đại diện 1 nhóm trình bày về đánh giá, nhận xét KHBD minh họa (kèm theo lí giải các nhận xét đó) và đặt các câu hỏi, khó khăn trong quá trình thực hiện.
* Học viên thảo luận để đưa ra các cách thức giao nhiệm vụ khác nhau cho HS với cùng 1 hoạt động, từ cùng 1 mục tiêu (như đọc SGK, khai thác hình ảnh, xem video,..)
* Lắng nghe, tiếp nhận các chia sẻ của báo cáo viên phân tích về khung của phụ lục 4 (về quy trình thực hiện, về tính mở trong hướng dẫn thực hiện các hoạt động (cùng mục tiêu, khác nội dung thì khác sản phẩm))

***c) Học liệu*** - Học liệu hỗ trợ làm việc nhóm (giấy A0, bút viết bảng) - Máy chiếu, máy tính. ***d) Sản phẩm*** Bản phân tích được kế hoạch bài dạy minh họa theo các tiêu chí của công văn 5555 Các lưu ý khi xây dựng kế hoạch bài dạy tại phụ lục 4 công văn 5512.  |
| **BUỔI 4** |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động 5. Thực hành xây dựng/hoàn thiện kế hoạch bài dạy môn** **Ngữ văn**  | ***a) Yêu cầu cần đạt*** * Xây dựng được kế hoạch bài dạy môn Ngữ văn theo hướng phát triển PC, NL học sinh ***b) Nhiệm vụ***
* Học viên thảo luận trong nhóm để chọn 1 bài học cụ thể trong chương trình môn học (hoặc lựa chọn từ các kế hoạch bài dạy mà cá nhân đã nộp trên LMS).
* Thực hành xây dựng (hoặc hoàn thiện) kế hoạch bài dạy môn Ngữ văn theo phụ lục 4 của công văn 5512.
* Trình bày kế hoạch bài dạy của nhóm trước lớp tập huấn.
* Chia sẻ, thảo luận và góp ý kế hoạch bài dạy của các nhóm khác. - Điều chỉnh kế hoạch bài dạy của nhóm cho phù hợp dựa trên sự góp ý.

***c) Học liệu*** * Học liệu hỗ trợ làm việc nhóm (giấy A0, bút viết bảng) - Máy chiếu, máy tính.
* Chương trình giáo dục môn Ngữ văn 2018, tài liệu text mô đun 4
* Tiêu chí đánh giá kế hoạch bài dạy (theo công văn 5555/BGDĐT-

DGTrH) ***d) Sản phẩm*** Kế hoạch bài dạy môn Ngữ văn đã điều chỉnh của nhóm.  |
| **Hoạt động 6.** Xây dựngkế hoạch hỗ trợ đồng nghiệpthực hiện mô đun 4  | ***a) Yêu cầu cần đạt*** Xây dựng kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục môn Ngữ văn theo hướng phát triển PC và NL học sinh. ***b) Nhiệm vụ*** * Tải file kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp trên LMS.
* Thảo luận, từ đó xây dựng kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục môn Ngữ văn. ***c) Học liệu***
* File kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp trên LMS.
 |
|  | - Tài liệu đọc Mô đun 4 - Nội dung 5 ***d) Sản phẩm*** File kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục môn Ngữ văn. |

**4.3. Kế hoạch bồi dưỡng qua mạng lần 2**

 (Thời lượng 7 ngày – sau khi tổ chức bồi dưỡng trực tiếp)

Sau khi bồi dưỡng trực tiếp, trong thời gian 7 ngày học viên chỉnh sửa, hoàn thiện các sản phẩm đánh giá cuối khóa và nộp trên trên hệ thống LMS.

**V.ĐÁNH GIÁ CUỐI KHÓA HỌC**

 ***Hướng dẫn làm bài tập:*** Học viên phải hoàn thành các nhiệm vụ sau:

* Trả lời 30 câu hỏi trắc nghiệm ở mức đạt trước khi bồi dưỡng trực tiếp.
* Trả lời khảo sát cuối khóa bồi dưỡng.
* Nộp các sản phẩm:

*+ Sản phẩm 1. Kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn Ngữ văn cho 1 khối lớp. + Sản phẩm 2. Kế hoạch bài dạy theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS môn Ngữ văn.*

*+ Sản phẩm 3. Xây dựng kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục môn Ngữ văn theo hướng phát triển PC và NL học sinh.*  ***Công cụ nộp sản phẩm***: Nộp các sản phẩm lên hệ thống LMS.

* ***Hướng dẫn chấm bài tập:*** Bài tập được các giảng viên sư phạm chấm theo thang điểm 100 với các tiêu chí cụ thể.
* **Phương án đánh giá toàn khóa**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG**  | **HỆ SỐ**  | **THANG** **ĐIỂM**  | **YÊU CẦU** **ĐẠT**  | **GHI CHÚ**  |
| 1. Chuyên cần (xem, tải, trả lời tất cả các câu hỏi tương tác)  | 0,2  | 100  | > 80  |   |
| 2. Trả lời câu hỏi trắc nghiệm  | 0,2  | 100  | > 80  |   |
| 3. Kế hoạch dạy học và giáo dục môn học  | 0,3  | 100  | > 70  | Chấm theo bảng tiêu chí  |
| 4. Kế hoạch bài dạy  | 0,3  | 100  | > 70  | Chấm theo bảng tiêu chí  |
| 5. Kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp (cho GVPTCC)  |   | Đạt  | Đạt  | Chấm theo bảng tiêu chí  |
| **Trung bình**  |  | **100**  | **> 75**  |  |

Tiêu chí đạt của khóa học: Tổng điểm trên 75 và đạt ở từng tiêu chí.

**VI. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

 Các tài liệu chung các môn cùng sử dụng,

1. Bộ GD và ĐT (2018), Chương trình giáo dục phổ thông, Chương trình tổng thể (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo), Hà Nội.
2. Bộ GD và ĐT (2018), Chương trình giáo dục phổ thông, Chương trình giáo dục môn Ngữ văn, (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo), Hà Nội.
3. Bộ GD và ĐT (2020), Công văn 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường (phụ lục 1,2,3,4)
4. Bộ GD và ĐT, Công văn số 2384/BGDĐT-GDTrH về việc hướng dẫn xây dựng KHGD nhà trường theo định hướng phát triển PC và NL HS.
5. Bộ GD và ĐT (2014), Công văn 5555/BGDĐT-GDTrH. Hà Nội.
6. Bộ GD và ĐT (2019), Quyết định số 4660/QĐ-BGDĐT ngày 4/12/2019 về việc ban hành danh mục các môn đun bồi dưỡng giáo viên cốt cán và cán bộ quản lí cơ sở giáo dục phổ thông cốt cán, Hà Nội.
7. Bộ GD và ĐT (2021), Công văn 2613/BGDĐT-GDTrH ngày 23 tháng 6 năm 2021 của Bộ GDĐT về việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học năm học 2021-2022.

**DANH SÁCH NGƯỜI HỖ TRỢ**

* + 1. TS. Hồ Trần Ngọc Oanh email: htnoanh@ued.udn.vn
		2. PGS.TS Ngô Minh Hiền email: nmhien\_kv@ued.udn.vn
		3. TS. Nguyễn Quang Huy email: nqhuy@ued.udn.vn
		4. PGS.TS. Trần Văn Sáng email: tvsang@ued.udn.vn

V. **TÀI LIỆU ĐỌC**

**-----------------------------------------------------------------------------------------**

**NỘI DUNG 1** **NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA**

**NHÀ TRƯỜNG THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC HỌC SINH Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ**

**1.1. Quan niệm và ý nghĩa của xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường**

“Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình GDPT do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình HS, tổ chức và cá nhân trong quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục” là một trong những nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường trung học[[1]](#footnote-1). Do đó, kế hoạch giáo dục của nhà trường được hiểu là kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành. Kế hoạch giáo dục của nhà trường là sự cụ thể hóa tiến trình thực hiện chương trình giáo dục cấp học, là cách mà một trường triển khai thực hiện chương trình giáo dục quốc gia sao cho phù hợp với điều kiện cụ thể về đội ngũ GV, HS, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, kinh phí, các đặc điểm cụ thể của địa phương, nhà trường. Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường là quá trình nhà trường cụ thể hóa chương trình giáo dục quốc gia, làm cho chương trình giáo dục quốc gia phù hợp ở mức cao nhất với thực tiễn của cơ sở giáo dục.

Trong các cấp độ của chương trình GDPT, kế hoạch giáo dục của nhà trường là cấp độ quan trọng nhất. Đây chính là văn bản chi phối việc soạn thảo kế hoạch dạy học và giáo dục của mỗi GV. Vì vậy mục tiêu của việc xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường là[[2]](#footnote-2):

* + - Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường bảo đảm yêu cầu thực hiện Chương trình GDPT cấp THCS và cấp THPT (sau đây gọi là chương trình) linh hoạt, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương và cơ sở giáo dục.
		- Phát huy tính chủ động, sáng tạo của tổ chuyên môn và GV trong việc thực hiện chương trình; khai thác, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu

thực hiện các phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo yêu cầu phát triển phẩm chất, năng lực HS.

* + - Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị hoạt động dạy học, giáo dục của nhà trường; bảo đảm tính dân chủ, thống nhất giữa các tổ chuyên môn và các tổ chức đoàn thể, phối hợp giữa nhà trường, cha mẹ HS và các cơ quan, tổ chức có liên quan tại địa phương trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

Việc xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực HS có ý nghĩa quan trọng, đó là:

* + - Giúp đạt được mục tiêu của chương trình GDPT đã quy định: Điều 31 Luật Giáo dục 2019 quy định chương trình GDPT phải đảm bảo các yêu cầu: (1) Thể hiện mục tiêu GDPT; (2) Quy định yêu cầu về phẩm chất và năng lực của HS cần đạt được sau mỗi cấp học, nội dung giáo dục bắt buộc đối với tất cả HS trong cả nước; (3) Quy định phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục và đánh giá kết quả giáo dục đối với các môn học ở mỗi lớp, mỗi cấp học của GDPT; (4) Thống nhất trong cả nước và được tổ chức thực hiện linh hoạt, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương và cơ sở giáo dục phổ thông; (5) Được lấy ý kiến rộng rãi các tổ chức, cá nhân và thực nghiệm trước khi ban hành; được công bố công khai sau khi ban hành. Vì vậy việc xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường phù hợp với điều kiện thực tiễn sẽ đảm bảo thực hiện chương trình GDPT 2018 đúng theo yêu cầu và quy định đó.
		- Giúp khai thác có hiệu quả, phù hợp cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường để tổ chức thực hiện chương trình.
		- Giúp phát huy quyền tự chủ của GV; huy động được các nguồn lực, lực lượng giáo dục khác nhau tham gia xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường.
		- Giúp thực hiện đổi mới việc tổ chức và quản lí các hoạt động chuyên môn trong nhà trường theo hướng quản trị nhà trường bao gồm: xây dựng kế hoạch; tổ chức thực hiện kế hoạch; kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện kế hoạch; điều chỉnh, hoàn thiện kế hoạch trong quá trình tổ chức thực hiện. Từ đó giúp nhà trường phát huy quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường.

**1.2. Yêu cầu trong xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh**

Trong xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS, cần đảm bảo thực hiện các yêu cầu sau:

* + - *Đảm bảo tính pháp lí trong xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường.*  Khi xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cần thực hiện đúng theo các văn bản pháp lí đã được quy định. Một số văn bản pháp lí gồm:

Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ GD&ĐT ban hành Chương trình GDPT;

 Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT ban hành Chương trình GDPT;

 Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/09/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ trường THCS, trường THCS và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Hướng dẫn nhiệm vụ giáo dục trung học hàng năm của Bộ GD&ĐT;

Công văn của Sở GD&ĐT địa phương về việc xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch nhà trường trong từng năm học.

* + - *Đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục của chương trình giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành:*

Mục tiêu được xây dựng trong kế hoạch giáo dục của nhà trường THCS phải vừa đáp ứng mục tiêu chương trình giáo dục cấp quốc gia, vừa đáp ứng yêu cầu về mục tiêu giáo dục của nhà trường; phù hợp với điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục của nhà trường.

Mục tiêu của chương trình giáo dục THCS là giúp HS tiếp tục phát triển các phẩm chất, năng lực đã được hình thành và phát triển ở cấp tiểu học, tự điều chỉnh bản thân theo các chuẩn mực chung của xã hội, biết vận dụng các phương pháp học tập tích cực để hoàn thiện tri thức và kĩ năng nền tảng, có những hiểu biết ban đầu về các ngành nghề, có ý thức hướng nghiệp để tiếp tục học lên THPT, học nghề hoặc tham gia vào cuộc sống lao động.  *\* Đảm bảo tính khoa học, tính sư phạm trong xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường.*

 Khi xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cần có sự thống nhất về mạch kiến thức giữa các môn học và các hoạt động giáo dục, từ đó góp phần thực hiện mục tiêu chung của cả cấp học. Kế hoạch dạy học và giáo dục môn học/hoạt động giáo dục theo từng khối lớp có thể điều chỉnh, sắp xếp lại nội dung, thời lượng dạy học đối với từng nội dung, cách thức tổ chức thực hiện, hình thức dạy học và tổ chức các hoạt động giáo dục… nhưng phải đảm bảo tính logic của mạch kiến thức, tính thống nhất giữa các môn học và các hoạt động giáo dục; đảm bảo tổng thời lượng của các môn học và các hoạt động giáo dục phù hợp với quy định trong chương trình GDPT 2018. Thực hiện nguyên tắc này sẽ tạo tính linh hoạt trong quá trình thực hiện kế hoạch giáo dục.

* + - *Đảm bảo khai thác hiệu quả, phù hợp cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường; phù hợp năng lực nhận thức của HS và đội ngũ cán bộ quản lí, GV nhà trường.*

Kế hoạch giáo dục của nhà trường cần được xây dựng phù hợp đặc điểm tâm sinh lí và nhận thức của HS, bối cảnh cụ thể của từng địa phương. Nhà trường cần lựa chọn nội dung, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục cho phù hợp, đảm bảo mục tiêu phát triển năng lực HS, phù hợp với đặc điểm HS. Đồng thời khai thác hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

* + - *Đảm bảo huy động và khai thác hiệu quả các nguồn lực trong xây dựng, thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường:*

Kế hoạch giáo dục của nhà trường cần sự tham gia của các bên liên quan trong và ngoài nhà trường từ khâu thiết kế đến giai đoạn thực thi như: CBQL, GV, ban đại diện cha mẹ HS, các tổ chức và cá nhân khác,...

**1.3. Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh ở trường trung học cơ sở**

Để xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS ở trường THCS cần thực hiện theo quy trình sau:

***a. Bước 1: Xây dựng khung kế hoạch thời gian thực hiện chương trình trong năm học*** Căn cứ vào kế hoạch thời gian năm học do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định và hướng dẫn nhiệm vụ giáo dục trung học hằng năm của Sở GDĐT[[3]](#footnote-3), Hiệu trưởng nhà trường tổ chức họp các thành phần liên quan để xây dựng khung kế hoạch thời gian thực hiện chương trình của từng môn học bắt buộc, môn học tự chọn, hoạt động giáo dục bắt buộc, nội dung giáo dục địa phương (sau đây gọi chung là môn học) bảo đảm tổng số tiết/năm học quy định trong chương trình. Chương trình mỗi môn học ở khối lớp được bố trí phù hợp trong cả năm học.Yêu cầu khi xây dựng cần đảm bảo phù hợp

với đội ngũ GV, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường. Để thực hiện nhiệm vụ này cần thực hiện các công việc sau:

* *Nghiên cứu chương trình GDPT 2018 cấp THCS:*

 Tìm hiểu hệ thống các môn học và hoạt động giáo dục được quy định trong chương trình giáo dục tổng thể cấp THCS; số tiết quy định trong chương trình; yêu cầu cần đạt của chương trình; điều kiện, yêu cầu thực hiện các môn học và hoạt động giáo dục.

* *Phân tích các điều kiện thực tiễn của nhà trường để thực hiện chương trình*: Cần phân tích các đặc điểm sau:
* Đặc điểm tình hình, kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương tác động đến các hoạt động giáo dục của nhà trường trong năm học.
* Đặc điểm của nhà trường trong thực hiện chương trình năm học, đánh giá những thuận lợi hoặc khó khăn có ảnh hưởng, cụ thể như: Đặc điểm HS của nhà trường (số lớp, số HS, số lượng HS theo giới tính, số lượng HS dân tộc/ khuyết tật/ khó khăn, tỉ lệ HS bán trú, tỉ lệ HS/ lớp….); Đặc điểm đội ngũ GV, nhân viên, CBQL (số lượng CBQL, số lượng GV, nhân viên; tỉ lệ GV/ lớp; số lượng theo trình độ đào tạo…); Đặc điểm cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường (số lượng, đặc điểm phòng học; các phòng chức năng, phòng thí nghiệm; các thiết bị dạy học và giáo dục hiện có; cơ sở vật chất thực hiện bán trú, nội trú nếu có…).
* *Xác định mục tiêu giáo dục của nhà trường trong năm học:*

 Cần xác định cụ thể mức độ HS cần đạt được về phẩm chất và năng lực; số lượng, chất lượng và hiệu quả hoạt động giáo dục của nhà trường. Mục tiêu bao gồm mục tiêu chung và các chỉ tiêu cụ thể (Chỉ tiêu về số lượng, chất lượng đối với từng khối/ lớp/ HS/ GV; chỉ tiêu về số lượng, chất lượng các môn học và hoạt động giáo dục thực hiện trong nhà trường).

* *Xây dựng khung kế hoạch thời gian thực hiện chương trình trong năm học*: Thông qua việc nghiên cứu chương trình GDPT 2018, đánh giá điều kiện thực tiễn của nhà trường để thực hiện chương trình cũng như mục tiêu giáo dục của nhà trường. Hiệu trưởng tổ chức họp các thành phần liên quan nhằm xây dựng khung kế hoạch thời gian thực hiện chương trình trong năm học, xác định các nội dung giáo dục, hình thức tổ chức phù hợp với môn học, hoạt động giáo dục.

 Một số lưu ý khi xây dựng khung kế hoạch thời gian thực hiện chương trình trong năm học đối với các nhà trường như sau:

1. Trong các năm học tới trường THCS sẽ có khối lớp thực hiện chương trình GDPT mới 2018 (khối lớp 6 năm học 2021-2022), có khối lớp vẫn thực hiện theo chương trình GDPT 2006 (khối lớp 7,8,9 năm học 2021-2022). Vì vậy đối với khối lớp 6 việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường được thực hiện theo công văn 5512/BGDDT-GDTrH ngày 18/12/2020. Đối với khối lớp 7,8,9 xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tiễn, đáp ứng được yêu cầu, mục tiêu chương trình. Nhà trường cần dựa trên các điều kiện thực tiễn để xây dựng kế hoạch và khung thời gian thực hiện phù hợp.
2. Trong phân phối khung kế hoạch thời gian thực hiện, đối với các môn nhiều tiết (Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ, Lịch sử và Địa lí, Khoa học tự nhiên) sẽ có nhiều GV thực hiện nên cơ bản các trường có thể dựa vào điều kiện nhà trường mà phân phối phù hợp trong 35 tuần của năm học, mỗi tuần số tiết như nhau để đảm bảo thực hiện yêu cầu cần đạt của môn học được tốt nhất. Với các môn có số tiết ít, nếu nhà trường đủ GV và cơ sở vật chất, thiết bị dạy học nên phân phối phù hợp trong 35 tuần ở cả 2 học kì của năm học. Tuy nhiên nếu thiếu GV hoặc thiếu cơ sở vật chất, thiết bị dạy học (Ví dụ như nhiều trường khu vực khó khăn thiếu phòng thực hành tin học, phòng học nghệ thuật hoặc thiếu GV các môn này…) các trường sẽ linh hoạt thực hiện, có thể bố trí dạy theo từng ½ học kì nhưng vẫn bảo đảm chương trình được thực hiện trong cả hai học kì. Việc bố trí GV phù hợp với điều kiện nhà trường, các trường có thể thực hiện liên kết với GV các trường khác đảm bảo GV thực hiện đủ số tiết yêu cầu (19 tiết/ tuần). Lưu ý: Nhà trường chủ động bố trí thời gian thực hiện chương trình bảo đảm tính khoa học, sư phạm, không gây áp lực đối với HS (không bắt buộc phải dạy môn học ở tất cả các tuần, không bắt buộc phải chia đều số tiết/tuần để sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất và đội ngũ GV, nhân viên của nhà trường).
3. Đối với môn Lịch sử và Địa lí:

 Chương trình môn Lịch sử và Địa lí bao gồm phân môn Lịch sử và phân môn Địa lí, mỗi phân môn được thiết kế theo mạch nội dung riêng, trong đó có nhiều nội dung dạy học liên quan được bố trí gần nhau để hỗ trợ nhau; nội dung Lịch sử được tích hợp trong những phần phù hợp của nội dung Địa lí và nội dung Địa lí được tích hợp trong những phần phù hợp của nội dung Lịch sử. Căn cứ tình hình đội ngũ GV của nhà trường, hiệu trưởng phân phối thời gian thực hiện và phân công GV dạy học các nội dung của chương trình phù hợp với năng lực chuyên môn. Nhà trường cần chủ động xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng GV để GV đáp ứng yêu cầu về chuyên môn đảm nhận việc dạy học toàn bộ chương trình môn học.

 Chương trình môn “Lịch sử và Địa lí” khối lớp 6 được thiết kế theo các phần Lịch sử và Địa lí tương đối độc lập, không có chủ đề chung; ở mỗi lớp 7,8,9 có một chủ đề chung (6-10 tiết). Vì vậy việc bố trí GV dạy môn này không thay đổi so với chương trình hiện hành. Đối với các chủ đề chung, 2 GV cùng dạy 1 lớp sẽ phối hợp với nhau để thực hiện. Mỗi mạch nội dung của môn Lịch sử và Địa lí có thể phân công cho một GV phân môn Lịch sử và một GV phân môn Địa lí để bắt đầu thực hiện và hoàn thành trong từng học kì của năm học, mỗi tuần đều có tiết Lịch sử, Địa lí với tổng thời lượng là 3 tiết/ tuần. Tổ chuyên môn dựa vào phân phối chung có thể sắp xếp phù hợp (Ví dụ học kì I xếp tuần 2 tiết Lịch sử, 1 tiết Địa lí và ngược lại ở học kì II). Lưu ý: Các trường có thể phân phối ngược lại nếu phù hợp với đặc điểm nhà trường. Các trường không bắt buộc phải dạy môn học ở tất cả các tuần, không bắt buộc phải chia đều số tiết/tuần để sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất và đội ngũ GV, nhân viên của nhà trường).

 Việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên môn tích hợp Lịch sử và Địa lí được thực hiện trong quá trình dạy học theo từng phân môn. Bài kiểm tra, đánh giá định kì được xây dựng bao gồm nội dung phân môn Lịch sử và phân môn Địa lí theo tỉ lệ phù hợp với nội dung và thời lượng dạy học của mỗi phân môn đến thời điểm kiểm tra, đánh giá.

1. Đối với môn Khoa học tự nhiên:

 Để thực hiện xây dựng phân phối thời gian thực hiện chương trình hiệu quả, CBQL và GV cần nghiên cứu kĩ đặc điểm, cấu trúc chương trình cũng như xác định cụ thể đặc điểm đội ngũ GV và cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tại nhà trường. Cấu trúc nội dung của Chương trình môn Khoa học tự nhiên như sau:

### Bảng 1.1. Cấu trúc nội dung chương trình môn Khoa học tự nhiên

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung**  | **Lớp**  |
| **6**  | **7**  | **8**  | **9**  |
| Mở đầu  | 5%  | 4%  | 2%  | 2%  |
| Chất và sự biến đổi của chất **(Hoá học, Sinh học)**  | 15%  | 20%  | 29%  | 31%  |
| Vật sống **(Sinh học)**  | 38%  | 38%  | 29%  | 25%  |
| **Nội dung**  | **Lớp**  |
| **6**  | **7**  | **8**  | **9**  |
| Năng lượng và sự biến đổi **(Vật lí)**  | 25%  | 28%  | 28%  | 28%  |
| Trái Đất và bầu trời **(Vật lí và Sinh học)**  | 7%  | 0%  | 2%  | 4%  |
| Đánh giá định kì  | 10%  | 10%  | 10%  | 10%  |

 Với các mạch kiến thức nêu trên, chương trình môn Khoa học tự nhiên của các lớp 6, 7, 8, 9 đều có 3 phần tương ứng với kiến thức thuộc lĩnh vực Vật lí, Sinh học, Hoá học được sắp xếp theo trình tự thời gian như sau: Lớp 6: Hoá học (20%) - Sinh học (38%) - Vật lí (32%); Lớp 7: Hoá học (24%) - Vật lí (28%) - Sinh học (38%); Lớp 8: Hoá học (31%) - Vật lí (28%) - Sinh học (31%); Lớp 9: Vật lí (30%) - Hoá học (31%) - Sinh học (29%).

 Tổng số tiết của 3 môn Vật lí, Hoá học, Sinh học trong chương trình hiện hành là 595 tiết; tổng số tiết của môn Khoa học tự nhiên là 560 tiết, giảm 35 tiết so với chương trình hiện hành. Tỉ lệ thời lượng giữa các lĩnh vực có dao động so với chương trình hiện hành và không ảnh hưởng lớn đến cơ cấu GV. Tổ chuyên môn (bao gồm GV Vật lí, Hóa học, Sinh học) phân công GV phụ trách theo chủ đề như trên và dạy đồng thời ở nhiều lớp (thay vì phân công 1 GV/môn/lớp như hiện nay). Nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn tập trung vào các chủ đề liên môn để bảo đảm sự phối hợp giữa các GV cùng dạy ở 1 lớp đối với các chủ đề có kiến thức liên quan.

 Về thời lượng, số tiết của môn Khoa học tự nhiên (4 tiết/tuần) ít hơn 35 tiết so với tổng số tiết của các môn Vật lí, Hóa học, Sinh học trong chương trình hiện hành nên sẽ không có sự xáo trộn về số lượng GV trong mỗi nhà trường. Chỉ khác trong sự phân công và xếp thời khóa biểu mà thôi. Ví dụ minh họa về phương án thực hiện chương trình với đội ngũ GV hiện hành như sau:

### Bảng 1.2. Minh họa phương án thực hiện chương trình với đội ngũ GV môn Khoa học tự nhiên

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian**  | **Lớp 6**  | **Lớp 7**  | **Lớp 8**  | **Lớp 9**  |
| Nửa đầu HK 1  | Hoá 20%  | Hoá 24%  |   | Lí 30%  |
| Nửa cuối HK1  | Sinh 38%  | Lí 28%  | Hoá 31%  |   |
| Nửa đầu HK 2  |   | Sinh 38%  | Lí 28%  | Hoá 31%  |
| Nửa cuối HK 2  | Lí 32%  |   | Sinh 31%  | Sinh 29%  |

Như vậy, ở mỗi lớp, các chủ đề thuộc mỗi lĩnh vực Vật lí, Hoá học, Sinh học do GV có chuyên môn tương ứng phụ trách và được thực hiện gọn trong mỗi nửa học kì. Việc chia mỗi năm học thành 2 học kì, mỗi kì thành 2 nửa (Semester) cũng được thực hiện phổ biến ở các nước trên thế giới (tùy điều kiện mà các trường linh hoạt bố trí phù hợp). Các chủ đề thuộc mỗi lĩnh vực Vật lí, Hóa học, Sinh học thực hiện trong 35 tuần, mỗi tuần đều có tiết với tổng thời lượng là 4 tiết/ tuần. Việc phân công GV bảo đảm khả thi cho các GV phụ trách dạy môn này đồng thời vẫn dạy các môn lớp 7, 8, 9. Một số nội dung mới, tổ/ nhóm chuyên môn tổ chức soạn bài và phân công GV dạy phù hợp dựa trên năng lực thực hiện của GV.

 Căn cứ vào điều kiện thực tiễn nhà trường có thể tổ chức dạy học đồng thời các chủ đề trong từng học kì, đảm bảo tính khoa học, tính sư phạm, phù hợp với nội dung môn học. Các trường không bắt buộc phải dạy môn học ở tất cả các tuần, không bắt buộc phải chia đều số tiết/tuần để sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất và đội ngũ GV, nhân viên của nhà trường. Về kiểm tra đánh giá, Bộ GD&ĐT đang xây dựng lại Thông tư 58 về đánh giá HS để bảo đảm sự phù hợp với Chương trình mới theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực. Kết quả đánh giá của mỗi chủ đề theo phân bố như trên được tính vào kết quả cuối cùng của môn học theo tỉ lệ % tương ứng.

 (5) Đối với nội dung giáo dục địa phương:

 Nội dung giáo dục của địa phương bao gồm những vấn đề cơ bản về văn hoá, lịch sử, địa lí, kinh tế, xã hội, môi trường, hướng nghiệp... của địa phương. Căn cứ vào nội dung cụ thể của tài liệu giáo dục địa phương, hiệu trưởng phân công GV dạy học các chủ đề. GV được phân công thực hiện chủ đề nào, cho khối lớp nào cần phù hợp với chuyên môn và năng lực thì sẽ xây dựng kế hoạch dạy học của chủ đề đó.

 Các chủ đề thực hiện nội dung giáo dục địa phương đáp ứng đầy đủ các lĩnh vực nội dung về: các vấn đề về văn hóa, lịch sử truyền thống của địa phương; các vấn đề về địa lí, kinh tế, hướng nghiệp của địa phương; các vấn đề về chính trị - xã hội, môi trường của địa phương. Các chủ đề cần phù hợp với điều kiện tổ chức dạy học của nhà trường và kế hoạch dạy học các môn học có liên quan, tạo thuận lợi cho HS liên hệ, vận dụng những nội dung kiến thức đã học trong các môn học với thực tiễn tại địa phương. Nhà trường dựa vào tình hình thực tiễn để phân phối kế hoạch thời gian thực hiện trong năm học.

Tùy vào điều kiện cụ thể của địa phương và nhà trường mà mỗi trường có thể xây dựng khung phân phối cho phù hợp. Đặc biệt quan tâm đến việc phân phối các hình thức tổ chức dạy học các chủ đề của nội dung giáo dục địa phương đa dạng với các hình thức như lên lớp, chủ đề hay tổ chức các tiết trải nghiệm. Tùy đặc điểm địa phương và nhà trường mà bố trí các hình thức này, ví dụ: Trường có điều kiện ở gần những địa điểm tham quan, di tích lịch sử, bảo tàng… phù hợp nội dung giáo dục địa phương có thể tăng cường các tiết trải nghiệm cho HS; trường vùng nông thôn, miền núi không gần hoặc không phù hợp có thể tăng các tiết lên lớp và chủ đề. Tùy vào điều kiện mà bố trí số tiết cho phù hợp đảm bảo thực hiện trong cả năm học, tuy nhiên không bắt buộc tuần nào cũng cần thực hiện. Ví dụ cụ thể được thể hiện tại khung sau:

###  Bảng 1.3. Ví dụ khung phân phối thời gian thực hiện chủ đề nội dung giáo dục địa phương

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung giáo dục địa phương khối 6/ Lĩnh vực**  | **Số tiết**  | **Số tiết/HK**  | **Số tiết thực hiện**  | **Tổ bộ môn/ GV** **phụ trách**  |
| **Lên lớp** | **Chủ** **đề**  | **Trải nghiệm**  |
| Các vấn đề về văn hóa, lịch sử truyền thống của địa phương (Chủ đề 1, chủ đề 2…)  | 12  | HK I  |   |   |   |   |
| HK 2  |   |   |   |   |
| Các vấn đề về địa lí, kinh tế, hướng nghiệp của địa phương ((Chủ đề 1, chủ đề 2…)  | 12  | HK I  |   |   |   |   |
| HK 2  |   |   |   |   |
| Các vấn đề về chính trị - xã hội, môi trường của địa phương (Chủ đề 1, chủ đề 2…)  | 11  | HK I  |   |   |   |   |
| HK 2  |   |   |   |   |

 Việc phân GV phụ trách dựa trên số lượng GV của trường và năng lực chuyên môn của GV: Ví dụ với các chủ đề về văn hóa, lịch sử truyền thống địa phương có thể do GV Lịch sử đảm nhận; chủ đề địa lí, kinh tế, hướng nghiệp do GV Địa lí thực hiện; chủ đề liên quan đến chính trị xã hội có thể do GV Giáo dục công dân thực hiện; chủ đề môi trường được thực hiện bởi GV Sinh học. Việc phân công GV đảm nhận đảm bảo phù hợp số tiết theo quy định (19 tiết/ 1 tuần).

GV dạy học chủ đề nào sẽ thực hiện việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên đối với chủ đề đó theo kế hoạch. Bài kiểm tra, đánh giá định kì được xây dựng phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường. Nội dung kiểm tra, đánh giá bao gồm nội dung các chủ đề đã dạy học đến thời điểm kiểm tra, đánh giá.

 (6) Đối với hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp:

 Đây là hoạt động giáo dục bắt buộc được thực hiện trong nhà trường với thời lượng là 105 tiết/năm thông qua 4 loại hình chủ yếu là sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp, hoạt động giáo dục theo chủ đề và sinh hoạt câu lạc bộ. Hoạt động này có sự tham gia, phối hợp, liên kết của nhiều lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường như: GV chủ nhiệm lớp, GV môn học, cán bộ tư vấn tâm lí học đường, cán bộ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, cán bộ Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, cán bộ phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, CBQL nhà trường, cha mẹ HS, chính quyền địa phương, các tổ chức, cá nhân trong xã hội. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho HS được tổ chức phong phú, đa dạng sẽ là môi trường, điều kiện thuận lợi giúp HS phát triển nhân cách một cách tốt nhất. Các trường lựa chọn các nhóm hoạt động cần thực hiện trong năm học phù hợp theo các chủ đề tháng và năm học để làm căn cứ cho GV xây dựng kế hoạch hoạt động của từng lớp hay khối lớp trong trường theo đúng quy định, từ đó phân phối chương trình hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. Tùy vào chương trình và sách giáo khoa đã lựa chọn, các trường xây dựng phân phối cho các loại hình tổ chức một cách phù hợp.

 Ví dụ minh họa một trường THCS A xây dựng phân phối khung thời gian thực hiện Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp lớp 6 trong năm học 2021 – 2022 như sau (Các trường khác tùy điều kiện có thể sắp xếp cho phù hợp):

***Bảng 1.4.***

### Ví dụ khung phân phối thời gian thực hiện hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tổng số tiết (105 tiết)**  | **SH dưới cờ** **(35 tiết)**  | **Sinh hoạt lớp** **(35 tiết)**  | **HĐ giáo dục theo chủ đề** **(35 tiết)**  |
| Hoạt động hướng vào bản thân (40%- 42 tiết)  | 14  | 14  | 14  |
| Hoạt động hướng đến xã hội (25% - 26 tiết)  | 10  | 8  | 8  |
| Hoạt động hướng đến tự nhiên (15%- 16 tiết)  | 5  | 6  | 5  |
| Hoạt động hướng nghiệp (20% - 21 tiết)  | 6  | 7  | 8  |

Tùy điều kiện thực tiễn, các trường phân phối khung thời gian thực hiện trong năm học cho phù hợp, đảm bảo thực hiện trong cả năm với 35 tuần ở cả 2 học kì. Nội dung phải đảm bảo tính toàn diện nhưng có trọng tâm theo chủ trương nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện. Các hoạt động cần được hoạch định cụ thể và được phân loại theo phạm vi cấp trường, khối, lớp và được sắp xếp theo hệ thống đảm bảo tính lôgic. Đồng thời các hoạt động được phân bố trải đều về thời gian từ đầu năm đến cuối năm theo các chủ đề, chủ điểm hợp lí, gắn với trách nhiệm tổ chức của từng lực lượng giáo dục: Tổ chuyên môn, khối chuyên môn, nhóm bộ môn và các bộ phận khác trong toàn trường. Phân phối nguồn lực cho từng hoạt động đã được xác định cho từng chủ đề, chủ điểm (thời gian, kinh phí, con người, cơ sở vật chất).

 Với hình thức sinh hoạt câu lạc bộ là hình thức không bắt buộc. Tùy điều kiện thực tiễn nhà trường có thể tổ chức các câu lạc bộ cho phù hợp với sở thích, nguyện vọng của HS, sau đó xây dựng kế hoạch (xác định rõ thời gian, địa điểm, các hoạt động tổ chức, người chủ trì, người phối hợp) phù hợp để HS tham gia.

 Hiệu trưởng chỉ đạo các bộ phận liên quan xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục (kế hoạch năm, tháng, tuần) thống nhất với kế hoạch chung của nhà trường, với kế hoạch của các bộ phận (để tránh tổ chức các hoạt động chồng chéo trong cùng một thời điểm, đồng thời có sự hỗ trợ và phối hợp tổ chức hoạt động của các bộ phận có liên quan).

 Căn cứ điều kiện thực tiễn của nhà trường, Hiệu trưởng chỉ đạo, phân công từng khối lớp thực hiện các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo chủ đề học tập của từng tháng. Hiệu trưởng căn cứ vào đặc điểm GV và tình hình nhà trường phân công người phụ trách tổ chức HĐTN, HN cho phù hợp. Hiệu trưởng Chỉ đạo GV chủ nhiệm, tổng phụ trách Đội, Đoàn thanh niên xây dựng kế hoạch, chương trình hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp dựa trên kế hoạch hoạt động. GV chủ nhiệm là người thiết kế tổ chức thực hiện các hoạt động thường xuyên tại lớp mình và là người chỉ đạo, tổ chức cho HS tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo chủ đề, chủ điểm và dạy các môn học. Các khối lớp, bộ môn và GV chủ nhiệm phải xây dựng kế hoạch trải nghiệm, hướng nghiệp thực tế cụ thể trình Hiệu trưởng phê duyệt. Từ đó phân phối khung thời gian thực hiện chương trình cho phù hợp tạo điều kiện huy động sự tham gia của nhiều lực lượng giáo dục trong tổ chức thực hiện chương trình.

Ví dụ nhà trường có thể phân công GV tổng phụ trách đội thực hiện các tiết của chủ đề thuộc loại hình sinh hoạt dưới cờ; GV chủ nhiệm lớp nào thực hiện các tiết chủ đề loại hình sinh hoạt lớp của lớp chủ nhiệm. Với hoạt động giáo dục theo chủ đề, tùy từng mạch nội dung và chủ đề phù hợp sẽ phân công GV thuộc đúng chuyên môn phụ trách, ví dụ với chủ đề của mạch nội dung hướng vào bản thân, hướng đến xã hội có thể phân công GV Giáo dục công dân phụ trách; với chủ đề của mạch nội dung hướng đến tự nhiên có thể phân công GV Sinh học phụ trách; với chủ đề của mạch nội dung hướng nghiệp có thể phân công GV Công nghệ thực hiện. Việc phân công là linh hoạt tùy vào điều kiện cụ thể của nhà trường (Số lượng GV, điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học…).

 Trong tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cần có sự kết hợp chặt chẽ giữa 3 môi trường: gia đình, nhà trường và xã hội. Các lực lượng giáo dục đều có vai trò và ảnh hưởng riêng, vì vậy cần phải quản lí tốt việc phối hợp các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường tạo môi trường giáo dục tốt nhất cho HS.

1. Đối với các hoạt động giáo dục được tổ chức theo hình thức tham quan, cắm trại, câu lạc bộ, hoạt động phục vụ cộng đồng (sau đây gọi chung là hoạt động giáo dục), Hiệu trưởng tổ chức xây dựng kế hoạch thời gian thực hiện phù hợp với kế hoạch thời gian thực hiện chương trình các môn học và điều kiện cụ thể của nhà trường; tạo môi trường cho HS được trải nghiệm, vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học trong chương trình các môn học, hoạt động giáo dục vào thực tiễn.
2. Đối với môn học tự chọn: Tùy vào đặc điểm, điều kiện thực tiễn của nhà trường, nhu cầu của HS mỗi trường có thể lựa chọn môn học tự chọn phù hợp (Ví dụ các trường ở thành phố có điều kiện có thể lựa chọn ngoại ngữ 2; các trường vùng khó khăn, miền núi có thể lựa chọn tiếng dân tộc thiểu số). Nếu điều kiện nhà trường không đáp ứng, HS không có nhu cầu thì các trường có thể không tổ chức dạy học các môn học tự chọn.

 Nói cách khác hiệu trưởng sẽ tổ chức các tổ trưởng chuyên môn để trao đổi, phân công 1 số môn học, xây dựng phân bổ thời gian thực hiện sao cho phù hợp với đội ngũ GV. Nhà trường cần bố trí khung kế hoạch thời gian thực hiện chương trình phù hợp, đảm bảo mỗi ngày học 1 buổi, mỗi buổi không bố trí quá 5 tiết học; mỗi tiết học 45 phút. Các trường có đủ điều kiện về GV, cơ sở vật chất (nhất là các trường nội trú, bán trú) tổ chức dạy học 02 buổi/ngày, mỗi ngày dạy không quá 08 tiết, mỗi tuần học không quá 06 ngày.

Trong giai đoạn này, hiệu trưởng đóng vai trò quan trọng. Hiệu trưởng có nhiệm vụ tổ chức cho CBQL, GV xây dựng khung kế hoạch thời gian thực hiện chương trình giáo dục như: (1) Tiến hành phân tích bối cảnh nhà trường để xác định rõ điểm mạnh, yếu, cơ hội, thách thức; từ đó xác định các mục tiêu giáo dục và dạy học của nhà trường. Xác định các việc cần làm, cách làm, phân bổ các nguồn lực và sắp xếp theo tiến độ hợp lí để thực thi kế hoạch giáo dục và dạy học hiệu quả. (2) Chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục môn học/hoạt động giáo dục theo yêu cầu phát triển phẩm chất, năng lực HS một cách phù hợp với đối tượng HS, điều kiện nhà trường, địa phương, năng lực của đội ngũ GV. (3) Tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan, các lực lượng giáo dục.

***b. Bước 2: Tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch dạy học và kế hoạch giáo dục theo khung kế hoạch thời gian thực hiện chương trình.***

 Dựa vào khung kế hoạch thời gian thực hiện chương trình, tổ chuyên môn cần: - Tổ chức sinh hoạt chuyên môn, nghiên cứu chương trình GDPT 2018, tìm hiểu hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học cấp trung học; các văn bản chỉ đạo việc xây dựng và thực hiện chương trình....

* Tổ chuyên môn dựa vào khung kế hoạch thời gian thực hiện chương trình (đã thực hiện ở bước 1) xây dựng kế hoạch dạy học (tham khảo phụ lục 1 công văn 5512/BGDĐTGDTrH ngày 18/12/2020) và kế hoạch giáo dục của tổ bộ môn (tham khảo phụ lục 2 công văn 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020). Đối với việc tổ chức các hoạt động giáo dục, đơn vị được giao chủ trì hoạt động nào xây dựng kế hoạch cụ thể để tổ chức hoạt động đó, bao gồm các thành phần cơ bản sau: mục đích, yêu cầu; nội dung, hình thức và chương trình tổ chức hoạt động; tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động đối với các đối tượng tham gia; thời gian và địa điểm tổ chức; nguồn lực được huy động để tổ chức thực hiện.
* Tổ chuyên môn thực hiện sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học; định kì sinh hoạt chuyên môn để xây dựng bài học minh hoạ, tổ chức dạy học và dự giờ để phân tích, rút kinh nghiệm giờ dạy dựa trên phân tích hoạt động học của HS theo 4 bước sau: (1) Mô tả hành động (đọc, nghe, viết, nói, làm) của HS trong hoạt động học (làm minh chứng để tiến hành bước 2 và bước 3); (2) Đánh giá kết quả hoạt động của HS (những gì học sinh đã học được, chưa học được); (3) Phân tích nguyên nhân những gì HS đã học được, chưa học được; (4) Đưa ra biện pháp khắc phục hạn chế, hoàn thiện kế hoạch dạy học.. Việc dự giờ, thăm lớp của GV được thực hiện theo kế hoạch sinh hoạt chuyên môn của tổ/nhóm chuyên môn và không đánh giá bài dạy trong sinh hoạt chuyên môn thường xuyên.
* Tổ chuyên môn phân công cụ thể nhiệm vụ của các GV trong tổ. GV được phân công cần chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân nhằm thực hiện hiệu quả nhiệm vụ được giao (tham khảo phụ lục 3 công văn 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020). Căn cứ vào đó, cụ thể từng GV sẽ xây dựng kế hoạch bài dạy để thực hiện hoạt động lên lớp hiệu quả (tham khảo phụ lục 4 công văn 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020).

 Kết quả của bước này là bản dự thảo kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn đã xây dựng. Trong đó tổ trưởng chuyên môn có vai trò quan trọng như: Điều hành tổ chức sinh hoạt chuyên môn, phân công nhiệm vụ hợp lí; tổ chức thảo luận, lấy ý kiến của các GV trong tổ và các lực lượng giáo dục khác nhau.

#### c. Bước 3: Hoàn thiện kế hoạch giáo dục của nhà trường và ban hành thực hiện kế hoạch

 Trong bước này cần thực hiện những hoạt động sau:

* Hiệu trưởng tổ chức họp lại các thành phần liên quan để xếp thời khóa biểu theo từng giai đoạn (theo số tuần phù hợp với sự thay đổi về môn học và GV dạy).
* Phân bổ các nguồn lực (đội ngũ GV, cơ sở vật chất, thiết bị, tài chính, thời gian…): Kế hoạch giáo dục tổng thể của nhà trường được xây dựng trên cơ sở tổng hợp phân phối chương trình dạy học các môn học và lựa chọn các chủ đề/ nội dung dạy học, hoạt động giáo dục. CBQL nhà trường cần phân bổ và cân đối các nguồn lực trong nhà trường một cách hợp lí và hiệu quả nhất để đảm bảo chương trình có thể được thực thi thành công. - Dự thảo kế hoạch giáo dục của nhà trường: Bản dự thảo kế hoạch bao gồm đầy đủ các nội dung để CBQL, GV có thể bao quát đầy đủ các hoạt động và tham gia đóng góp ý kiến nhằm điều chỉnh, hoàn thiện cho bản kế hoạch giáo dục nhà trường.
* Hiệu trưởng hoàn thiện văn bản kế hoạch giáo dục của nhà trường bao gồm: bảng tổng hợp chung các môn học; ác kế hoạch dạy học của các tổ chuyên môn, kế hoạch tổ chức hoạt động của các tổ chuyên môn; kế hoạch giáo dục của mỗi GV ( thay cho sổ báo giảng của các trường hiện nay). Hiệu trưởng thông qua hội đồng trường và báo cáo Phòng/Sở, ban hành.
* Báo cáo các cấp có thẩm quyền, tổ chức tuyên truyền rộng rãi, hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi để GV thực hiện các hoạt động giáo dục theo kế hoạch. Giám sát, kiểm tra, đánh giá và bổ sung điều chỉnh kế hoạch giáo dục của nhà trường trong quá trình thực hiện. - Kế hoạch giáo dục nhà trường sau khi được xây dựng và hoàn thiện cần được phổ biến rộng rãi tới các bên liên quan để việc triển khai thực hiện được hiệu quả. Đây cũng là cơ sở quan trọng để nhà trường có thể thu thông tin phản hồi phục vụ cho việc đánh giá cũng như điều chỉnh kế hoạch giáo dục của nhà trường.

 Chương trình tổng thể đã nêu: “Dựa trên nội dung và yêu cầu cần đạt của chương trình GDPT, các trường xây dựng kế hoạch giáo dục riêng cho trường mình một cách linh hoạt, mềm dẻo, phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của địa phương, bảo đảm mục tiêu và chất lượng giáo dục”. Sách giáo khoa là phương án cụ thể hoá chương trình môn học, không phải là văn bản quy phạm pháp luật như chương trình. Do đó, cần hướng dẫn GV căn cứ vào chương trình và gợi ý của sách giáo khoa để triển khai các hoạt động dạy học, giáo dục phù hợp với đối tượng HS và điều kiện cụ thể của nhà trường. Khi xây dựng khung thời gian thực hiện chương trình và xây dựng kế hoạch dạy học môn học và kế hoạch giáo dục, các nhà trường cần quán triệt áp dụng cho phù hợp nhằm đảm bảo tính hiệu quả.

**1.4. Gợi ý khung kế hoạch giáo dục của nhà trường theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh ở trường trung học cơ sở**

 Để xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tiễn, nhà trường có thể tham khảo khung kế hoạch gợi ý dưới dây: ***Bảng 1.5. Gợi ý khung kế hoạch giáo dục của nhà trường THCS***

1. **Căn cứ xây dựng kế hoạch** (*Các hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học; kế hoạch thời gian năm học đo UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định và ban hành; các văn bản pháp lí liên quan...)*
2. **Đặc điểm, điều kiện thực hiện chương trình năm học**
	1. ***Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục địa phương***
	2. ***Đặc điểm nhà trường*** *(Đặc điểm HS; đặc điểm đội ngũ CBQL, GV, nhân viên*

*trong nhà trường; đặc điểm cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường...)*

1. **Mục tiêu giáo dục năm học của nhà trường**
	1. ***Mục tiêu chung*** *(Dựa trên mục tiêu chung được quy định trong chương trình và đặc điểm, điều kiện thực tiễn nhà trường)*

|  |
| --- |
|  ***2. Các chỉ tiêu cụ thể*** (*Chỉ tiêu về số lượng, chất lượng đối với từng khối/ lớp/ HS/ GV; chỉ tiêu về số lượng, chất lượng các môn học và hoạt động giáo dục thực hiện trong nhà trường)* 1. **Khung kế hoạch thời gian thực hiện chương trình năm học và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục**
	1. ***Khung kế hoạch thời gian thực hiện chương trình năm học 20… - 20….***

 Thực hiện quyết định số ……/QĐ-UBND ngày …..của Chủ tịch UBND tỉnh/ thành phố về Kế hoạch thời gian năm học …..đối với giáo dục trung học.  Số tuần trong năm học: 35 tuần, từ ngày…………đến ngày…………..; trong đó; * + Học kì I: Từ ngày…….đến ngày………
	+ Học kì II: Từ ngày…………đến ngày……………

 Kế hoạch phân phối thời gian thực hiện chương trình môn học và hoạt động giáo dục năm học 20… - 20…. (*Tham khảo hướng dẫn xây dựng tại mục 1.3)*  ***2. Kế hoạch dạy học các môn học/ hoạt động giáo dục của khối/ lớp*** * + Kế hoạch dạy học các môn học/ hoạt động giáo dục của các tổ chuyên môn theo khối lớp (tham khảo phụ lục 1, phụ lục 2 công văn 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020) - Kế hoạch tổ chức các hoạt động tập thể, câu lạc bộ, ……(nếu có)

 ***3. Kế hoạch huy động, bố trí và sử dụng các nguồn lực để tổ chức thực hiện, bảo đảm khả thi, chất lượng, hiệu quả các hoạt động giáo dục*** 1. **Giải pháp thực hiện**
	1. ***Giải pháp 1:…………***
	2. ***Giải pháp 2: …………***
2. **Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường**

 ***1.Hiệu trưởng*** * 1. ***Phó hiệu trưởng***
	2. ***Tổ trưởng chuyên môn***
	3. ***Giáo viên, nhân viên***
1. **PHỤ LỤC**

  Nơi nhận: **HIỆU TRƯỞNG**  -……;  |

***\* Lưu ý:***

* + - GV đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường như: (1) GV tham gia đóng góp ý kiến để xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường; (2) GV là người trực tiếp thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường; (3) GV là người phối hợp với các lực lượng giáo dục thực hiện có hiệu quả kế hoạch giáo dục đã ban hành; (4) GV trực tiếp đánh giá hiệu quả của kế hoạch giáo dục từng năm, đề xuất thay đổi cho phù hợp. Vì vậy GV cần có hiểu biết về những định hướng, quan điểm mới trong chương trình GDPT tổng thể cũng như chương trình môn học mình phụ trách; chủ động xây dựng kế hoạch của cá nhân để thực hiện chương trình GDPT theo kế hoạch của tổ/nhóm chuyên môn và của nhà trường.
		- Các trường THCS cần chủ động chuẩn bị cho công tác thực hiện chương trình GDPT mới như: Chuẩn bị mọi điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị để phục vụ cho chương trình dạy lớp 6 trong năm học tới; lập kế hoạch lựa chọn đội ngũ GV có đầy đủ các yếu tố đáp ứng nhu cầu dạy học theo chương trình GDPT mới; tổ chức tập huấn, sinh hoạt chuyên đề, sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học để GV nâng cao phương pháp dạy học theo hướng phát triển phẩm chất năng lực HS; tiếp tục cử CBQL, GV cốt cán tham gia các lớp tập huấn do Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức.

**NỘI DUNG 2. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN NGỮ VĂN Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ**

**2.1. Khái niệm và ý nghĩa của việc xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn**

Kế hoạch giáo dục (KHGD) của tổ chuyên môn là bản dự kiến kế hoạch triển khai tất cả các hoạt động của tổ chuyên môn trong một năm học, nhằm thực hiện những mục tiêu phát triển của tổ chuyên môn và của nhà trường, bảo đảm yêu cầu thực hiện CTGDPT4. Kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn bao gồm kế hoạch dạy học môn học và kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục[[4]](#footnote-4).

Xây dựng KHGD của tổ chuyên môn là một phần của nhiệm vụ xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường trong năm học. Vì thế, mục tiêu của kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn xét ở khía cạnh thực hiện chương trình GDPT cũng phản ánh mục tiêu chung khi xây dựng KHGD của nhà trường và ý nghĩa của nó cũng vậy (đã được đề cập ở mục 1.1 của tài liệu này). Bên cạnh đó, việc xây dựng kế hoạch dạy học và kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn còn thể hiện những ý nghĩa sau đây:

* + - Đối với công tác quản lí, xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn giúp bảo đảm tính thống nhất giữa các tổ chuyên môn trong thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường trong năm học. Đây cũng là cơ sở để tổ trưởng chuyên môn, Hiệu trưởng nhà trường theo dõi, đôn đốc thực hiện cũng như đánh giá việc thực hiện công tác trong năm học nhằm đảm bảo thực hiện hiệu quả các công việc đã đề ra.
		- Đối với việc triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch của tổ chuyên môn là một căn cứ quan trọng để phân công nhiệm vụ cho GV tổ bộ môn, đặc biệt là nhiệm vụ giảng dạy và tổ chức các hoạt động giáo dục. Từ đó, GV có cơ sở triển khai việc xây dựng KHGD của cá nhân và kế hoạch bài dạy để thực hiện nhiệm vụ của mình. KHGD của tổ chuyên môn vì thế giống như một nhịp cầu nối giữa mục tiêu chung của chương trình với các bài học cụ thể của GV. Với một kế hoạch được xây dựng, GV có cơ sở để triển khai công việc giảng dạy hiệu quả, sử dụng nó như một danh sách theo dõi và thực hiện các công việc mà bản thân được phân công trong năm học một cách hiệu quả.

4, Bộ GD&ĐT (2020), *Xây dựng kế hoạch giáo dục và đổi mới kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn, Tài liệu tập huấn cho tổ trưởng chuyên môn*.

**2.2. Các yêu cầu đối với xây dựng kế hoạch của tổ chuyên môn[[5]](#footnote-5)**

* + - Đảm bảo tính pháp lí: Kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn cần được xây dựng dựa trên các căn cứ pháp lí cụ thể và các kế hoạch cấp cao hơn, chẳng hạn như hướng dẫn nhiệm vụ năm học của sở GD&ĐT; Khung kế hoạch thực hiện chương trình các môn học, chuyên đề lựa chọn, hoạt động giáo dục của nhà trường và nội dung giáo dục của địa phương; Công văn hướng dẫn nhiệm vụ năm học;… Thực hiện nguyên tắc này nhằm đảm bảo sự thống nhất trong việc thực hiện các loại kế hoạch theo hướng ngày càng cụ thể hóa các kế hoạch tổng thể để thực hiện một cách linh hoạt và có hiệu quả

CTGDPT.

* + - Đảm bảo tính khả thi: Khi xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn cần dựa trên việc phân tích đặc điểm tình hình của tổ chuyên môn và của nhà trường (đặc điểm HS, tình hình đội ngũ, thiết bị dạy học, phòng học bộ môn…), chú trọng và tính đến sự phân hóa của các yếu tố liên quan để xây dựng kế hoạch dạy học, kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục, kế hoạch các bài kiểm tra, đánh giá định kì và các nội dung khác phù hợp.
		- Đảm bảo tính logic: Cần đảm bảo tính logic của mạch kiến thức và tính thống nhất trong và giữa các môn học và hoạt động giáo dục. Kế hoạch của tổ chuyên môn theo từng khối lớp cần sắp xếp các bài học theo thời gian thực hiện một cách phù hợp, chú trọng đến sự thống nhất với các môn học và hoạt động giáo dục khác về khung thời gian, bố trí thời gian đánh giá phù hợp với kế hoạch chung của nhà trường.
		- Đảm bảo tính linh hoạt: Kế hoạch của tổ chuyên môn là bản kế hoạch các nhiệm vụ được đề ra để thực hiện trong năm học. Tuy vậy, đây không phải là một kế hoạch cứng nhắc bắt buộc phải thực thi, trong các trường hợp cần thiết do sự thay đổi từ tình hình thực tiễn, kế hoạch này có thể được điều chỉnh, kể cả về mặt nội dung và thời gian thực hiện. Sự linh hoạt này còn thể hiện ở chỗ, khi GV phát triển kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn thành kế hoạch giáo dục của cá nhân và KHBD, có thể linh động trong những trường hợp cần thiết để thực hiện kế hoạch một cách hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế.

**2.3. Vai trò của giáo viên trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn**

* + - Đối với việc xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn: Mỗi GV của tổ chuyên môn đều phải góp phần vào xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ. Trong đó, tổ trưởng chuyên môn là người chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn. Các thành viên khác của tổ dưới sự tổ chức và phân công nhiệm vụ của tổ trưởng sẽ tham gia vào quá trình này. GV tổ bộ môn cần tích cực, chủ động đề xuất các ý tưởng, tham gia xây dựng, đóng góp ý kiến, phản hồi để hoàn thiện kế hoạch. Sự tham gia của các thành viên tổ chuyên môn sẽ đảm bảo việc xây dựng một kế hoạch có tính thống nhất, sự đồng thuận cao trong việc thiết lập các kế hoạch và mục tiêu chung của tổ để thực hiện hiệu quả các mục tiêu trong năm học.
		- Đối với việc thực hiện kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn: Kế hoạch của tổ chuyên môn khi được phê duyệt bởi Hiệu trưởng nhà trường sẽ là căn cứ để GV triển khai thực hiện. GV cần nắm rõ các công việc và nhiệm vụ đặt ra trong kế hoạch để thực hiện theo đúng lịch trình. Mỗi GV có thể cụ thể hóa kế hoạch của tổ chuyên môn thành kế hoạch cá nhân chi tiết để thực hiện các nhiệm vụ một cách hiệu quả. Quá trình thực hiện các nhiệm vụ của kế hoạch của tổ chuyên môn vì thế vừa là quá trình thực hiện các kế hoạch đặt ra, vừa là quá trình cá nhân hóa các nhiệm vụ phù hợp với mỗi GV trong năm học. Trong quá trình này, nếu GV là tổ trưởng chuyên môn còn phải theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các kế hoạch để đảm bảo các nhiệm vụ được thực hiện, phối hợp với GV của tổ và Hiệu trưởng nhà trường để giải quyết các vấn đề phát sinh nếu có.

**2.4. Cấu trúc kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn**

Kế hoạch giáo dục của tổ chuyên bao gồm kế hoạch dạy học và kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục. Tổ chuyên môn trong quá trình xây dựng các kế hoạch này có thể tham khảo cấu trúc gợi ý dưới đây để thực hiện[[6]](#footnote-6):

* 1. ***Khung kế hoạch dạy học của tổ chuyên môn***

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG:................................. **TỔ:.**....................................  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **KẾ HOẠCH DẠY HỌC** **MÔN NGỮ VĂN, LỚP............** *(Năm học 20..... - 20.....)* **I. Đặc điểm tình hình** 1. **Số lớp:**...**; Số học sinh:**...**;**
2. **Tình hình đội ngũ: Số giáo viên:**...; **Trình độ đào tạo**: Cao đẳng:.....................

Đại học:……....; Trên đại học:……............ **Mức đạt chuẩn nghề nghiệp:** Tốt:.............; Khá:.............; Đạt:....... Chưa đạt:............. 1. **Thiết bị dạy học:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT  | Thiết bị dạy học  | Số lượng  | Các bài thí nghiệm/thực hành  | Ghi chú  |
| 1  |   |   |   |   |
| 2  |   |   |   |   |
| …  |   |   |   |   |

1. **Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT  | Tên phòng  | Số lượng  | Phạm vi và nội dung sử dụng  | Ghi chú  |
| 1  |   |   |   |   |
| 2  |   |   |   |   |
| ...  |   |   |   |   |

**II. Kế hoạch dạy học**[[7]](#footnote-7)1. **Phân phối chương trình**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT  | Bài học (1)  | Số tiết (2)  | Yêu cầu cần đạt (3)  |
| 1  |   |   |   |
| 2  |   |   |   |
| ...  |   |   |   |

1. **Kiểm tra, đánh giá định kì**

 |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Bài kiểm tra, đánh giá  | Thời gian (1)  | Thời điểm (2)  | Yêu cầu cần đạt (3)  | Hình thức (4)  |   |
| Giữa Học kì 1  |   |   |   |   |
| Cuối Học kì 1  |   |   |   |   |
| Giữa Học kì 2  |   |   |   |   |
| Cuối Học kì 2  |   |   |   |   |
| **III. Các nội dung khác (nếu có):** ........................................................................................................................................  *…., ngày…..tháng…..năm 20* **TỔ TRƯỞNG HIỆU TRƯỞNG**  *(Kí và ghi rõ họ tên)* *(Kí và ghi rõ họ tên)* |

* 1. ***Khung kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục của tổ chuyên môn***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  **TRƯỜNG:** ................................. **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **TỔ:** ............................................. **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC** **CỦA TỔ CHUYÊN MÔN** (Năm học 20..... - 20.....) 1. **Khối lớp:......................; Số học sinh:…………….**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT  | Chủ đề (1)  | Yêu cầu cần đạt (2)  | Số tiết (3)  | Thời điểm (4)  | Địa điểm (5)  | Chủ trì (6)  | Phối hợp (7)  | Điều kiện thực hiện (8)  |
| 1  |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 2  |   |   |   |   |   |   |   |   |
| ...  |   |   |   |   |   |   |   |   |

1. **Khối lớp:......................; Số học sinh:…………….**

 |
|  | STT  | Chủ đề (1)  |  | Yêu cầu cần đạt (2)  | Số tiết (3)  | Thời điểm (4)  | Địa điểm (5)  | Chủ trì (6)  | Phối hợp (7)  | Điều kiện thực hiện (8)  |  |
| 1  |   |  |   |   |   |   |   |   |   |
| 2  |   |  |   |   |   |   |   |   |   |
| ...  |   |  |   |   |   |   |   |   |   |
|  |  | **TỔ TRƯỞNG** *(Kí và ghi rõ họ tên)*  | *…., ngày…..tháng…..năm 20…* **HIỆU TRƯỞNG** *(Kí và ghi rõ họ tên)*  |

**2.5. Quy trình xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn**

Như đã trình bày ở nội dung 1 của tài liệu này, vào đầu năm học, Hiệu trưởng nhà trường đã tổ chức họp các thành phần liên quan để xây dựng khung kế hoạch thời gian thực hiện chương trình của từng môn học, hoạt động giáo dục, nội dung giáo dục địa phương. Trên cơ sở này, các tổ chuyên môn, trong đó có tổ chuyên môn Ngữ văn tiến hành xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ. Đây là một phần của nhiệm vụ quan trọng trong xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường để thực hiện CTGDPT 2018. Xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn bao gồm xây dựng kế hoạch dạy học và kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục được phân công.

Việc xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn gắn liền với nhiều nhiệm vụ, liên quan đến cả kế hoạch chung của nhà trường, các tổ chuyên môn khác và tất cả các GV bộ môn nên đòi hỏi quá trình xây dựng phải xem xét cân nhắc nhiều yếu tố, có sự liên hệ ngược, bàn luận xen kẽ chứ không thể theo một quy trình tuyến tính. Chính vì thế, các bước dưới đây được cung cấp như một hướng dẫn để tổ trưởng chuyên môn và GV tổ chuyên môn tham khảo trong quá trình xây dựng kế hoạch của tổ. Các bước này cũng hướng tới việc các kế hoạch theo cấu trúc đã gợi ý ở mục 2.4 của tài liệu này.



***Hình 2.1. Quy trình xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn***

### a. Bước 1) Phân tích đặc điểm tình hình

Để xây dựng kế hoạch dạy học và kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục của tổ chuyên môn Ngữ văn (theo cấu trúc hướng dẫn tại các phụ lục 1 và phụ lục 2 của công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH), cần phải đánh giá đầy đủ:

* Tình hình HS: Tổ chuyên môn cần thống kê số lớp học, tổng số HS của mỗi khối lớp.
* Tình hình GV: Số GV, trình độ đào tạo của các GV trong tổ theo các cấp từ cao đẳng, đại học, trên đại học và mức đạt chuẩn nghề nghiệp GV theo các mức: Tốt, Khá, Đạt, Chưa đạt theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp GV cơ sở giáo dục phổ thông).
* Tình hình thiết bị dạy học của môn học do tổ chuyên môn phụ trách (cụ thể theo phụ lục 1 của công văn 5512), trong đó đánh giá cụ thể thiết bị dạy học nào còn sử dụng được; sử dụng được để dạy học các bài, chủ đề nào trong chương trình môn học. Cần lưu ý phương tiện, trang thiết bị dạy học của bài học nhằm đảm bảo YCCĐ. Cùng với việc so sánh đối chiếu với kết quả phân tích tình hình, đối chiếu với Thông tư của Bộ GD&ĐT về “Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu” để xem xét các thiết bị hiện có có đảm bảo yêu cầu sử dụng, đầy đủ hay chưa để đề xuất sửa chữa, sắm mới, thiết kế thêm).
* Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập. Đối với các phòng hoặc địa điểm có thể sử dụng để tổ chức dạy học, tổ chuyên môn có thể lập danh sách dưới dạng bảng theo tên phòng, số lượng, phạm vi và nội dung sử dụng và những ghi chú về đặc điểm, tình trạng để có định hướng sử dụng phù hợp.

***b. Bước 2) Xây dựng kế hoạch dạy học và kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo***

### dục của tổ chuyên môn

Trên cơ sở tình hình năm học đã phân tích, tổ chuyên môn tiến hành xây dựng kế hoạch dạy học và kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục cho các khối lớp. Các nhiệm vụ chính trong xây dựng các loại kế hoạch này bao gồm: (1) Phân phối chương trình, (2) Kế hoạch các bài kiểm tra, đánh giá định kì; (3) Kế hoạch các nội dung khác (nếu có) và (4) Kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục. Phần dưới đây hướng dẫn tổ chuyên môn cách thực hiện các nhiệm vụ này:

### (1) Xây dựng phân phối chương trình các khối lớp

CTGDPT tổng thể quy định thời lượng thực học trong một năm học, số buổi học, số tiết học tối đa trong một buổi, thời gian mỗi tiết học. Dựa trên cơ sở đó, CTGDPT môn Ngữ văn quy định những nội dung và YCCĐ phải thực hiện, xác định tỉ lệ thời lượng các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe. Chính vì vậy, việc dạy học đảm bảo các yêu cầu cần đạt trong bối cảnh thời gian nhất định (có hạn) đòi hỏi phải có sự cân đối, sắp xếp thời lượng cho các nội dung một cách phù hợp để sử dụng hiệu quả thời gian cho phép. Đây chính là nhiệm vụ của xây dựng phân phối chương trình. Tổ chuyên môn có thể thực hiện theo cách thức gợi ý sau:

* *Xác định mạch nội dung*: căn cứ vào phần nội dung khái quát và nội dung cụ thể cho từng khối lớp (thể hiện qua các YCCĐ về các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe; kiến thức tiếng Việt và kiến thức văn học; văn bản, ngữ liệu) trong bản chương trình môn Ngữ văn 2018 để xác định các mạch nội dung dạy học. Khi xác định được mạch nội dung môn Ngữ văn, GV có thể xác định được các chủ đề cho một khối lớp trong một năm học và thời lượng tổ chức hoạt động dạy học của các chủ đề đó, làm cơ sở cho các giai đoạn tiếp theo.

Chẳng hạn với việc dạy đọc ở lớp 6 thì trước hết GV phải căn cứ vào YCCĐ về việc dạy đọc văn bản văn học được nêu ở cấp này (tr.40-44 của chương trình môn Ngữ văn) để xác định thể loại sẽ dạy. Cụ thể các văn bản văn học lớp 6 gồm có các thể loại *truyền thuyết, cổ tích, đồng thoại, truyện ngắn, thơ và thơ lục bát, hồi kí* hoặc *du kí*. Hay đối với DH văn bản thông tin ở lớp 6, dựa vào YCCĐ, GV có thể xác định được kiểu dạng văn bản thông tin sẽ dạy đó là *văn bản thuật lại một sự kiện, biên bản ghi chép, sơ đồ tóm tắt nội dung.*

* *Xác định thời lượng dạy học:* Dựa vào phần Thời lượng thực thiện chương trình trong bản chương trình Ngữ văn 2018 (tr.89), dựa vào số lượng YCCĐ cho mỗi kiểu văn bản/ thể loại, dựa vào thời lượng chương trình dành cho các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe; GV tính được tổng số tiết dành cho mỗi nội dung DH. Chẳng hạn, đối với cấp THCS, thời lượng được quy định như sau: đọc (khoảng 63%), viết (22%), nói và nghe (10%), đánh giá định kì (5%). Với thời lượng 140 tiết dành cho mỗi lớp, GV có thể tính được số tiết dự kiến dành cho mỗi kĩ năng đọc, viết, nói và nghe và đánh giá định kì.

*- Xác định, liệt kê các bài học và YCCĐ tương ứng theo trình tự thời gian thực hiện:* Các bài học có thể được xác định bằng nhiều cách khác nhau, có thể lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường trên cơ sở tham khảo chương trình, SGK mà địa phương lựa chọn. Trong trường hợp thiết kế lại các bài học, cần căn cứ vào tính logic, đặc điểm của kiến thức, tính trọn vẹn của vấn đề để xây dựng thành các bài học hoặc chủ đề phù hợp với điều kiện thực tiễn dạy học nhà trường. Sau đó, đối với mỗi bài học, tổ chuyên môn cần xác định các YCCĐ tương ứng. Cần lưu ý, tổ chuyên môn có thể phát triển và ghi thêm các YCCĐ khác theo hướng nâng cao đối với bài học đã xác định dựa trên phân tích đặc điểm HS và các điều kiện tổ chức dạy học nhưng phải đảm bảo việc thực hiện các YCCĐ được quy định trong chương trình.

Căn cứ vào phần YCCĐ của các cấp lớp trong CTGDPT môn Ngữ văn, GV sẽ xác định các YCCĐ tương ứng với bài học sẽ dạy. Chẳng hạn, khi xác định được kiểu dạng văn bản văn học sẽ dạy đó là *thơ lục bát,* GV căn cứ vào phần YCCĐ về văn bản văn học trong chương trình Ngữ văn 2018 (tr.40-44) để xác định các YCCĐ tương ứng với bài học như sau:

 + YCCĐ về kĩ năng đọc:

 Nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp của thơ lục bát;

 Nhận biết được chủ đề của văn bản;

 Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản; Nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ;

Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do văn bản gợi ra. + YCCĐ về kĩ năng viết: Làm được thơ lục bát;

 + YCCĐ về kĩ năng nói và nghe:

 Thảo luận nhóm, nhận xét về hình thức và nội dung của bài thơ lục bát của bạn trong nhóm.

 Trình bày cảm xúc cá nhân khi nghe bài thơ lục bát.

* *Xác định ngữ liệu giảng dạy*: Căn cứ vào những kiểu văn bản/ thể loại đã xác định, GV lựa chọn ngữ liệu phù hợp, đáp ứng được YCCĐ về các kiểu văn bản/ thể loại mà chương trình đã nêu. Lưu ý: các nội dung DH cần khai thác đối với ngữ liệu cần căn cứ trên YCCĐ chứ không phải căn cứ hoàn toàn vào ngữ liệu. GV có thể lựa chọn các văn bản có sẵn trong SGK, GV cũng có thể lựa chọn văn bản khác phù hợp miễn sao các năng lực được phát triển cho HS đều căn cứ vào các YCCĐ. Chẳng hạn với YCCĐ đã xác định được ở trên, GV có thể lựa chọn các ngữ liệu phù hợp như: những bài ca dao như “Công cha như núi ngất trời”, “Trong đầm gì đẹp bằng sen”, “À ơi tay mẹ” (Bình Nguyên), “Hành trình của bầy ong” (Nguyễn Đức Mậu), “Về thăm mẹ” (Đinh Nam Khương),…
* *Xác định nội dung chính của chủ đề*: Phần “Nội dung” trong chương trình GDPT môn Ngữ văn chỉ trình bày những nội dung dạy học liên quan đến kiến thức tiếng Việt, kiến thức văn học và ngữ liệu chứ không trình bày thành các nội dung dạy học cụ thể. Dựa vào các YCCĐ được quy định trong chương trình môn Ngữ văn 2018, căn cứ vào kiểu văn bản/ thể loại và ngữ liệu đã xác định, GV có thể xác định nội dung chính của chủ đề DH.

\* *Xác định thời lượng (số tiết) sử dụng để giảng dạy các bài học cụ thể:* Trên cơ sở số tiết dành cho các mạch nội dung chính đã xác định, tổ chuyên môn nghiên cứu các YCCĐ của từng bài học, tham khảo SGK mà địa phương lựa chọn để xác định và phân bổ số tiết phù hợp cho các bài học cụ thể. Số tiết của mỗi bài học phụ thuộc vào nhiều yếu tố, quan trọng nhất là số lượng YCCĐ và mức độ cần đạt trong mỗi yêu cầu (thể hiện qua động từ diễn đạt mức độ nhận thức). Những YCCĐ được mô tả ở mức độ nhận thức cao, phức hợp thường phải dự kiến dành nhiều thời gian hơn các yêu cầu cần đạt ở mức độ thấp. Bên cạnh đó, đặc điểm của loại kiến thức (kiến thức lí thuyết, kiến thức thực tiễn) hoặc tính chất bài học (lí thuyết, thực hành) cũng là những yếu tố cần lưu ý. Ngoài ra, do chương trình được xây dựng có tính kế thừa nên việc xác định thời lượng các bài học có thể căn cứ thêm vào kinh nghiệm thực tiễn dạy học của GV trong chương trình 2006. Sau đó, tiến hành cân đối lại số tiết các bài để đảm bảo số tiết phù hợp và ghi vào cột số tiết trong cấu trúc phân phối chương trình theo gợi ý.

### (2) Xây dựng kế hoạch các bài kiểm tra, đánh giá định kì

Tổ chuyên môn căn cứ trên cơ sở số tiết dành cho đánh giá định kì được quy định trong CTGDPT môn Ngữ văn và nghiên cứu các quy định về kiểm tra, đánh giá hiện hành để xác định các bài kiểm tra, đánh giá với các nội dung cụ thể bao gồm:

* Thời gian làm bài cụ thể cho từng bài (số phút), thời điểm (tuần thứ, tháng, năm thực hiện bài kiểm tra, đánh giá). Thời điểm đánh giá cần dựa trên kế hoạch chung của nhà trường để có sự thống nhất và phù hợp giữa các môn học và hoạt động giáo dục.
* YCCĐ (mức độ cần đạt đến thời điểm kiểm tra, đánh giá theo phân phối chương trình) và hình thức bài kiểm tra, đánh giá.

### (3) Xây dựng kế hoạch cho các nội dung khác (nếu có)

Nếu có các nhiệm vụ dạy học khác được tiến hành trong năm học, chẳng hạn như kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, kế hoạch sinh hoạt chuyên môn… tổ chuyên môn cũng cần xây dựng kế hoạch cho các nội dung này. Không có khuôn mẫu cho việc trình bày các loại kế hoạch này, tuy nhiên kế hoạch nên thể hiện được nội dung, số tiết, YCCĐ, thiết bị hỗ trợ và địa điểm để tổ chức cụ thể.

### (4) Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục

Trước khi bắt đầu năm học, tổ chuyên môn tiến hành sinh hoạt chuyên môn để xác định một số hoạt động giáo dục liên quan đến môn học có thể tổ chức cho HS các khối lớp trong năm học đó. Chẳng hạn như các hoạt động tham quan, cắm trại, sinh hoạt tập thể, câu lạc bộ hoặc các hoạt động phục vụ cộng đồng… Nếu có sự đồng ý và phân công của Hiệu trưởng trong cuộc họp với các bên liên quan tổ chức vào đầu năm học thì tổ chuyên môn sau đó sẽ xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện các hoạt động này.

Đối với mỗi hoạt động giáo dục sẽ tổ chức, tổ chuyên môn cần xác định YCCĐ của các chủ đề, tức là mức độ cần đạt của hoạt động giáo dục đối với HS tham gia và số tiết tương ứng. Đối với hoạt động giáo dục, các mục tiêu hình thành và phát triển phẩm chất luôn được nhấn mạnh bên cạnh mục tiêu về năng lực.

Tổ chuyên môn cũng cần xác định hoạt động đó sẽ được tổ chức vào thời điểm nào và ở đâu? Việc xác định thời điểm có thể phụ thuộc vào nhiều yếu tố vì liên quan đến các hoạt động khác của nhà trường và tổ chuyên môn, tuy nhiên cần lưu ý sự liên quan của các hoạt động này với các nội dung dạy học để chọn thời điểm tổ chức phù hợp, logic theo hướng vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học. Địa điểm để tổ chức hoạt động giáo dục của tổ chuyên môn có thể ở trong hoặc ngoài khuôn viên nhà trường như phòng đa năng, sân chơi, bãi tập, cơ sở sản xuất, kinh doanh, tại di sản, tại thực địa...

Ngoài ra, tổ chuyên môn cũng cần xác định đơn vị, cá nhân nào sẽ chủ trì và phối hợp để tổ chức hoạt động, các yêu cầu về điều kiện thực hiện (cơ sở vật chất, thiết bị học liệu… để đảm bảo hoạt động đươc thực hiện hiệu quả.

#### c. Bước 3) Rà soát hoàn thiện dự thảo và thông qua tổ chuyên môn

Sau khi xây dựng xong các kế hoạch, tổ chuyên môn cần tiến hành rà soát lại các nhiệm vụ để có bản dự thảo hoàn thiện. Cần chú trọng đến sự phù hợp của phân phối chương trình, các bài kiểm tra, đánh giá định kì cũng như tính khả thi của các hoạt động đề xuất. Các kế hoạch này sau đó cần được hoàn thiện theo cấu trúc hướng dẫn ở phụ lục 1 và phụ lục 2 của công văn 5512/BGDĐT-GDTrH. Sau đó, cần tiến hành lấy ý kiến và thông qua tổ chuyên môn để đạt được sự thống nhất.

***d. Bước 4) Phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn***

Bản dự thảo hoàn thiện kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn sau khi thông qua tổ chuyên môn được trình Hiệu trưởng nhà trường xem xét phê duyệt và công bố như một phần của kế hoạch giáo dục của nhà trường trong năm học. Đây là căn cứ để tổ chuyên môn triển khai thực hiện kế hoạch này trong năm học. Nhiệm vụ quan trọng sau khi kế hoạch của tổ được phê duyệt là tổ trưởng chuyên môn tiến hành phân công nhiệm vụ cho các GV của tổ chuyên môn. Việc phân công GV cần căn cứ vào tổng thời lượng (số tiết) dạy học môn học của các khối lớp và các nhiệm vụ khác được phân công như dạy học các chủ đề nội dung giáo dục địa phương, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. Trên cơ sở đó, dựa trên số lượng GV của tổ chuyên môn và cân nhắc đến các yếu tố liên quan của mỗi cá nhân GV trong tổ (ví dụ chủ nhiệm hay không chủ nhiệm) để phân công các nhiệm vụ cho mỗi GV, bảo đảm số tiết/tuần của tất cả GV phù hợp định mức giờ dạy theo quy định hiện hành.

Trên cơ sở nhiệm vụ được tổ trưởng phân công, mỗi GV bộ môn sau đó sẽ tiến hành xây dựng kế hoạch giáo dục của cá nhân để thực hiện các nhiệm vụ đó trong năm học. Ý nghĩa, cách thức xây dựng kế hoạch giáo dục của cá nhân được đề cập và hướng dẫn trong phần tiếp theo của tài liệu này (Nội dung 3).

##### 2.6. Kế hoạch dạy học môn Ngữ văn minh hoạ

Trong khuôn khổ tài liệu tập huấn, ban biên soạn giới thiệu KHDH môn Ngữ văn minh họa học kì 1 lớp 6. Đây là KHDH môn học minh họa gợi ý trên cơ sở thực hiện các bước trong quy trình xây dựng KHDH môn Ngữ văn để GV tham khảo.

**TRƯỜNG:**.............. **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔ:**............................ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC**

**MÔN NGỮ VĂN**

(Năm học 2021 - 2022)

**I. Đặc điểm tình hình**

1. **Số lớp:** 28**; Số học sinh:** 1141**;**
2. **Tình hình đội ngũ: Số giáo viên:** 08; **Trình độ đào tạo**: Cao đẳng: 01,

 Đại học: 07; Trên đại học: 0

**Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên[[8]](#footnote-8):** Tốt: 01; Khá: 07.

1. **Thiết bị dạy học:** *(Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|    | Thiết bị dạy học  | Số lượng  | Các bài thí nghiệm/thực hành  | Ghi chú  |
| 1  | Máy chiếu,/tivi, loa, máy tính  | 28 bộ  |   |   |
| 2  | Bảng phụ  | 168 cái  |   |   |
| 3  | Phấn màu  | 28 hộp  |   | Phục vụ cho 28 lớp  |
| 4  | Giấy A0  | 168 tờ  |   | Tuỳ thuộc vào mục đích sử dụng, phục vụ cho 28 lớp, ít nhất mỗi kì thực hiện 01 sản phẩm trên giấy A0  |
| 5  | Bút lông  | 168cây  |   |   |

**II. Kế hoạch dạy học**

1. **Phân phối chương trình**

**MÔN NGỮ VĂN – LỚP 6 – HỌC KÌ 1**

Thời gian: 35 tuần

Tổng số tiết: 140/ 1 năm

Trong đó: Học kì 1: 18 tuần (70 tiết); Học kì 2: 17 tuần (70 tiết)

*(Trong khuôn khổ tài liệu, nhóm biên soạn chỉ xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình cho học kì 1. Cột ”Nội dung dạy học” có thể bỏ*

*để đảm bảo cấu trúc của Công văn 5512)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT  | Bài học (1)  | Số tiết (2)  | Yêu cầu cần đạt (3)  | Nội dung dạy học (4)  | Ghi chú (5)  |
| 1  | **Chủ đề 1:** **GIỚI** **THIỆU** **MÔN** **HỌC – BÀI MỞ** **ĐẦU**   | **8**± # **tiết**  |  Đọc (4 tiết)  | * Nắm được vai trò của môn Ngữ văn;
* Nắm được những nét khái quát về các kiểu loại văn bản (văn bản văn học, văn bản nghị luận, văn bản thông tin): + Nắm được các thể loại truyện truyền thuyết, cổ tích, đồng thoại; thơ và thơ lục bát, hồi kí, du kí);

   |  Vai trò của môn Ngữ văn;  Khái quát về văn bản văn học(truyện truyền thuyết, cổ tích, đồng thoại; thơ và thơ lục bát,hồi kí, du kí);  Cách đọc hiểu văn bản - kĩ thuật đọc văn bản  |      |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | + Nắm được khái quát về văn bản thông tin (văn bản thuật lại một sự kiện, biên bản ghi chép, sơ đồ tóm tắt nội dung,…); + Phân biết được văn bản nghị luận văn học và nghị luận xã hội; - Biết cách đọc hiểu văn bản.  |   |  |
| Viết (2 tiết)  | * Biết quy trình viết các loại văn bản; -
* Viết được biên bản ghi chép về một cuộc họp, một cuộc thảo luận;
* Biết tóm tắt nội dung văn bản đơn giản bằng sơ đồ.
 |  Quy trình viết (hướng dẫn cách viết đảm bảo các bước: chuẩn bị trước khi viết, tìm ý, lập dàn ý, viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm).  |      |
|  |  |  |  | - |  Cách viết biên bản ghi chép về một cuộc họp, một cuộc thảo luận; Cách tóm tắt nội dung văn bản đơn giản bằng sơ đồ.  |    |
| Nói và nghe (2 tiết)  | Nắm được những nguyên tắc cơ bản khi giao tiếp nói và nghe; - Nắm được lưu ý cần thiết khi tham gia thảo luận về một vấn đề cần có tính thống nhất;  | * Những lưu ý cần thiết khi giao tiếp nói và nghe;
* Những lưu ý cần thiết khi tham gia thảo luận về một vấn đề cần
 |     |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | - Biết đặt câu hỏi và trả lời trong một cuộc thảo luận; - Tóm tắt được nội dung trình bày của người khác.  | có tính thống nhất; cách đặt câu hỏi và trả lời; Cách tóm tắt nội dung trình bày của người khác.  |   |
| 2  | **Chủ đề 2:** **THƠ –** **THƠ** **LỤC BÁT** |  10± # **tiết**  | Đọc (6 tiết)  | * Nhận biết được chủ đề của văn bản;
* Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản;
* Nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp của thơ lục bát;
* Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ; - Học thuộc lòng một số đoạn thơ, bài thơ yêu thích trong chương trình.
 |  - Đặc điểm thơ lục bát, các yếu tố hình thức của thơ lục bát: số tiếng, số dòng, vần, nhịp. Từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ ẩn dụ trong thơ lục bát.   |    |
| Viết (3 tiết)  | * Biết làm bài thơ lục bát;
* Viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc của mình sau khi đọc một bài thơ lục bát.
 | - Cách làm thơ lục bát; Cách viết đoạn văn ghi lại cảm xúc của mình sau khi đọc một bài thơ lục bát  |   |
| Nói và nghe (1 tiết)  | - Tóm tắt được nội dung trình bày của người khác; - Biết tham gia thảo luận trong nhóm nhỏ về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất;  | - Thảo luận nhóm, nhận xét về hình thức và nội dung của bài thơ lục bát của bạn trong nhóm.  |    |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | - Biết đặt câu hỏi và trả lời, biết nêu một vài đề xuất dựa trên các ý tưởng được trình bày trong quá trình thảo luận.  | Trình bày cảm xúc cá nhân khi nghe bài thơ của bạn.  |  |
| 3    | Chủ đề 3: **TRUYỆN** **–** **TRUYỆN** **TRUYỀN THUYẾT** **(12 tiết)**  |  12± # **tiết**  | Đọc (7 tiết)  | * Nêu được ấn tượng chung về văn bản;
* Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể tác phẩm; - Tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn;
* Nhận biết được một số yếu tố của truyện truyền thuyết, cổ tích, đồng thoại như: cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật;
* Nhận biết được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật; - Phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật; - Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do văn bản đã đọc gợi ra.
 | - Đặc điểm truyện và truyện truyền thuyết, các yếu tố của truyện như cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện, lời nhân vật; ngôi kể chuyện thứ nhất và ngôi kể chuyện thứ ba; Từ đa nghĩa, đồng âm, thành ngữ thông dụng.  |      |
| Viết (3 tiết)  | * Viết được bài văn kể lại một truyền thuyết;
* Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể.
 | * Cách viết bài văn kể lại một truyền thuyết;
* Cách viết bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân có sử
 |   |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  | dụng người kể chuyện ngôi thứ nhất.  |  |
| Nói và nghe (2 tiết)  | * Kể được một truyền thuyết một cách sinh động, biết sử dụng các yếu tố hoang đường, kì ảo để tăng tính hấp dẫn trong khi kể;
* Tóm tắt được nội dung trình bày của người khác.
 |  Cách kể một truyền thuyết một cách sinh động, biết sử dụng các yếu tố hoang đường, kì ảo để tăng tính hấp dẫn trong khi kể; - Cách tóm tắt nội dung trình bày của người khác.  |      |
| 4    | Chủ đề 4. **NGHỊ** **LUẬN VỀ****MỘT** **HIỆN** **TƯỢNG** **TRONG** **HỌC** **TẬP ĐỜI SỐNG(12** **tiết)**  |  12± # **tiết**  | Đọc (7 tiết)  | * Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản;
* Chỉ ra được mối liên hệ

giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng; * Nhận biết được đặc điểm nổi bật của văn bản nghị luận; - Nhận ra được ý nghĩa của vấn đề đặt ra trong văn bản đối với suy nghĩ, tình cảm của bản thân;
* Tóm tắt được các nội dung chính trong một văn bản nghị luận có nhiều đoạn.
 |  - Đặc điểm của văn bản nghị luận và nghị luận về một vấn đề trong học tập đời sống; vai trò và mối liên hệ giữa lí lẽ, ý kiến, bằng chứng trong văn nghị luận; - Trạng ngữ (đặc điểm, chức năng liên kết câu); Công dụng của dấu phẩy, dấu ngoặc kép.  |        |
| Viết (3 tiết)  | - Biết viết văn bản nghị luận bảo đảm các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); |  Cách viết văn nghị luận trình bày ý kiến về một hiện tượng  |   |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm; * Biết viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng mà mình quan tâm;
* Nêu được vấn đề và suy nghĩ của người viết;
* Đưa ra được lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ cho ý kiến của mình.
 | trong học tập – đời sống mà bạn quan tâm; nêu bật vấn đề và suy  nghĩ của người viết, đưa ra lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ ý kiến của mình.  |  |
| Nói và nghe (2 tiết)  | * Trình bày được ý kiến về một vấn đề trong đời sống;
* Tóm tắt được nội dung trình bày của người khác; - Biết tham gia thảo luận trong nhóm nhỏ về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất;
* Biết đặt câu hỏi và trả lời;
* Biết nêu một vài đề xuất dựa trên các ý tưởng được trình bày trong quá trình thảo luận.
 | * Cách trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống;
* Cách tóm tắt được nội dung trình bày của người khác; Cách thảo luận trong nhóm nhỏ về nội dung và hình thức của bài trình bày.
 |    |
| 5    | Chủ đề 5: **VĂN** **BẢN** **THÔNG** **TIN** **THUẬT**  |  12± # **tiết**  | Đọc (7 tiết)  | * Nhận biết được các chi tiết trong văn bản thông tin; - Chỉ ra được mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu với thông tin cơ bản của văn bản;
* Tóm tắt được các ý chính của mỗi đoạn trong một văn bản thông tin có nhiều đoạn;
 | - Đặc điểm của văn bản thông tin và văn bản thông tin thuật lại một sự kiện; cách triển khai văn bản thông tin theo trật tự thời gian; Vai trò và cách sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn  |     |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **LẠI MỘT SỰ KIỆN** **(12 tiết)**  |  |  | * Nhận biết và hiểu được tác dụng của nhan đề, sa pô, đề mục, chữ đậm, số thứ tự và dấu đầu dòng trong văn bản; - Nhận biết được văn bản thuật lại một sự kiện, nêu được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó; - Nhận biết được cách triển khai văn bản thông tin theo trật tự thời gian;
* Nhận biết được vai trò của các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ (hình ảnh, số liệu,...);
* Chỉ ra được những vấn đề đặt ra trong văn bản có liên quan đến suy nghĩ và hành động của bản thân.
 |  ngữ, hình ảnh số liệu trong văn bản thông tin.     |  |
| Viết (3 tiết)  | * Viết được văn bản thuyết minh thuật lại một sự kiện; - Viết được biên bản ghi chép đúng quy cách, nêu đầy đủ các nội dung chính về một vụ việc hay một cuộc họp, cuộc thảo luận;
* Tóm tắt được nội dung chính của một số văn bản đơn giản đã đọc bằng sơ đồ.
 |  Cách viết văn bản thuyết minh thuật lại một sự kiện; Viết biên bản ghi chép cuộc họp.  |   |
| Nói và nghe (2 tiết)  | - Trình bày được ý kiến về một vấn đề trong đời sống; -Tóm tắt được nội dung trình bày của người khác; - Biết tham gia thảo luận trong nhóm nhỏ về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất;  | Cách giới thiệu một sự kiện lịch sử đã đọc (kết hợp các phương tiện phi ngôn ngữ);   |    |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | * Biết đặt câu hỏi và trả lời;
* Biết nêu một vài đề xuất dựa trên các ý tưởng được trình bày trong quá trình thảo luận.
 |  |  |
| 6  | Chủ đề 6: **KÍ (12** **tiết)**  |  12± # **tiết**  | Đọc (7 tiết)  | * Nêu được ấn tượng chung về văn bản;
* Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể tác phẩm;
* Nhận biết được chủ đề của văn bản;
* Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản;
* Nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất của hồi kí hoặc du kí; - Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba.
 | - Đặc điểm của kí – hồi kí, du kí; cách ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất; - Các thành phần chính của câu: mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ;  Cách lựa chọn một số cấu trúc câu phù hợp để thể hiện ý nghĩa văn bản  |      |
| Viết (3 tiết)  | * Biết viết văn bản du kí bảo đảm các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm;
* Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể;
 |  Viết một đoạn du kí, dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất để chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể.  |   |
|  |  |  | Nói và nghe (2 tiết)  | * Kể được một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân, thể hiện cảm xúc và suy nghĩ về trải nghiệm đó.
* Biết tham gia thảo luận trong nhóm nhỏ về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất;
* Biết đặt câu hỏi và trả lời;
* Biết nêu một vài đề xuất dựa trên các ý tưởng được trình bày trong quá trình thảo luận.
 |  - Giới thiệu một bài du kí Trao đổi về những suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về bài kí.  |   |

1. **Kiểm tra, đánh giá định kì**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài kiểm tra, đánh giá  | Thời gian (1)  | Thời điểm (2)  | Yêu cầu cần đạt (3)  | Hình thức (4)  |
| Giữa Học kì 1  | Trong tuần 10  | 60-90 phút  | * Kiểm tra kiến thức từ tuần 1 đến tuần 10
* Thông qua bài kiểm tra giúp học sinh hoàn thiện hơn năng lực đọc, hiểu văn bản, biết vận dụng một số kiến thức Tiếng Việt đã học để tạo lập văn bản
* Qua bài kiểm tra, học sinh đánh giá được năng lực của mình về mặt kiến thức và khả năng diễn đạt.
* Đánh giá năng lực tự học, tạo lập văn bản của HS.
 | Tự luận  |
| Cuối Học kì 1  | Trong tuần 17  | 60-90 phút  | - Kiểm tra kiến thức từ tuần 11 đến tuần 17.  | Tự luận  |
|  |  |  | * Thông qua bài kiểm tra giúp học sinh hoàn thiện hơn năng lực đọc, hiểu văn bản, biết vận dụng một số kiến thức Tiếng Việt đã học để tạo lập văn bản
* Qua bài kiểm tra, học sinh đánh giá được năng lực của mình về mặt kiến thức và khả năng diễn đạt.
* Đánh giá năng lực tự học, tạo lập văn bản của HS.
 |  |
| Giữa Học kì 2  |   |   |   |   |
| Cuối Học kì 2  |   |   |   |   |

**III. Các nội dung khác (nếu có):**

 . **1. Sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn**:

* + Sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường.
	+ Sinh hoạt chuyên môn của tổ theo định kì hằng tháng theo mô hình nghiên cứu bài học.
	+ Xê mi na tổ chuyên môn

 **2. Bồi dưỡng HS giỏi**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ TRƯỞNG** *(Kí và ghi rõ họ tên)* | *………., ngày …. tháng… năm…* **HIỆU TRƯỞNG** *(Kí và ghi rõ họ tên)* |

**NỘI DUNG 3**

# XÂY DỰNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN

# 3.1. Quan niệm và vai trò của kế hoạch giáo dục của giáo viên

Kế hoạch giáo dục của giáo viên (thường gọi tắt là kế hoạch cá nhân) là sự cụ thể hóa nội dung và cách thức triển khai tất cả các công việc sẽ làm trong năm học của mỗi GV nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển của tổ chuyên môn và của nhà trường[[9]](#footnote-9).

Như vậy, xây dựng KHGD của giáo viên là quá trình xác định rõ các nhiệm vụ cần thực hiện trong năm học dựa trên sự phân công của nhà trường, của tổ bộ môn; xây dựng một chiến lược tổng thể để đảm bảo tính khả thi và hiệu quả của công việc. Từ đó góp phần triển khai, thực hiện hệ thống các kế hoạch để thống nhất và phối hợp các hoạt động giáo dục khác trong nhà trường.

Hiện nay, trong xu thế đổi mới căn bản và toàn diện hệ thống giáo dục, có thể thấy lập KHGD của giáo viên có các vai trò quan trọng, bao gồm:

* KHGD của giáo viên là một công cụ phối hợp nỗ lực của các GV với cán bộ quản lí nhà trường. Lập kế hoạch cho biết mục tiêu và cách thức đạt được mục tiêu của nhà trường. Khi biết được mục tiêu chung của nhà trường, các GV sẽ xây dựng các KHGD của cá nhân theo hướng đồng hành cùng sự phát triển của nhà trường, điều này tạo nên sự đồng bộ trong giáo dục nhà trường.
* KHGD của cá nhân có tác dụng làm giảm tính bất ổn định của GV trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giáo dục. Sự bất ổn định và thay đổi của môi trường làm cho công tác lập kế hoạch trở thành tất yếu và rất cần thiết đối với mỗi GV. Xây dựng KHGD của cá nhân giúp GV chủ động thực hiện các biện pháp ứng phó với những thay đổi của hoạt động giáo dục.
* Lập kế hoạch buộc những nhà quản lí giáo dục và GV phải nhìn về phía trước, dự đoán được những thay đổi trong nội bộ nhà trường cũng như môi trường giáo dục bên ngoài và cân nhắc các ảnh hưởng của chúng để đưa ra những giải pháp ứng phó thích hợp.

* Lập kế hoạch làm giảm được sự chồng chéo và giảm thiểu những hoạt động làm lãng phí nguồn lực của cá nhân GV và của nhà trường. Khi đã lập kế hoạch thì mục tiêu, thời hạn hoàn thành mục tiêu đã được xác định, phương thức thực hiện, nguồn hỗ trợ khả thi cũng đã dự kiến nên sẽ giúp GV sử dụng nguồn lực một cách có hiệu quả, giảm thiểu chi phí bởi vì nó chủ động vào các hoạt động hiệu quả và phù hợp.
* Lập kế hoạch sẽ thiết lập được những tiêu chuẩn tạo điều kiện cho công tác kiểm tra đạt hiệu quả cao. Một nhà trường hay một GV nếu không có KHGD của cá nhân giống như hiện tượng “đẽo cày giữa đường”, tức không xác định trước mục tiêu cần đạt tới là gì? Cần những biện pháp và các công cụ hỗ trợ gì để đạt được các mục tiêu đó? Do vậy, khi có những biến động, nhà trường và GV không có các biện pháp điều chỉnh kịp thời, dễ dẫn đến phát triển lệch lạc, và nếu không có kế hoạch của GV thì cũng không có công tác kiểm tra, đánh giá trong nhà trường.

Như vậy, KHGD của giáo viên có vai trò quan trọng đối với hoạt động giáo dục của nhà trường và của chính GV. Nếu không có kế hoạch, bản thân GV và nhà trường không thể xác định được cần những nguồn lực nào để hoạt động giáo dục đạt hiệu quả tốt nhất, và hơn nữa, không có KHGD của cá nhân, GV không thể xác định được mình cần phải làm gì? Vì bản thân họ, không thể xác định được mục tiêu của mình là gì thì sẽ không biết mình đang ở đâu và cần làm gì? Không có kế hoạch chúng ta sẽ không có những thời gian biểu cho các hoạt động của mình, không có được sự nỗ lực và cố gắng hết mình để đạt được mục tiêu. Vì thế mà chúng ta cứ để thời gian trôi đi một cách vô ích và hành động một cách thụ động trước sự thay đổi của môi trường xung quanh ta. Vì vậy mà việc đạt được mục tiêu của mỗi cá nhân ta sẽ là không cao, thậm chí còn không thể đạt được mục tiêu mà mình mong muốn.

Tóm lại, chức năng lập KHGD của cá nhân là chức năng đầu tiên, là xuất phát điểm của mọi quá trình giáo dục. Bất kể là cấp quản lí hay GV, việc lập ra được những kế hoạch có hiệu quả sẽ là chiếc chìa khoá cho việc thực hiện một cách hiệu quả những mục tiêu đã đề ra của nhà trường.

# 3.2. Các yêu cầu khi xây dựng kế hoạch giáo dục của giáo viên

Việc xây dựng KHGD của giáo viên cần đảm bảo các yêu cầu sau:

* *Đảm bảo tính pháp lí:* Xây dựng KHGD của giáo viên cần theo đúng các văn bản hướng dẫn của ngành, đảm bảo các điều lệ được quy định, phù hợp và góp phần hiện thực hóa KHGD của nhà trường, của tổ chuyên môn.
* *Đảm bảo tính thực tiễn:* Mỗi nhà trường phổ thông được đặt trong một bối cảnh khác nhau về tình hình kinh tế xã hội, về tài chính, về nguồn lực và nhiều yếu tố khác. Vì vậy, khi xây dựng KHGD của cá nhân, GV cần phải phân tích điều kiện thực tế để xác định mục tiêu phù hợp, xác định được phương thức thực hiện khả thi và tìm kiếm nguồn hỗ trợ để thực hiện công việc hiệu quả, đáp ứng mục tiêu đề ra.
* *Đảm bảo sự cụ thể, rõ ràng của nhiệm vụ, mục tiêu và kế hoạch hành động*: Trong đó kế hoạch phải được xác định với tính hướng đích cao, tức là kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn hoặc thậm chí kế hoạch của từng nhiệm vụ, từng tháng, từng tuần… phải được tạo lập thật rõ ràng, nhất quán cho từng thời điểm từng giai đoạn cụ thể sao cho phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của mình.
* *Đảm bảo tính vừa sức:* Việc xây dựng KHGD của giáo viên cần đảm bảo tính vừa sức. Tính vừa sức thể hiện ở việc phân tích điểm mạnh, hạn chế và những yếu tố khác của cá nhân GV có ảnh hưởng đến mức độ và tiến độ thực hiện công việc. Vì vậy, thông qua việc lập kế hoạch cá nhân, bao gồm những nội dung chính như: xác định cụ thể những nhiệm vụ cần làm, biện pháp thực hiện công việc và thời hạn hoàn thành công việc sẽ giúp GV nhìn lại tổng thể các nhiệm vụ, khả năng hoàn thành nhiệm vụ, mức độ hoàn thành các nhiệm vụ; từ đó ưu tiên việc nào trước, việc nào sau, đệ trình xin giảm bớt nhiệm vụ nào nhằm đảm bảo mục tiêu chung của tổ chuyên môn, của nhà trường.
* *Đảm bảo tính khoa học:* Xây dựng KHGD của giáo viên là một hoạt động của cá nhân trong hoạt động giáo dục, những kế hoạch được đề ra cần phải dựa trên những nguyên lí, nguyên tắc của khoa học giáo dục, tùy theo từng độ tuổi, từng cấp học khác nhau mà có những lí thuyết khác nhau về hoạt động giáo dục.
* *Đảm bảo tính đồng bộ và lịch sử cụ thể:* Nguyên tắc này được thể hiện, KHGD của cá nhân GV phải thống nhất với KHGD chung của nhà trường, bên cạnh đó, xây dựng kế hoạch là khâu đầu tiên của hoạt động giáo dục, song khâu này là dựa vào kết quả kiểm tra đánh giá của năm học trước, vì thế, GV cần căn cứ vào tính lịch sử cụ thể của từng năm học để có kế hoạch phù hợp, cũng như huy động các nguồn lực, đề xuất các biện pháp nhằm hạn chế những bất cập của năm học trước và phát huy những điểm mạnh trong năm học tiếp theo.

# 3.3. Cấu trúc kế hoạch giáo dục của giáo viên

Hiện nay có rất nhiều mẫu kế hoạch cá nhân đang được GV sử dụng. Các mẫu này chủ yếu do tự nhà trường xây dựng hoặc theo quy định của Sở/Phòng GDĐT. Dưới đây là bản KHGD để GV có thể tham khảo (Phụ lục 3, Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT).

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TRƯỜNG:** ............................. **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****TỔ:** ......................................... **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** Họ và tên giáo viên: ................. **---------------------------** **---------------------------** **KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN** **MÔN:………………….LỚP…** (Năm học 20..... - 20.....)  **I. KẾ HOẠCH DẠY HỌC** **Phân phối chương trình môn…..– lớp …..**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT  | Chủ đề/Bài học  (1)  | Số tiết  (2)  | Thời điểm  (3)  | Thiết bị dạy học (4)  | Địa điểm dạy học (5)  |
| 1  |   |   |   |   |   |
| …  |   |   |   |   |   |

1. *Tên bài học/chuyên đề được xây dựng từ nội dung/chủ đề (được lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường) theo chương trình, sách giáo khoa môn học/hoạt động giáo dục.*
2. *Số tiết được sử dụng để thực hiện bài dạy/chuyên đề.*
3. *Tuần thực hiện bài học/chuyên đề.*
4. *Thiết bị dạy học được sử dụng để tổ chức dạy học.*
5. *Địa điểm tổ chức hoạt động dạy học (lớp học, phòng học bộ môn, phòng đa năng, bãi tập, tại di sản, thực địa...).* **II. Nhiệm vụ khác (nếu có):**

................................................................................................................................................................................................................................................................................  |
| **TỔ TRƯỞNG** *(Kí và ghi rõ họ tên)* | … ngày… tháng …..năm……**GIÁO VIÊN** *(Kí và ghi rõ họ tên)* |

*\* Lưu ý: Tùy theo yêu cầu của nhà trường, GV có thể xây dựng kế hoạch cá nhân theo từng môn học/từng khối lớp hoặc có thể tích hợp lại thành 1 bản kế hoạch có sự phân phối chương trình theo các môn học/các khối lớp theo nhiệm vụ được phân công.*

# 3.4. Cách thức xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục của giáo viên trong năm học

 Để xây dựng KHGD cá nhân trong năm học, GV cần tiến hành các bước sau:

**B**

**ư**

**ớ**

**c 1:**

**X**

**á**

**c**

**đ**

**ị**

**nh nhi**

**ệ**

**m v**

**ụ**

**/**

**n**

**ộ**

**i dung c**

**ô**

**ng vi**

**ệ**

**c**

**B**

**ư**

**ớ**

**c 2:**

**X**

**â**

**y d**

**ự**

**ng k**

**ế**

**ho**

**ạ**

**ch**

**gi**

**á**

**o d**

**ụ**

**c c**

**ủ**

**a**

**gi**

**á**

**o vi**

**ê**

**n**

**B**

**ư**

**ớ**

**c 3: T**

**ổ**

**ch**

**ứ**

**c th**

**ự**

**c hi**

**ệ**

**n**

**B**

**ư**

**ớ**

**c**

**4**

**:**

**Đ**

**á**

**nh gi**

**á**

**v**

**à**

**ho**

**à**

**n thi**

**ệ**

**n k**

**ế**

**ho**

**ạ**

**ch**

**Hình 4.1***.* Quy trình xây dựng KHGD của giáo viên

Từ những căn cứ về pháp lí bao gồm các văn bản liên quan như Chương trình tổng thể, Chương trình môn học, Thông tư về Điều lệ trường THCS, THPT và trường phổ thông nhiều cấp học; KHGD của nhà trường; kết luận về việc phân công nhiệm vụ năm học mới của GV;…, GV tiến hành xây dựng KHGD của cá nhân theo quy trình sau:

## Bước 1. Xác định nhiệm vụ/ nội dung công việc

 Nhiệm vụ/nội dung công việc của GV trong nhà trường phổ thông được phân làm 3 nhóm chính: (1) Dạy học/ tổ chức hoạt động giáo dục; (2) Chủ nhiệm lớp; (3) Công việc/nhiệm vụ khác như bồi dưỡng học sinh giỏi, hướng dẫn HS nghiên cứu sáng tạo khoa học kĩ thuật…. Ngoài ra, một số nhiệm vụ/nội dung công việc khác của GV cũng cần được xác định, như: (4) Tự học, tự bồi dưỡng; (5) Công tác Đảng, Đoàn, Đội, Công đoàn kiêm nhiệm khác;…

 Khi xác định nhiệm vụ/công việc cần làm, GV cần xác định đối tượng, thời gian, địa điểm thực hiện, nguồn hỗ trợ… Đồng thời, GV cần xác định rõ cái nào nên làm trước, cái nào làm sau, sắp xếp các công việc một cách hợp lí theo thứ tự cấp bách, mức độ quan trọng hoặc theo trình tự thời gian… là một yếu tố quan trọng khi lập kế hoạch hiệu quả. Việc này giúp GV loại bỏ những công việc không cần thiết, tiết kiệm thời gian và nguồn lực.

## Bước 2. Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục của giáo viên

*- Xây dựng kế hoạch dạy học các bài học:* Ở giai đoạn này, GV căn cứ vào nội dung dạy học của khối lớp được phân công đảm nhận, căn cứ vào phân phối chương trình chung đã được tổ chuyên môn thống nhất để xác định bài học, số tiết, thời điểm dạy học, thiết bị dạy học, địa điểm dạy học.

1. Đối với tên, số tiết các bài học cũng như trình tự sắp xếp, GV xác định dựa trên kế hoạch dạy học của tổ chuyên môn.
2. Để xác định thời điểm dạy học các bài học, GV cần căn cứ vào: khung thời gian thực hiện chương trình môn Ngữ văn (số tiết/tuần) và quy định về thời lượng dành cho môn Ngữ văn do nhà trường quy định; thời lượng (số tiết) để dạy bài học đã được xác định trong kế hoạch dạy học của tổ chuyên môn. Khi xác định thời điểm dạy học các bài học cần chú ý tránh thời gian tiến hành các bài kiểm tra đánh giá định kì mà đã được xác định trong kế hoạch dạy học của tổ chuyên môn.
3. Để xác định thiết bị dạy học, GV căn cứ vào tình hình thiết bị dạy học được mô tả ở phần đặc điểm tình hình trong kế hoạch dạy học của tổ chuyên môn, căn cứ đặc điểm nội dung bài học và khả năng của bản thân trong việc thu thập, xây dựng phương tiện dạy học để xác định và liệt kê các phương tiện dạy học phù hợp.
4. Đối với địa điểm dạy học, GV căn cứ trên đặc điểm nội dung bài học và các ý tưởng dạy học của cá nhân, căn cứ trên đặc điểm phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập được mô tả trong kế hoạch của tổ chuyên môn để xác định và liệt kê địa điểm dạy học.
* *Xây dựng kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ khác (nếu có):* Ngoài các nội dung trên, nếu GV được phân công hoặc có dự kiến các nhiệm vụ khác như bồi dưỡng HS giỏi, phụ đạo HS yếu và tổ chức các hoạt động giáo dục… thì cũng cần xây dựng kế hoạch cho các nội dung này.Không có khuôn mẫu trình bày cho các nhiệm vụ này, tuy nhiên GV cần chú ý đối với kế hoạch cho mỗi nhiệm vụ cần thể hiện được mục tiêu, nội dung, thời gian, địa điểm, các phương tiện và lực lượng hỗ trợ, phối hợp (nếu có).Bên cạnh đó, GV có thể dự kiến và thể hiện rõ bằng các số liệu cụ thể về một số nhiệm vụ liên quan khác như: số tiết dự giờ, số tiết thao giảng, báo cáo chuyên đề… Ví dụ minh họa:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. **Bồi dưỡng học sinh giỏi**
	* Dự kiến tham gia các cuộc thi:………………….
	* Số lượng học sinh trong đội tuyển học sinh giỏi:…………………..

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT  | Nội dung (1)  | Số tiết (2)  | Thời điểm (3)  | Yêu cầu cần đạt (4)  | Thiết bị dạy học (5)  | Địa điểm dạy học (6)  |
| 1  |   |   |   |   |   |   |
| 2  |   |   |   |   |   |   |
| ...  |   |   |   |   |   |   |

1. **Phụ đạo học sinh yếu, kém**
	* Số lượng học sinh yếu, kém cần phụ đạo:…………………..

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  STT  | Nội dung (1)  | Số tiết (2)  | Thời điểm (3)  | Yêu cầu cần đạt (4)  | Thiết bị dạy học (5)  | Địa điểm dạy học (6)  |
| 1  |   |   |   |   |   |   |
| 2  |   |   |   |   |   |   |
| ...  |   |   |   |   |   |   |

1. **Các nhiệm vụ khác liên quan đến công tác dạy học**

+ Dự giờ:……….tiết/năm; + Dạy minh họa cho GV khác dự giờ:………….tiết/năm, + Thao giảng:……….tiết/năm, + Thiết kế…..đồ dùng dạy học mới, + Báo cáo chuyên đề sinh hoạt tổ chuyên môn: …(tên chuyên đề)………  |

* *Rà soát, chỉnh sửa và trình tổ trưởng chuyên môn kí duyệt:* Sau khi hoàn thiện kế hoạch, GV cần rà soát lạiđể đảm bảo các nội dung trong kế hoạch là chính xác. Kế hoạch sau đó được trình để tổ trưởng chuyên môn xem xét phê duyệt, nếu kế hoạch là phù hợp và được phê duyệt, GV sẽ sử dụng để triển khai trong năm học.

## Bước 3. Tổ chức thực hiện

Để đáp ứng mục tiêu đề ra, sự tập trung là yếu tố cần thiết nhằm giúp GV làm việc hiệu quả và tiết kiệm thời gian. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là trong 1 khoảng thời gian, GV chỉ làm 1 công việc/thực hiện 1 nhiệm vụ nhất định, nếu có thể hãy kết hợp làm nhiều việc trong một khoảng thời gian một cách hợp lí. Ví dụ: vừa giảng dạy trên lớp theo thời khóa biểu, vừa thực hiện công tác chủ nhiệm lớp và hỗ trợ HS còn yếu kém, bồi dưỡng HS giỏi,…

 Bên cạnh việc tập trung làm việc, GV hãy dành khoảng thời gian hợp lí cho những sự cố phát sinh. Bởi thực tế luôn khác hẳn lí thuyết và kế hoạch cũng vậy, sẽ luôn có những điểm không trùng với quá trình thực hiện và cũng không thể biết trước những việc phát sinh. Vì vậy, khi lên kế hoạch cá nhân, GV cố gắng dự trù, dự đoán và liệt kê một số tình huống phát sinh, những khó khăn, thách thức có thể gặp phải, từ đó đưa ra các phương án dự phòng.

## Bước 4. Đánh giá và hoàn thiện kế hoạch

Để biết bản thân đã làm đươc đến đâu và liệu có hoàn thành được kế hoạch hay không, GV cần phải liên tục theo dõi, kiểm tra và đối chiếu lộ trình và kết quả đạt được với kế hoạch đã đề ra. Một kế hoạch được chuẩn bị kĩ lưỡng, cập nhật và chỉnh sửa qua các giai đoạn thực hiện sẽ giúp GV đánh giá chính xác được chất lượng của công việc. Đồng thời, việc kiểm tra, đánh giá mức độ đạt được của công việc sẽ giúp GV định hướng những việc làm tiếp theo, biện pháp khắc phục khó khăn, tìm kiếm nguồn hỗ trợ khác và thực hiện các phương án dự phòng nhằm đảm bảo hiệu quả công việc đã đề ra. **3.5. Kế hoạch giáo dục của giáo viên minh hoạ**

**Phụ lục 3**

**KHUNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN**

 **TRƯỜNG THCS ……………….. CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

 **TỔ NGỮ VĂN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Họ và tên giáo viên: ………………………………

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 6**

(Học kì 1 - Năm học 2021 - 2022)

1. **Kế hoạch dạy học (Phân phối chương trình)**

(Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống)

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT  |  | Bài học (1)  | Số tiết (2)  | Thời điểm (3)  | Thiết bị dạy học (4)  | Địa điểm dạy học (5)  |
| 1  | **BÀI 1.** **TÔI VÀ** **CÁC** **BẠN** **(16 tiết)**  | Bài học đường đời đầu tiên (lồng ghép phần giới thiệu bài học và tri thức ngữ văn)  | 3  | Tuần 1  | SGK, tài liệu tham khảo, máy tính, máy chiếu, một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học, Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, phiếu học tập.  | Lớp học  |
| 2  | Lớp học  |
| 3  | Thực hành tiếng Việt  | 1  | Lớp học  |
| 4  | Nếu cậu muốn có một người bạn  | 2  | Tuần 2  | SGK, tài liệu tham khảo, máy tính, máy chiếu, một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học, Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, phiếu học tập.  | Lớp học  |
| 5  | Bắt nạt  | 2  | Lớp học  |
| 6  | Thực hành tiếng Việt  | 1  | Tuần 3  | SGK, tài liệu tham khảo, máy tính, máy chiếu.  | Lớp học  |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 7  |  | Viết bài văn kể lại một trải nghiệm  | 2  |  | SGK, SGV, máy chiếu, máy tính; Phiếu học tập; Video do GV tự làm để kể về trải nghiệm của bản thân thời thơ ấu.  | Lớp học  |
| 8  | Thực hành: Viết bài văn kể lại một trải nghiệm  | 1  | SGK, tài liệu tham khảo, máy tính, máy chiếu; rubric đánh giá bài viết  | Lớp học  |
| 9  | Thực hành: Viết bài văn kể lại một trải nghiệm (tt)  | 1  | Tuần 4  | SGK, tài liệu tham khảo, máy tính, máy chiếu; rubric đánh giá bài viết  | Lớp học  |
| 10  | Trả bài  | 1  | SGK, tài liệu tham khảo, máy tính, máy chiếu; rubric đánh giá bài viết  | Lớp học  |
| 11  | Kể lại một trải nghiệm  | 2  | SGK, SGV, máy chiếu, máy tính; rubric đánh giá kĩ năng nói  | Lớp học  |
| 12  | **BÀI 2.** **GÕ CỬA** **TRÁI TIM(12** **tiết)**   | Chuyện cổ tích về loài người (lồng ghép phần giới thiệu bài học và tri thức ngữ văn) | 3  | Tuần 5  | SGK, tài liệu tham khảo, máy tính, máy chiếu, một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học, Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, phiếu học tập.  | Lớp học  |
| 13  | Thực hành tiếng Việt  | 1  | SGK, tài liệu tham khảo, máy tính, máy chiếu, phiếu học tập.  | Lớp học  |
| 14  | Mây và sóng  | 1  | Tuần 6  | SGK, tài liệu tham khảo, máy tính, máy chiếu, một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học, Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, phiếu học tập.  | Lớp học  |
| 15  | Thực hành tiếng Việt  | 1  | SGK, tài liệu tham khảo, máy tính, máy chiếu, phiếu học tập.  | Lớp học  |
| 16  | Bức tranh của em gái tôi  | 2  | SGK, tài liệu tham khảo, máy tính, máy chiếu, một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học, Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, phiếu học tập.  | Lớp học  |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 17  |  | Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả  | 2  | Tuần 7  | SGK, tài liệu tham khảo, máy tính, máy chiếu; rubric đánh giá bài viết (hướng dẫn HS tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng)  | Lớp học  |
| 18  | Trả bài  | 1  | SGK, tài liệu tham khảo, máy tính, máy chiếu; rubric đánh giá bài viết (hướng dẫn HS tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng)  | Lớp học  |
| 19  | Trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống gia đình  | 1  | SGK, SGV, máy chiếu, máy tính; rubric đánh giá kĩ năng nói  | Lớp học  |
| 20  | **BÀI 3.** **YÊU** **THƯƠNG** **VÀ CHIA** **SẺ** **(12 tiết)**   | Cô bé bán diêm (lồng ghép phần giới thiệu bài học và tri thức ngữ văn)   | 3  | Tuần 8  | SGK, tài liệu tham khảo, máy tính, máy chiếu, một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học, Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, phiếu học tập.  | Lớp học  |
| 21  | Thực hành tiếng Việt  | 1  | SGK, tài liệu tham khảo, máy tính, máy chiếu, phiếu học tập.  | Lớp học  |
| 22  | Gió lạnh đầu mùa  | 2  | Tuần 9  | SGK, tài liệu tham khảo, máy tính, máy chiếu, một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học, Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, phiếu học tập.  | Lớp học  |
| 23  | Thực hành tiếng Việt  | 1  | SGK, tài liệu tham khảo, máy tính, máy chiếu, phiếu học tập.  | Lớp học  |
| 24  | Con chào mào  | 1  | SGK, tài liệu tham khảo, máy tính, máy chiếu, một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học, Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, phiếu học tập.  | Lớp học  |
| 25  | Viết bài văn kể về một trải nghiệm của em  | 2  | Tuần 10  | SGK, tài liệu tham khảo, máy tính, máy chiếu; rubric đánh giá bài viết (hướng dẫn HS tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng)  | Lớp học  |
| 26  | Trả bài  | 1  | SGK, tài liệu tham khảo, máy tính, máy chiếu; rubric đánh giá bài viết (hướng dẫn HS tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng)  | Lớp học  |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 27  |  | Kể về một trải nghiệm của em  | 1  |  | SGK, SGV, máy chiếu, máy tính; rubric đánh giá kĩ năng nói  | Lớp học  |
| 28  | Kiểm tra giữa kì 1  | 2  | Tuần 11  |   |   |
| 29  | **BÀI 4.** **QUÊ** **HƯƠNG** **YÊU** **DẤU** **(12 tiết)**  | Chùm ca dao về quê hương, đất nước (lồng ghép phần giới thiệu bài học và tri thức ngữ văn)   | 3  | Tuần 12  | SGK, tài liệu tham khảo, máy tính, máy chiếu, một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học, Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, phiếu học tập.  | Lớp học  |
| 30  | Thực hành tiếng Việt  | 1  | SGK, tài liệu tham khảo, máy tính, máy chiếu, phiếu học tập.  | Lớp học  |
| 31  | Chuyện cổ nước mình  | 1  | Tuần 13  | SGK, tài liệu tham khảo, máy tính, máy chiếu, một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học, Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, phiếu học tập.  | Lớp học  |
| 32  | Cây tre Việt Nam  | 2  | SGK, tài liệu tham khảo, máy tính, máy chiếu, một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học, Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, phiếu học tập.  | Lớp học  |
| 33  | Thực hành tiếng Việt  | 1  | SGK, tài liệu tham khảo, máy tính, máy chiếu, phiếu học tập.  | Lớp học  |
| 34  | Tập làm một bài thơ lục bát  | 1  | Tuần 14  | SGK, tài liệu tham khảo, máy tính, máy chiếu; rubric đánh giá bài thơ (hướng dẫn HS tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng)  | Lớp học  |
| 35  | Viết đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát  | 1  | SGK, tài liệu tham khảo, máy tính, máy chiếu; rubric đánh giá bài viết (hướng dẫn HS tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng)  | Lớp học  |
| 36  | Trả bài  | 1  | SGK, tài liệu tham khảo, máy tính, máy chiếu; rubric đánh giá bài viết (hướng dẫn HS tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng)  | Lớp học  |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 37  |  | Trình bày suy nghĩ về tình cảm của con người với quê hương  | 1  |  | SGK, SGV, máy chiếu, máy tính; rubric đánh giá kĩ năng nói  | Lớp học  |
| 38  | **BÀI 5.** **NHỮNG** **NẺO** **ĐƯỜNG** **XỨ SỞ** **(12 tiết)**   | Giới thiệu bài học và tri thức ngữ văn  | 1  | Tuần 15  | SGK, tài liệu tham khảo, máy tính, máy chiếu, một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học, Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, phiếu học tập.  | Lớp học  |
| 39  | Cô Tô  | 2  | SGK, tài liệu tham khảo, máy tính, máy chiếu, một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học, Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, phiếu học tập.  | Lớp học  |
| 40  | Thực hành tiếng Việt  | 1  | SGK, tài liệu tham khảo, máy tính, máy chiếu, phiếu học tập.  | Lớp học  |
| 41  | Hang Én  | 2  | Tuần 16  | SGK, tài liệu tham khảo, máy tính, máy chiếu, một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học, Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, phiếu học tập.  | Lớp học  |
| 42  | Thực hành tiếng Việt  | 1  | SGK, tài liệu tham khảo, máy tính, máy chiếu, phiếu học tập.  | Lớp học  |
| 43  | Cửu Long Giang ta ơi  | 1  | SGK, tài liệu tham khảo, máy tính, máy chiếu, một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học, Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, phiếu học tập.  | Lớp học  |
| 44  | Viết bài văn tả cảnh sinh hoạt  | 2  | Tuần 17  | SGK, tài liệu tham khảo, máy tính, máy chiếu; rubric đánh giá bài viết (hướng dẫn HS tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng)  | Lớp học  |
| 45  | Trả bài  | 1  | SGK, tài liệu tham khảo, máy tính, máy chiếu; rubric đánh giá bài viết (hướng dẫn HS tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng)  | Lớp học  |
| 46  |  | Chia sẻ về một trải nghiệm về nơi em sống hoặc từng đến  | 1  |  | SGK, SGV, máy chiếu, máy tính; rubric đánh giá kĩ năng nói  | Lớp học  |
| 47  | **Đọc mở rộng**  | 2  | Tuần 18  |   |   |
| 48  | **Ôn tập học kì 1**  | 2  |   |   |
| 49  | **Kiểm tra học kì 1**  | 2  |   |   |

1. **Nhiệm vụ khác (nếu có):** *(Bồi dưỡng học sinh giỏi; Tổ chức hoạt động giáo dục...)*

**1. Bồi dưỡng học sinh giỏi:**

* Môn Ngữ văn
* Đối tượng bồi dưỡng:Học sinh giỏi lớp 8,9
* Số lượng học sinh: 7 (lớp 9: 07)
* Hình thức bồi dưỡng: theo kế hoạch nhà trường - Thời gian thực hiện:

+ Cấp tỉnh: từ tháng 1/2022 đến tháng 3/2022 (kế hoạch được thực hiện trong học kì 2 năm học 2021-2022, số HS bồi dưỡng: 01).

+ Cấp huyện: từ tháng 5/2021 đến tháng 12/2021 (kế hoạch xây dựng cho năm học 2021-2022; số HS bồi dưỡng: 04). - Thời lượng: ít nhất 4 tiết/tuần

**2. Phụ đạo học sinh yếu kém:**

* Môn: Ngữ văn
* Đối tượng: Tất cả học sinh lớp 6
* Thời gian thực hiện: Trong quá trình học, các giờ truy bài, buổi chiều (1buổi/tuần, theo lịch nhà trường).
* Thời lượng: ít nhất 2 tiết/tuần.

**3. Tổ chức các hoạt động giáo dục của tổ chuyên môn**

* Xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ chuyên môn theo kế hoạch của nhà trường và các đoàn thể khác.
* Chỉ đạo giáo viên trong tổ xây dựng kế hoạch dạy học bộ môn và kế hoạch bài dạy.
* Chỉ đạo giáo viên trong tổ thực hiện các hoạt động giáo dục được phân công: Bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém, hướng dẫn HS thi KHKT/Sáng tạo TTNNĐ, thực hiện chủ đề Stem, hoạt động TNST và các hoạt động giáo dục khác.
* Tổ chức sinh hoạt tổ chuyên môn 2 lần/ tháng. Chỉ đạo việc đổi mới phương pháp, hình thức dạy học; đổi mới kiểm tra đánh giá của tổ chuyên môn. Tăng cường vào việc tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học.

**TỔ TRƯỞNG** *…, ngày …. tháng …. năm ……**(Kí và ghi rõ họ tên)* **GIÁO VIÊN**

*(Kí và ghi rõ họ tên)*

# NỘI DUNG 4. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN NGỮ VĂN CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

# 4.1. Quan niệm và vai trò của kế hoạch bài dạy

KHBD (hay còn gọi là giáo án) là kịch bản lên lớp của GV với đối tượng HS và nội dung cụ thể trong một không gian và thời gian nhất định; là một bản mô tả chi tiết mục tiêu, thiết bị và học liệu, tiến trình tổ chức hoạt động dạy học của một bài học nhằm giúp người học đáp ứng YCCĐ về năng lực, phẩm chất tương ứng trong chương trình môn học. KHBD được GV xây dựng trong giai đoạn chuẩn bị lên lớp và quyết định rất lớn đến sự thành công của bài học.

Nói cách khác, kế hoạch bài dạy là bản thiết kế cho tiến trình dạy học một bài học cụ thể, là bản kế hoạch mà người GV dự định sẽ thực hiện giảng dạy trên lớp đối với nhóm đối tượng HS nào đó. Với một bài học nào đó, với những đối tượng HS khác nhau và với những GV khác nhau thì sẽ có những bản kế hoạch dạy học khác nhau. Vì thế, kế hoạch bài dạy là sản phẩm cá nhân, điều này không chỉ thể hiện trong ý tưởng dạy học, mà còn cả trong cách trình bày kế hoạch của họ. Vì thế, không có một kế hoạch bài dạy duy nhất, cũng như không có một khuôn mẫu duy nhất trong cách trình bày.

Việc xây dựng kế hoạch bài dạy có vai trò[[10]](#footnote-10) sau:

* Thiết lập môi trường dạy học phù hợp: Trong một kế hoạch bài dạy, mục tiêu dạy học là cố định và các chiến lược giảng dạy, phương pháp, kĩ thuật dạy học và các phương tiện hỗ trợ… được quyết định trước. Khi một môi trường giảng dạy với các yếu tố liên quan được thiết lập một cách thích hợp, nhiệm vụ giảng dạy sau đó sẽ diễn ra theo cách đã được lên kế hoạch trước. Điều này là một sự đảm bảo cho các mục tiêu dạy học và giáo dục đã đề ra được thực hiện có hiệu quả.
* Định hướng tâm lí giảng dạy: Cùng với việc sử dụng các chiến lược, kĩ thuật và phương tiện giảng dạy phù hợp, các yếu tố liên quan đến HS như sở thích, năng khiếu, nhu cầu, năng lực của HS… khi dạy học cũng được lưu ý và cân nhắc. Việc dạy học trên thực tế vì thế sẽ trở nên thuận lợi hơn. Với một kế hoạch được chuẩn bị trước, GV cũng sẽ hình dung rõ ràng về sự liên hệ giữa nội dung bài học và đối tượng HS của mình.

Điều này làm tăng lên sự tự tin của họ. Khi một GV phát triển cảm giác tự tin thì họ sẽ tổ chức các hoạt động học tập cho HS với sự nhiệt tình và niềm vui thực sự.

* Giới hạn các yếu tố liên quan đến chủ đề giảng dạy: Trong một kế hoạch bài dạy, có những vấn đề liên quan đến bài học có thể trở nên hạn chế hoặc không cần thiết do bối cảnh lớp học hoặc các vấn đề khác như sự chi phối của thời gian. Điều này cho phép GV từ bỏ những thứ không liên quan để xác định rõ ràng, có giới hạn việc giảng dạy các kiến thức một cách hệ thống và có tổ chức cho HS.
* Sử dụng hiệu quả kiến thức đã có: Trong việc chuẩn bị kế hoạch bài dạy, GV phát triển các kiến thức mới trên cơ sở kiến thức trước đây của HS. Điều này cho phép HS thuận lợi trong việc đạt được kiến thức mới, phát triển năng lực, GV thành công trong việc giúp HS đạt được mục tiêu. Kế hoạch dạy học cũng giúp GV tạo lập sự kết nối hợp lí giữa kế hoạch bài dạy này với các kế hoạch bài dạy khác về nội dung, phương pháp và hình thức đánh giá nhằm tạo sự kết nối để đạt mục đích khóa học, năm học.
* Phát triển kĩ năng dạy học: Kế hoạch dạy học đóng vai trò là phương tiện quan trọng để phát triển kĩ năng dạy học của GV. Trong kế hoạch của mình, GV định hướng các vấn đề liên quan đến hoạt động dạy học sẽ thực hiện trên lớp, điều đó cần các kĩ năng cơ bản như xác định mục tiêu, thiết kế các hoạt động học tập… từ đó xác định cách thức hoạt động, tương tác trên lớp học một cách hiệu quả. Và thông qua việc chuẩn bị cho cách thức tương tác và hoạt động một cách kĩ lưỡng, qua nhiều bài học khác nhau, GV sẽ ngày càng phát triển và thành thạo các kĩ năng dạy học của họ.
* Sử dụng hiệu quả thời gian: Kế hoạch dạy học được chuẩn bị sẽ giúp GV cân đối thời gian cho các hoạt động, hướng đến nâng cao hiệu quả giảng dạy. Nhờ đó, các hoạt động dạy học tiến triển một cách liên tục, hạn chế thời gian lãng phí, đưa tất cả các HS vào các nhiệm vụ một cách phù hợp.

# 4.2. Các yêu cầu khi xây dựng kế hoạch bài dạy phát triển phẩm chất và năng lực học sinh

Mặc dù KHBD mang tính cá nhân và không có khuôn mẫu nhất định chung cho tất cả mọi GV, mọi môn học/HĐGD, mọi bài dạy; nhưng để có sự đồng bộ và thống nhất nhất định trong triển khai dạy học hướng đến thực hiện mục tiêu của chương trình, việc thống nhất một số yêu cầu cốt lõi cần có khi xây dựng kế hoạch bài dạy là cần thiết. Chẳng hạn như những yêu cầu về diễn đạt mục tiêu bài dạy; các nội dung cơ bản cần thể hiện trong mỗi hoạt động học; trình tự thao tác trong tổ chức hoạt động dạy học; sự vận dụng các PPDH, kĩ thuật dạy học; xây dựng công cụ đánh giá...

Căn cứ vào các tiêu chí của công văn 5555/ BGDĐT-GDTrH ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng BGDĐT về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; tổ chức và quản lí các hoạt động chuyên môn của trường trung học/trung tâm giáo dục thường xuyên qua mạng và đặc điểm của CTGDPT 2018, khi xây dựng KHBD một chủ đề cần đảm bảo các yêu cầu sau:

1. *Yêu cầu về sự chuẩn bị:*  KHBD cần được chuẩn bị cẩn thận nhưng linh hoạt. Một kế hoạch bài dạy được chuẩn bị càng cẩn thận sẽ là tiền đề tốt giúp GV thực hiện dạy học hiệu quả. Mặc dù vậy, GV nên đảm bảo rằng kế hoạch đó có thể linh hoạt thay đổi như một sự phát triển bài học và những yêu cầu xuất phát từ phía người học. Kế hoạch bài dạy theo đó là bản thiết kế để sử dụng như một hướng dẫn chứ không phải là một công thức cố định bắt buộc phải tuân thủ. Điều này yêu cầu GV trong quá trình xây dựng kế hoạch bài dạy phải nghiên cứu kĩ đặc điểm của đối tượng HS, xem xét các điều kiện về cơ sở vật chất của nhà trường, điều kiện về các phương tiện dạy học, đồng thời chú ý xem xét sự đa dạng của các hoạt động, dự phòng các tình huống phát sinh.
2. *Yêu cầu về việc đáp ứng mục tiêu của CTGDPT 2018:* KHBD cần đảm bảo đáp ứng các yêu cầu cần đạt mà CTGDPT tổng thể, CTGDPT môn Ngữ văn đã ban hành.
3. *Yêu cầu về việc đảm bảo tiến trình tổ chức hoạt động dạy học:*
* KHBD cần đảm bảo sự phù hợp của chuỗi hoạt động học và sự phù hợp của các yếu tố trong mỗi hoạt động học tập tổ chức cho HS. Kế hoạch bài dạy cần được tổ chức theo chuỗi các hoạt động, bao gồm: Mở đầu/đặt vấn đề, hình thành kiến thức, luyện tập, vận dụng. Chuỗi hoạt động này cần phù hợp với các mục tiêu và nội dung của bài dạy.
* Trong KHBD, mỗi hoạt động cần thể hiện được: Tên hoạt động, thời gian thực hiện, mục tiêu, nội dung, sản phẩm dự kiến và cách thức tổ chức tổ chức hoạt động dạy học. Mục tiêu cần được phát biểu rõ ràng, bao phủ YCCĐ của bài học.
* KHDH cần đảm bảo trong tiến trình tổ chức từng hoạt động dạy học thể hiện được trình tự các hành động: Chuyển giao nhiệm vụ; thực hiện nhiệm vụ học tập; báo cáo kết quả và thảo luận; kết luận về quá trình và kết quả thực hiện nhiệm vụ.

*(4) Yêu cầu về sự đa dạng trong hình thức, phương pháp, kĩ thuật dạy học và kiểm tra đánh giá:*

* KHBD cần đảm bảo sự vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích hóa hoạt động học tập của HS, phù hợp với đặc thù môn học. Vì vậy, việc thiết kế kế hoạch bài dạy đòi hỏi GV phải sử dụng đa dạng các PPDH. Không cần thiết phải sử dụng quá nhiều PPDH trong một bài học, nhưng cũng không nên chỉ một phương pháp cho nhiều hoạt động trong bài học, hoặc từ bài học này sang bài học khác, đặc biệt là các phương pháp thụ động. GV nên kết hợp nhiều phương pháp trong một hoạt động cũng như đa dạng các phương tiện dạy học, cách thức tương tác, đa dạng về các nhiệm vụ giao cho HS và các sản phẩm HS tạo ra,…
* Trong KHBD cần xác định được hình thức, phương pháp kiểm tra đánh giá, xây dựng được công cụ đánh giá phù hợp mục tiêu đánh giá phẩm chất, năng lực đã đề ra**.**

*(5) Yêu cầu về việc thể hiện vai trò chủ đạo của Gv và tính tích cực học tập của HS:*

- KHBD cần đảm bảo sự tham gia tích cực của HS, thể hiện qua việc GV chú trọng vào hoạt động của HS. Để thực hiện yêu cầu này, GV cần thiết kế các hoạt động học tập theo hướng sử dụng các PPDH tích cực, nhấn mạnh đến việc tổ chức các hoạt động dạy học tạo điều kiện cho HS được trải nghiệm, thực hành, tìm tòi, khám phá kiến thức; chú trọng kết hợp hoạt động cá nhân với hoạt động của nhóm, tập thể lớp; đảm bảo sự tương tác đa chiều. Đồng thời, chú trọng việc đưa ra các nhiệm vụ cho HS thực hiện, thay vì tập trung vào các hoạt động của GV trên lớp thì phải chú trọng đến hoạt động của HS.

*(6) Yêu cầu về sự phù hợp của thiết bị, học liệu và phù hợp với điều kiện của nhà trường:*

* KHBD cần đảm bảo sự phù hợp của phương tiện, thiết bị dạy học, học liệu với tiến trình tổ chức các hoạt động học của HS.
* KHBD cần đảm bảo phù hợp với điều kiện của nhà trường, đối tượng HS và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của GV.

# 4.3. Cấu trúc kế hoạch bài dạy

Cấu trúc, hình thức và cách trình bày KHBD là linh hoạt và không bắt buộc theo mẫu có sẵn. Không có và cũng không nên có một quy định cứng nhắc về mẫu KHBD để bắt buộc GV phải thực hiện theo. Tùy vào từng bối cảnh cụ thể, tùy vào từng nội dung và đối tượng DH, GV có thể linh động sáng tạo để thiết kế KHBD và các hoạt động, tổ chức và hướng dẫn HS học tập môn Ngữ văn.

Tuy nhiên, để đảm bảo DH phát triển phẩm chất và năng lực HS, KHBD môn Ngữ văn cần lưu ý hướng đến việc cụ thể hóa mục tiêu phát triển phẩm chất và năng lực (năng lực chung và năng lực đặc thù), đến việc tích cực hóa các hoạt động học tập của HS, đến phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá các mục tiêu đã đặt ra.

Căn cứ chương trình môn Ngữ văn 2018, GV có thể nhận thấy được các kiểu bài học chủ yếu sau: (1) Bài học đọc hiểu văn bản, (2) Bài học viết, (3) Bài học nói và nghe. Các bài học được tổ chức theo hướng tích hợp, các văn bản sẽ là trung tâm và là công cụ cơ bản để tổ chức hoạt động đọc, từ đó tổ chức hoạt động viết và hoạt động nói – nghe. Trong mỗi bài học, các hoạt động đọc - viết - nói và nghe được thiết kế liền mạch và kết nối chặt chẽ với nhau, kiến thức văn học và kiến thức ngôn ngữ được tích hợp khi dạy học các hoạt động đọc - viết - nói và nghe.

Do đó, với môn Ngữ văn, GV có thể thiết kế KHBD nhỏ dành riêng cho từng hoạt động đọc - viết - nói và nghe hoặc thiết kế một KHBD lớn bao gồm các hoạt động đọc - viết - nói và nghe tích hợp với kiến thức tiếng Việt và văn học. Theo đó, KHBD bài học môn Ngữ văn (có đầy đủ các hoạt động đọc – viết – nói và nghe) có thể được trình bày theo cấu trúc sau (tham khảo công văn 5512 của Bộ GD&ĐT ban hành ngày 18 tháng 12 năm 2020):

**Trường:...................** Họ và tên giáo viên:

**Tổ:............................**

*Ngày: ........................*…………………….............................

**TÊN BÀI DẠY: …………………………………..[[11]](#footnote-11)**

Môn học: ……….; Lớp:………

Thời gian thực hiện: (số tiết)

 **MỤC TIÊU BÀI HỌC[[12]](#footnote-12)**

**\* Năng lực**

***- Năng lực đặc thù:*** Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy đọc, viết, nói và nghe. Một số kiến thức văn học và kiến

|  |
| --- |
| thức tiếng Việt được tích hợp trong quá trình dạy đọc, viết, nói và nghe. Qua bài học, học sinh biết: … + **+** ***- Năng lực chung*:** bài học góp phần phát triển năng lực chung nào, thành tố nào của năng lực ấy? **\* Phẩm chất:** Bài học góp phần phát triển phẩm chất nào, biểu hiện nào của phẩm chất ấy? **A. ĐỌC** **A1. ĐỌC VĂN BẢN 1** **I. Mục tiêu[[13]](#footnote-13)** 1. **Năng lực**
	1. ***Năng lực đặc thù***
	2. ***Năng lực chung***
2. **Phẩm chất**
3. **Thiết bị dạy học và học liệu**
4. **Tiến trình dạy học[[14]](#footnote-14)**
5. ***Hoạt động 1: Xác định vấn đề/nhiệm vụ học tập***
	1. Mục tiêu
	2. Nội dung
	3. Sản phẩm
	4. Tổ chức thực hiện
6. ***Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới/giải quyết vấn đề/thực thi nhiệm vụ***  a) Mục tiêu
	1. Nội dung
	2. Sản phẩm
	3. Tổ chức thực hiện
 |

|  |
| --- |
| 1. ***Hoạt động 3: Luyện tập***
	1. Mục tiêu
	2. Nội dung
	3. Sản phẩm
	4. Tổ chức thực hiện
2. ***Hoạt động 4: Vận dụng***
	1. Mục tiêu
	2. Nội dung
	3. Sản phẩm
	4. Tổ chức thực hiện

**A2. ĐỌC VĂN BẢN 2** **(**trình bày tương tự văn bản đọc 1) **B. VIẾT** **I. Mục tiêu[[15]](#footnote-15)** 1. **Năng lực**
	1. **Năng lực đặc thù**
	2. **Năng lực chung**
2. **Phẩm chất**
3. **Thiết bị dạy học và học liệu**
4. **Tiến trình dạy học[[16]](#footnote-16)**
5. ***Hoạt động 1: Xác định vấn đề/nhiệm vụ học tập***
	1. Mục tiêu
	2. Nội dung
	3. Sản phẩm
	4. Tổ chức thực hiện
6. ***Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới/giải quyết vấn đề/thực thi nhiệm vụ***  a) Mục tiêu

 b) Nội dung  |

|  |
| --- |
| 1. Sản phẩm
2. Tổ chức thực hiện
3. ***Hoạt động 3: Luyện tập***
	1. Mục tiêu
	2. Nội dung
	3. Sản phẩm
	4. Tổ chức thực hiện
4. ***Hoạt động 4: Vận dụng***
	1. Mục tiêu
	2. Nội dung
	3. Sản phẩm
	4. Tổ chức thực hiện

**C. NÓI VÀ NGHE** **I. Mục tiêu[[17]](#footnote-17)** 1. **Năng lực**
	1. **Năng lực đặc thù**
	2. **Năng lực chung**
2. **Phẩm chất**
3. **Thiết bị dạy học và học liệu**
4. **Tiến trình dạy học[[18]](#footnote-18)**
5. ***Hoạt động 1: Xác định vấn đề/nhiệm vụ học tập***
	1. Mục tiêu
	2. Nội dung
	3. Sản phẩm
	4. Tổ chức thực hiện
6. ***Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới/giải quyết vấn đề/thực thi nhiệm vụ***  a) Mục tiêu

 b) Nội dung  |

|  |
| --- |
| 1. Sản phẩm
2. Tổ chức thực hiện
3. ***Hoạt động 3: Luyện tập***
	1. Mục tiêu
	2. Nội dung
	3. Sản phẩm
	4. Tổ chức thực hiện
4. ***Hoạt động 4: Vận dụng***
	1. Mục tiêu
	2. Nội dung
	3. Sản phẩm
	4. Tổ chức thực hiện

**PHỤ LỤC[[19]](#footnote-19)** * Thông tin về nội dung dạy học chủ đề (nếu có)
* Phiếu học tập (nếu có)
* Công cụ đánh giá

**RÚT KINH NGHIỆM BÀI DẠY 21**  |

***\* Lưu ý:***

1. Cách thức trình bày Mục tiêu, thiết bị dạy học và học liệu, cấu trúc và yêu cầu trình bày các hoạt động: Tham khảo phụ lục 4 - công văn 5512 của Bộ GD&ĐT ban hành ngày 18 tháng 12 năm 2020 và Công văn 2613 của Bộ GD&ĐT ban hành ngày 23 tháng 6 năm 2021.
2. Mỗi bài dạy có thể được thực hiện trong nhiều tiết học, bảo đảm đủ thời gian dành cho mỗi hoạt động để học sinh thực hiện hiệu quả. Hệ thống câu hỏi, bài tập luyện tập cần bảo đảm yêu cầu tối thiểu về số lượng và đủ về thể loại theo yêu cầu phát triển các kĩ năng. Hoạt động vận dụng được thực hiện đối với những bài hoặc nhóm bài có nội dung phù hợp và chủ yếu được giao cho học sinh thực hiện ở ngoài lớp học.
3. Trong Kế hoạch bài dạy không cần nêu cụ thể lời nói của giáo viên, học sinh mà tập trung mô tả rõ hoạt động cụ thể của giáo viên: giáo viên giao nhiệm vụ/yêu

cầu/quan sát/theo dõi/hướng dẫn/nhận xét/gợi ý/kiểm tra/đánh giá; học sinh thực hiện/đọc/nghe/nhìn/viết/trình bày/báo cáo/thực hành.

1. Việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện trong quá trình tổ chức các hoạt động học và được thiết kế trong Kế hoạch bài dạy thông qua các hình thức: hỏi - đáp, viết, thực hành, thuyết trình, sản phẩm học tập. Đối với mỗi hình thức, khi đánh giá bằng điểm số phải thông báo trước cho học sinh về các tiêu chí đánh giá và định hướng cho học sinh tự học; chú trọng đánh giá bằng nhận xét quá trình và kết quả thực hiện của học sinh theo yêu cầu của câu hỏi, bài tập, bài thực hành, thuyết trình, sản phẩm học tập đã được nêu cụ thể trong Kế hoạch bài dạy.
2. Các bước tổ chức thực hiện một hoạt động học
* Giao nhiệm vụ học tập: Trình bày cụ thể nội dung nhiệm vụ được giao cho học sinh (đọc/nghe/nhìn/làm) với thiết bị dạy học/học liệu cụ thể để tất cả học sinh đều hiểu rõ nhiệm vụ phải thực hiện.
* Thực hiện nhiệm vụ (học sinh thực hiện; giáo viên theo dõi, hỗ trợ): Trình bày cụ thể nhiệm vụ học sinh phải thực hiện (đọc/nghe/nhìn/làm) theo yêu cầu của giáo viên; dự kiến những khó khăn mà học sinh có thể gặp phải kèm theo biện pháp hỗ trợ; dự kiến các mức độ cần phải hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu.
* Báo cáo, thảo luận (giáo viên tổ chức, điều hành; học sinh báo cáo, thảo luận): Trình bày cụ thể giải pháp sư phạm trong việc lựa chọn các nhóm học sinh báo cáo và cách thức tổ chức cho học sinh báo cáo (có thể chỉ chọn một số nhóm trình bày/báo cáo theo giải pháp sư phạm của giáo viên).
* Kết luận, nhận định: Phân tích cụ thể về sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành theo yêu cầu (làm căn cứ để nhận xét, đánh giá các mức độ hoàn thành của học sinh trên thực tế tổ chức dạy học); làm rõ những nội dung/yêu cầu về kiến thức, kĩ năng để học sinh ghi nhận, thực hiện; làm rõ các nội dung/vấn đề cần giải quyết/giải thích và nhiệm vụ học tập mà học sinh phải thực hiện tiếp theo.

# 4.4. Cách thức xây dựng kế hoạch bài dạy môn Ngữ văn

Ở chương trình hiện hành, GV xây dựng KHBD khi đã có chương trình môn học, có chuẩn kiến thức, kĩ năng và đặc biệt là có SGK như là một văn bản pháp lí. Trong khi đó, khi thực thi CTGDPT 2018, GV tiến hành xây dựng KHBD cho một bài học trong điều kiện có nhiều bộ SGK khác nhau được biên soạn theo những cách tiếp cận khác nhau (tiếp cận hoạt động học tập hoặc tiếp cận nội dung chương trình…) và đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực; đáp ứng tính mở của chương trình. Do đó, trước khi xây dựng KHBD một chủ đề, GV cần xác định được những nội dung cụ thể cần dạy và mục tiêu về phẩm chất và năng lực theo YCCĐ, xây dựng tiến trình dạy học của chủ đề, từ đó thiết kế KHBD cụ thể.

Trên cơ sở nghiên cứu CTGDPT 2018 - môn Ngữ văn, tham khảo SGK và kết quả xây dựng KHDH môn Ngữ văn của tổ chuyên môn, GV có thể xây dựng KHBD theo cách thức được trình bày tóm tắt qua hình 4.1.





**Bước 1**



Xác định mục tiêu của kế hoạch bài dạy



**Bước 2**



Xác định chuỗi hoạt động học

của KHBD và mục tiêu của hoạt

động



**Bước 3**



Xây dựng các hoạt động dạy học cụ thể



**Bước 4**



Hoàn thiện kế hoạch bài dạy

 Hình 4.1. Cách thức xây dựng KHBD môn Ngữ văn

***Bước 1: Xác định mục tiêu của kế hoạch bài dạy***  *\* Các căn cứ xác định mục tiêu dạy học:*

1. Căn cứ vào YCCĐ của bài học (CTGDPT 2018 - môn Ngữ văn, ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc từ kết quả xây dựng KHGD môn Ngữ văn) GV có thể xác định được các mục tiêu tối thiểu HS cần phải đạt được sau quá trình DH. Hay nói cách khác, YCCĐ chính là mục tiêu tối thiểu của bài học. Ví dụ ở lớp 6, khi dạy bài *Truyền thuyết*, GV sẽ lựa chọn các YCCĐ liên quan đến truyền thuyết hoặc khi dạy bài *Thơ lục bát,* GV sẽ lựa chọn các YCCĐ liên quan đến thơ và thơ lục bát thể hiện ở cả bốn kĩ năng đọc - viết - nói và nghe được quy định trong chương trình (tham khảo thêm cách lựa chọn YCCĐ được hướng dẫn trong mục 2.2.6). Những YCCĐ nào được lặp đi lặp lại ở nhiều bài thì GV có thể lựa chọn, tính toán thời lượng để sắp xếp YCCĐ nào sẽ được triển khai thành hoạt động học chính, YCCĐ nào HS có thể tự học hoặc được sắp xếp vào phần hỗ trợ luyện tập, bổ sung. Đồng thời, GV lựa chọn những kiến thức tiếng Việt được trình bày trong cột *Nội dung* trong phần ở mỗi cấp lớp có thể lồng ghép trong quá trình DH các chủ đề. Ví dụ khi dạy bài *Thơ lục bát* ở lớp 6, GV có thể lựa chọn lồng ghép nội dung DH Tiếng Việt về *biện pháp tu từ ẩn dụ, hoán dụ: đặc điểm và tác dụng* (xem chương trình GDPT Ngữ văn, tr.41); hay khi dạy bài *Nghị luận về một hiện tượng trong học tập đời sống*, GV có thể lựa chọn lồng ghép nội dung DH Tiếng Việt về *trạng ngữ: đặc điểm, chức năng liên kết câu* hoặc *nghĩa của một số thành ngữ thông dụng* (xem CTGDPT Ngữ văn, tr.40).

 Sau khi xác định được các YCCĐ tối thiểu cho bài học, GV tiến hành lựa chọn ngữ liệu phù hợp để triển khai DH để có thể đạt được YCCĐ và khai thác các nội dung kiến thức tiếng Việt đã xác định. GV tham khảo mục IX. *Danh mục các văn bản (ngữ liệu) gợi ý lựa chọn ở các lớp* được quy định trong chương trình Ngữ văn (tr.92-110) để lựa chọn các ngữ liệu có thể đáp ứng được các YCCĐ đã xác định. Chẳng hạn, để đáp ứng được các YCCĐ đã xác định khi dạy bài *Truyền thuyết,* GV có thể lựa chọn trong các văn bản liên quan được chương trình gợi ý như: “*Thánh Gióng”, “Sơn Tinh-Thủy Tinh”, “Truyền thuyết Hồ Gươm;*... hay để đáp ứng được các YCCĐ đã xác định khi dạy bài *Cổ tích,* GV có thể lựa chọn trong các văn bản liên quan được chương trình gợi ý như: “*Thạch sanh”, “Cô bé bán diêm”* (H.Andersen);..

Khi có SGK, GV sẽ có thêm nhiều sự lựa chọn các ngữ liệu để DH các văn bản liên quan. Thậm chí, bằng kiến thức và kinh nghiệm của mình, GV có thể đề xuất và lựa chọn những ngữ liệu không có trong SGK, không được gợi ý trong chương trình môn Ngữ văn nhưng vẫn đáp ứng được các YCCĐ bài học và phù hợp với hoàn cảnh cụ thể và trình độ của HS.

1. Căn cứ vào phẩm chất và năng lực hiện tại của HS lớp học: tuỳ vào mức độ năng lực của HS mà GV có thể nâng bậc nhận thức của mục tiêu lên những mức độ cao hơn. Tùy vào mức độ năng lực của HS mà GV có thể giảm hoặc nâng bậc nhận thức của mục tiêu lên những mức độ khác nhau. Chẳng hạn, khi dạy bài *Truyền thuyết* với các văn bản ngữ liệu đã được xác định ở trên, GV có thể xác định phát triển phẩm chất *Yêu nước* cho HS như: *Có ý thức tìm hiểu truyền thống của quê hương* và *Tự hào bảo vệ thiên nhiên, di sản;* hay khi dạy bài *Thơ lục bát,* GV có thể xác định phát triển phẩm chất *Nhân ái và Yêu nước* cho HS như: *Có ý thức tìm hiểu truyền thống của quê hương* và *Yêu quê hương, yêu thương con người,...*

Trước khi xác định mục tiêu DH, GV cần có những đánh giá sơ bộ về phẩm chất, năng lực chung, năng lực đặc thù của HS từng khối, lớp cũng như việc nắm vững các kiến thức nền liên quan đến bài học của HS để có những chiến lược DH phát triển tối đa năng lực và phẩm chất của HS. Các YCCĐ được viết trong chương trình hiện nay là yêu cầu tối thiểu dành chung cho HS ở mỗi khối lớp. Tùy vào trình độ của HS và từng điều kiện cụ thể, GV có thể xác định các mục tiêu DH ở mức độ cao hơn hoặc thấp hơn mức độ được quy định trong chương trình môn học đối với từng bài học cụ thể.

1. Căn cứ vào đặc điểm xây dựng nội dung kiến thức, vào phương tiện, thiết bị và hình thức, phương pháp, kĩ thuật dạy học: Tùy vào việc lựa chọn hình thức, phương pháp tổ chức hoạt động dạy học dựa trên tình hình thực tế về cơ sở vật chất, điều kiện dạy học của nhà trường và đặc điểm nội dung kiến thức, GV có thể xác định các mục tiêu phẩm chất, năng lực chung và năng lực đặc thù tương ứng. *\* Căn cứ xác định nội dung kiến thức*
	* Căn cứ vào YCCĐ của bài học;
	* Căn cứ vào Kế hoạch giáo dục môn Ngữ văn mà tổ bộ môn đã xây dựng;
	* Căn cứ những đánh giá của GV về phẩm chất, năng lực và kiến thức nền liên quan đến bài học của HS để xác định các nội dung DH cần nâng cao, mở rộng hoặc cần phụ đạo, bồi dưỡng thêm cho (nếu có).

 Việc lựa chọn, xây dựng nội dung DH giúp GV xác định được chính xác nội dung DH và tiến trình tổ chức thực hiện các hoạt động học tập theo một trình tự nhất định để đạt được mục tiêu DH. Ngoài những nội dung DH đã xác định trong quá trình sinh hoạt tổ bộ môn để xây dựng KHGD của môn học, GV có thể bổ sung hoặc mở rộng thêm các nội dung DH có liên quan cho phù hợp với trình độ của lớp học, đáp ứng mục tiêu đặt ra. Dựa vào tính logic của các nội dung DH, GV có thể bổ sung những nội dung này vào mạch nội dung đã xác định trong KHGD một cách phù hợp. *\* Cách xác định nội dung DH*

 Sau khi xác định được mục tiêu DH, GV cần lựa chọn được nội dung DH phù hợp để đáp ứng mục tiêu đã xác định. Nội dung DH đã được quy định trong bản chương trình Ngữ văn 2018, tương ứng với các YCCĐ. Chẳng hạn tương ứng với *các YCCĐ về* *Thơ lục bát* như: Nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp của thơ lục bát; nhận biết được chủ đề của văn bản; nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản; nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ; nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do văn bản gợi ra; làm được thơ lục bát; viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc của mình sau khi đọc bài thơ lục bát; thảo luận nhóm, nhận xét về hình thức và nội dung của bài thơ lục bát của bạn trong nhóm; trình bày cảm xúc cá nhân khi nghe bài thơ lục bát thì trong chương trình Ngữ văn 6 cũng có quy định các *nội dung DH về* *thơ lục bát* là: Các yếu tố hình thức của thơ lục bát: số tiếng, số dòng, vần, nhịp; nhan đề, dòng thơ, khổ thơ, vần, nhịp, ngôn từ và tác dụng của các yếu tố đó trong bài thơ; yếu tố tự sự, miêu tả trong thơ…[[20]](#footnote-20). Tuy nhiên, nếu phân tích kĩ chương trình môn học Ngữ văn 2018, GV sẽ nhận thấy các nội dung DH được quy định trong chương trình mang tính mở và tính khái quát. GV cần căn cứ vào các nội dung DH được quy định trong chương trình, căn cứ vào các YCCĐ đã xác định trước đó để chi tiết hóa, cụ thể hóa và xác định các nội dung DH. Ví dụ:

Xuất phát từ YCCĐ “*Nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp của thơ lục bát”,* GV xác định được nội dung DH chính là “số tiếng, số dòng, vần, nhịp của thơ lục bát”;

Xuất phát từ YCCĐ “*Nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ”,* GV có thể bóc tách ra những nội dung DH chi tiết cần dạy như: “từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ,...”;

Xuất phát từ YCCĐ *“nhận biết được chủ đề của văn bản”,* GV có thể xác định được nội dung DH chi tiết đó là “chủ đề bài thơ”;...

*\* Yêu cầu viết mục tiêu*

(1) Trình bày mục tiêu theo biểu hiện của phẩm chất và năng lực.

* Đối với năng lực đặc thù: Mục tiêu về năng lực đặc thù cần cụ thể đến thành tố và biểu hiện của năng lực. Viết mục tiêu về năng lực đặc thù cần ngắn gọn, rõ ràng và được diễn đạt theo yêu cầu năng lực với các yêu cầu cụ thể cho mỗi kĩ năng đọc - viết - nghe và nói.
* Đối với năng lực chung và phẩm chất: Chỉ nêu tên và biểu hiện nổi bật của năng

lực chung và phẩm chất mà môn Ngữ văn có lợi thế phát triển; liên quan mật thiết đến nội dung bài học. Việc xác định mục tiêu phẩm chất, năng lực chung cần được liên hệ với cách thức tổ chức hoạt động của GV, liên quan trực tiếp đến phương pháp, kĩ thuật, phương tiện dạy học, kể cả cách thức đánh giá mà GV sử dụng trong mỗi hoạt động của bài học.

1. Mục tiêu về phẩm chất và năng lực được biểu đạt bằng động từ cụ thể, lượng hoá được và phải bao trùm được YCCĐ của bài học. Một mục tiêu học tập phù hợp thường mô tả hoạt động học tập của HS thay vì mô tả hoạt động diễn ra trong lớp học hoặc mô tả hành vi của GV.
2. Mục tiêu cần được biểu đạt bằng động từ cụ thể, lượng hoá được. Mỗi động từ thể hiện một dạng hoạt động mà HS phải tiến hành để qua đó lĩnh hội được kiến thức, phát triển được phẩm chất và năng lực và thông qua việc lượng hóa được, GV có thể đo được kết quả làm việc của HS. GV có thể tham khảo bảng *Các từ ngữ thể hiện mức độ đáp ứng YCCĐ* mà chương trình môn Ngữ văn hiện nay đang sử dụng để đặt mục tiêu bài học/chủ đề[[21]](#footnote-21). Chương trình môn Ngữ văn sử dụng một số động từ để thể hiện mức độ đáp ứng YCCĐ về năng lực của HS. Một số động từ được sử dụng ở các mức độ khác nhau nhưng trong mỗi trường hợp thể hiện một hành động có đối tượng và yêu cầu cụ thể. Ví dụ:

|  |  |
| --- | --- |
| ***YCCĐ*** (được quy định trong CTGDPT Ngữ văn 2018)  | ***Mục tiêu*** (Xác định trong kế hoạch bài dạy đọc văn bản. Bài học đường đời đầu tiên) |
| - Nhận biết được một số yếu tố của truyện đồng thoại (cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện, lời nhân vật) và người kể chuyện ngôi thứ nhất. - Nêu được ấn tượng chung về văn bản; nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể tác phẩm.  | **1. Năng lực** * Nhận biết, đánh giá và phân tích các chi tiết miêu tả hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, suy nghĩ của nhân vật Dế Mèn và Dế Choắt trong văn bản.
* Xác định được người kể chuyện ngôi thứ nhất;
 |

|  |  |
| --- | --- |
| - Nhận biết được từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy), hiểu được tác dụng của việc sử dụng từ láy trong văn bản.  | * Nhận biết được những đặc điểm cơ bản làm nên sức hấp dẫn của truyện đồng thoại (cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện, lời nhân vật);
* Nhận biết được từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy), hiểu được tác dụng của việc sử dụng từ láy trong văn bản.

**2. Phẩm chất** Bài học góp phần phát triển phẩm chất nhân ái: khoan hoà, tôn trọng sự khác biệt; tự rút ra bài học về cách ứng xử với bạn bè và đối diện với lỗi lầm của bản thân. |
| Nội dung kiến thức: * Tính chất của truyện đồng thoại được thể hiện trong văn bản “*Bài học đường đời đầu tiên*”.
* Từ đơn, từ phức và biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong văn bản.
* Người kể chuyện ở ngôi thứ nhất (lời kể của Dế Mèn).
 |

 ***Bước 2.* Xác định chuỗi hoạt động học của KHBD và mục tiêu của hoạt động**

Trên cơ sở mục tiêu và nội dung kiến thức đã xác định ở bước 1, GV xây dựng chuỗi các hoạt động dạy học, mà thực chất là các hoạt động học của HS. Với việc xác định chuỗi các hoạt động, GV có thể hình dung tổng thể phương án dạy học để đảm bảo giải quyết trọn vẹn mà không bỏ sót bất kì mục tiêu nào của bài dạy và đảm bảo chúng được triển khai theo trình tự phù hợp. Đây là bước trung gian để làm cơ sở cho việc thiết kế các hoạt động học cụ thể trong tiến trình dạy học. Ngoài mạch nội dung kiến thức đã xác định trong quá trình sinh hoạt tổ bộ môn để xây dựng KHGD của môn học, GV có thể bổ sung hoặc mở rộng thêm các kiến thức có liên quan cho phù hợp với trình độ của lớp học, đáp ứng mục tiêu đặt ra, nhưng vẫn đảm bảo tính logic của kiến thức. Vì CTGDPT 2018 có tính mở, nên việc bổ sung, mở rộng các kiến thức, đặc biệt là các kiến thức cập nhật và mang tính thời sự, những vấn đề liên quan đến thực tiễn của địa phương là hết sức quan trọng và cần thiết.

Chuỗi hoạt động dạy học cần thể hiện được tiến trình tổ chức dạy học gồm: (i) Mở đầu/xác định vấn đề/nhiệm vụ học tập - (ii) Hình thành kiến thức mới/ giải quyết vấn đề/ thực thi nhiệm vụ đặt ra - (iii) Luyện tập - (iv) Vận dụng (Tham khảo phụ lục 4 - Công văn 5512). Tùy thuộc vào từng kiểu bài dạy, GV có thể linh hoạt trong việc xác định chuỗi các hoạt động dạy học. Tuy nhiên, GV cần lưu ý, không phải một bài học có bao nhiêu nội dung kiến thức thì GV sẽ tiến hành xây dựng bấy nhiêu hoạt động hình thành kiến thức mới, đồng thời không nhất thiết KHBD nào cũng đều phải có hoạt động vận dụng,… Những kiểu bài như bài dạy viết, bài dạy nói- nghe không nhất thiết phải được thiết kế đảm bảo đầy đủ các hoạt động được quy định trong công văn 5512.

*\* Cách tiến hành:*

* Xác định nội dung trọng tâm của bài học: Trong một bài học cần đáp ứng 1 số mục tiêu về kiến thức. Tuy nhiên, GV cần xác định nội dung kiến thức trọng tâm của bài học. Để xác định được kiến thức trọng tâm, GV cần rà soát lại mục tiêu của KHBD, chọn ra đơn vị kiến thức/kĩ năng thực sự mới đối với HS; xác định nội dung kiến thức chi phối, liên quan mật thiết đến việc hình thành các kiến thức khác trong cùng một bài học hoặc trong các bài học tiếp theo. GV có thể đặt ra câu hỏi: *Nếu HS đã học được kiến thức trọng tâm thì sẽ thuận lợi như thế nào cho việc tìm hiểu những kiến thức khác có liên quan trong bài học?* Quá trình tổ chức hoạt động hình thành kiến thức trọng tâm sẽ được thiết kế trong hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới. Những nội dung kiến thức liên quan, có thể được hình thành từ kiến thức trọng tâm sẽ tiếp tục được tổ chức học tập ở phần Luyện tập và vận dụng thông qua hệ thống các câu hỏi/bài tập/ nhiệm vụ khác nhau.
* Xác định mục tiêu của các hoạt động: Từ mục tiêu chung của kế hoạch bài dạy, GV xác định mục tiêu cụ thể của các hoạt động tương ứng.
* Định hướng hình thức, phương pháp, kĩ thuật dạy học và phương án đánh giá đáp ứng mục tiêu cụ thể của các hoạt động và mục tiêu chung của bài dạy.
* Xác định thời lượng: Tùy thuộc vào thời lượng được phân bố cho cả bài học, dựa trên kinh nghiệm giảng dạy, dung lượng kiến thức, độ khó của nhiệm vụ, trình độ của HS, điều kiện cơ sở vật chất…GV có thể dự kiến được thời lượng tương ứng của từng hoạt động.

Trên cơ sở mục tiêu và chuỗi hoạt động, thời lượng dạy học của từng hoạt động, GV xác định hình thức, phương pháp, kĩ thuật dạy học và phương án kiểm tra -đánh giá tương ứng. Việc lựa chọn này cần căn cứ vào KHGD môn học, vào loại hình kiến thức, vào mục tiêu dạy học và điều kiện thực tiễn của nhà trường. Từ đó, GV xác định các học liệu cần thiết, cũng như thiết kế nguồn học liệu.

 Đây như là bức tranh khái quát về phương án DH, là phần mô tả ý tưởng sư phạm của GV để hiện thực hóa các mục tiêu DH đã được xác định ở trên. Giữa mục tiêu DH, nội dung DH, PP/ kĩ thuật DH và các phương án kiểm tra đánh giá có mối liên hệ mật thiết, chặt chẽ với nhau; do đó, GV cần đặt ra và trả lời các câu hỏi sau[[22]](#footnote-22): (1) Để đạt được những mục tiêu DH trên, GV cần thiết kế và tổ chức những hoạt động DH nào cho HS? Tiến trình của hoạt động ấy như thế nào? (2) Để tổ chức và hướng dẫn HS triển khai các hoạt động ấy, cần sử dụng các PP, kĩ thuật, phương tiện, hình thức DH nào? (3) Để đo được mức độ đạt được của HS so với mục tiêu DH trong từng hoạt động, cần sử dụng những công cụ đo nào? Việc hoàn thành bồi dưỡng Mô-đun 2, Mô-đun 3 giúp GV có thêm cơ sở để lựa chọn phương pháp, kĩ thuật dạy học và phương án đánh giá phù hợp.

Một số lưu ý trong xây dựng hoạt động dạy học cụ thể:

 *Cách thức tổ chức hoạt động bao gồm:*

* *Chuyển giao nhiệm vụ học tập:* Nhiệm vụ học tập rõ ràng và phù hợp với khả năng của HS, thể hiện ở yêu cầu về sản phẩm mà HS phải hoàn thành khi thực hiện nhiệm vụ; hình thức giao nhiệm vụ sinh động, hấp dẫn, kích thích được hứng thú nhận thức của HS; đảm bảo cho tất cả HS tiếp nhận và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ.
* *Thực hiện nhiệm vụ học tập:* Khuyến khích HS hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập; phát hiện kịp thời những khó khăn của HS và có biện pháp hỗ trợ phù hợp, hiệu quả; không có HS bị “bỏ quên”.
* *Báo cáo kết quả và thảo luận:* hình thức báo cáo phù hợp với nội dung học tập và KTDH tích cực được sử dụng; khuyến khích cho HS trao đổi, thảo luận với nhau về nội dung học tập; xử lí những tình huống sư phạm nảy sinh một cách hợp lí.
* *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:* nhận xét về quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập của HS; phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và những ý kiến thảo luận của HS; chính xác hóa các kiến thức mà HS đã học được thông qua hoạt động.

 *Lưu ý về phương án đánh giá*:bao gồm công cụ đánh giá, kiểu đánh giá (kết quả/quá trình) và cách thức đánh giá. bao gồm công cụ, hình thức và cách thức đánh giá. Cần quan tâm đến đánh giá năng lực đặc thù, là đánh giá quan trọng nhất trong chủ đề của môn học, do đó cần có công cụ đánh giá cụ thể. Về nguyên tắc, năng lực chung và

phẩm chất là mục tiêu chung cho mọi môn học và các môn học đều góp phần phát triển nên cần có sự tác động, theo dõi trong một khoảng thời gian. Do đó, cần đánh giá qua quá trình, không nhất thiết chủ đề nào/bài nào cũng đánh giá, trừ trường hợp ở một số môn học, các phẩm chất và năng lực chung là nội dung dạy học. Nếu biểu hiện nào đó của năng lực chung và phẩm chất được thể hiện trong YCCĐ thì cần đánh giá (đánh giá qua nhận xét để HS tiến bộ - đánh giá vì sự học mà không nên đánh giá kết quả bằng điểm số), còn các biểu hiện khác, thành tố khác có thể có hoặc không. (GV tham khảo nội dung mô-đun 3. Kiểm tra đánh giá học sinh THCS theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực - môn Ngữ văn). Lưu ý khi đánh giá:

* *Đánh giá năng lực đặc thù:* Đây là đánh giá quan trọng nhất trong chủ đề của môn học, do đó cần có công cụ đánh giá cụ thể.
* *Đánh giá các năng lực chung và phẩm chất:* Về nguyên tắc chung, đây mà mục tiêu chung cho mọi môn học và các môn học đều góp phần phát triển nên cần có sự tác động, theo dõi trong một khoảng thời gian. Do đó, cần đánh giá qua quá trình, không nhất thiết chủ đề nào/bài nào cũng đánh giá, trừ trường hợp ở một số môn học, các phẩm chất và năng lực chung là nội dung DH (ví dụ phẩm chất trách nhiệm trong môn GD công dân). Nếu biểu hiện nào đó của năng lực chung và phẩm chất được thể hiện trong YCCĐ thì cần đánh giá (đánh giá qua nhận xét để HS tiến bộ - đánh giá vì sự tiến bộ của người học, không nên đánh giá kết quả bằng điểm số), còn các biểu hiện khác, thành tố khác có thể có hoặc không cần thiết kế công cụ đánh giá.

Gợi ý một số công cụ đánh giá:

|  |  |
| --- | --- |
| Nội dung đánh giá  | Công cụ đánh giá  |
| *phẩm chất*  | *Quan sát hành vi* (bảng quan sát hành vi) |
| *năng lực chung*  | *Rubric từng năng lực*  |
| *năng lực đặc thù*  |  |
| *+ Thành tố nhận thức*  | *Bài tập trắc nghiệm, tự luận*  |
| *+ Thành tố khám phá, tìm hiểu:*  | *Kết quả thực hiện nhiệm vụ qua các phiếu học tập khám phá kiến thức mới, hồ sơ học tập.*  |
|  *+ Thành tố vận dụng*  | *Qua các bài tập, câu hỏi có nội dung thực thực tế, giải quyết các tình huống thực tiễn (dự án)*  |

### Bước 3. Xây dựng các hoạt động dạy học cụ thể

Trên cơ sở chuỗi hoạt động, mục tiêu, thời lượng và định hướng phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá của từng hoạt động, GV tiến hành xây dựng các hoạt động dạy học cụ thể. Việc xây dựng các hoạt động dạy học cụ thể dựa trên cơ sở đã xác định được mục tiêu dạy học, chuỗi các hoạt động dạy học; định hướng hình thức, phương pháp, kỹ thuật dạy học; phương án đánh giá.

*\* Cách thực hiện:*

+ Thu thập và thiết kế dữ liệu dạy học nhằm đáp ứng mục tiêu của từng hoạt động và phù hợp phương pháp, kĩ thuật dạy học; phương pháp đánh giá như các phương tiện trực quan, câu hỏi, phiếu học tập, bài tập…

+ Biên soạn nội dung: “Nội dung” là nội dung của nhiệm vụ mà GV giao cho HS trong bước “Chuyển giao nhiệm vụ” hay nội dung hoạt động học của HS. “Nội dung” có thể là câu hỏi, bài tập, xử lí tình huống, thực hiện thí nghiệm, … có tác dụng kích thích HS huy động kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm đã có để thực hiện các thao tác tư duy và các hành động học tập cụ thể, từ đó tạo ra “kết quả” thực hiện nhiệm vụ.

+ Xác định sản phẩm cần đạt được:“Sản phẩm” chính là câu trả lời tương ứng với “nội dung” do GV biên soạn. “Sản phẩm” chính là căn cứ để GV định hướng cho HS thực hiện nhiệm vụ, định hướng thảo luận và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS. Đồng thời, “sản phẩm” cũng chính là vấn đề GV cần kết luận, cần “chốt” kiến thức/ kĩ năng cho HS ghi vào vở sau mỗi hoạt động học tập. “Sản phẩm” cần tương thích và đáp ứng mục tiêu dạy học.

+ Thiết kế tiến trình tổ chức hoạt động dạy học cụ thể. Tiến trình “tổ chức hoạt động” bao gồm: (1) Chuyển giao nhiệm vụ; (2) Thực hiện nhiệm vụ; (3) Báo cáo, thảo luận; (4) Kết luận, nhận định. Trong quy trình này GV cần lưu ý pha thứ (2), pha thứ (3) và pha thứ (4).

Trong pha thứ (2), GV cần dự kiến việc mình cần làm để hỗ trợ, định hướng cho HS thực hiện nhiệm vụ như gợi ý, hướng dẫn cách thức thực hiện nhiệm vụ; giải quyết các mâu thuẫn nảy sinh; lưu ý những cá nhân hoặc nhóm có kết quả đúng/chưa đúng, kết quả hay/chưa hay, kết quả khác biệt…Điều này hỗ trợ rất lớn cho việc thực hiện nhiệm vụ của HS và việc tổ chức thảo luận; đồng thời là cơ sở để GV thực hiện việc đánh giá quá trình.

 Ở pha thứ (3), GV cần dự kiến tiến trình thảo luận, bao gồm những câu hỏi phân tích, làm rõ, phát triển kết quả thực hiện nhiệm vụ. Những vấn đề/câu hỏi thảo luận giúp GV có được “thông tin ngược” về việc HS hiểu hay không hiểu rõ vấn đề học tập, là con đường đưa đến sản phẩm và cũng là cách thức để mở rộng, nâng cao kiến thức, kĩ năng (nếu có).

 Đối với pha thứ (4), GV “kết luận/ nhận định” về kết quả đạt được của HS, bao gồm cả kết quả cụ thể của hoạt động (câu trả lời, cách thức xử lí tình huống, bài tập được giải, kết quả thí nghiệm…) và cả kết quả về thái độ, kĩ năng, thao tác tư duy, bài học kinh nghiệm… mà HS có được trong quá trình thực hiện và báo cáo kết quả.

Trong quá trình tổ chức hoạt động dạy học, GV cần sử dụng kĩ thuật phản hồi tích cực nhằm động viên, khuyến khích, tạo động lực cho HS trong quá trình học tập.

###  Bước 4. Hoàn thiện kế hoạch dạy học

Sau khi xây dựng kế hoạch dạy học, GV cần rà soát chỉnh sửa, hoàn thiện kế hoạch dạy học. Đây là bước GV rà soát các hoạt động học, nội dung dạy học đã đáp ứng đầy đủ mục tiêu, yêu cầu cần đạt của bài học chủ đề hay chưa? Phân phối thời lượng cho từng hoạt động và tổng thời lượng đã hợp lí chưa? GV cũng cần xem xét lại sự phù hợp giữa các mục tiêu và chuỗi các hoạt động dạy học, sự phù hợp giữa các PPDH, phương tiện dạy học trong từng hoạt động, sự phù hợp của các phương án đánh giá, sự liên kết giữa các hoạt động trong kế hoạch dạy học, sự đa dạng của các hoạt động và phương án dự phòng trong những trường hợp cần thiết. Đồng thời, kế hoạch dạy học cho 1 chủ đề/bài học sau khi thực thi ở một lớp nào đó cũng cần rút kinh nghiệm, chỉnh sửa cho hoàn thiện và phù hợp với điều kiện thực tế của đối tượng HS lớp khác.

**4.5.** **Phân tích, đánh giá kế hoạch dạy học**

#### 4.5.1. Các tiêu chí phân tích kế hoạch xây dựng và tổ chức bài dạy

Quá trình dạy học mỗi chuyên đề được thiết kế thành các hoạt động học của HS dưới dạng các nhiệm vụ học tập kế tiếp nhau, có thể được thực hiện trên lớp hoặc ở nhà. HS tích cực, chủ động và sáng tạo trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn của GV. Phân tích giờ dạy theo quan điểm đó là phân tích hiệu quả hoạt động học của HS, đồng thời đánh giá việc tổ chức, kiểm tra, định hướng hoạt động học cho HS của GV.

**Bảng 3.4.** Các tiêu chí sử dụng để phân tích kế hoạch xây dựng và tổ chức bài dạy

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung**  | **Tiêu chí**  |
| **1. Kế hoạch và tài liệu dạy học**  | Mức độ phù hợp của chuỗi *hoạt động học* với mục tiêu, nội dung và PPDH được sử dụng.  |
| Mức độ rõ ràng của mục tiêu, nội dung, kĩ thuật tổ chức và sản phẩm cần đạt được của mỗi *nhiệm vụ học tập.*  |
| Mức độ phù hợp của *thiết bị dạy học và học liệu* được sử dụng để tổ chức các hoạt động học của HS.  |
| Mức độ hợp lí của phương án *kiểm tra, đánh giá* trong quá trình tổ chức hoạt động học của HS.  |
| **2. Tổ chức hoạt** **động học cho** **HS**  | Mức độ sinh động, hấp dẫn HS của PP và hình thức chuyển *giao nhiệm vụ* học tập.  |
| Khả năng *theo dõi, quan sát, phát hiện* kịp thời những khó khăn của HS.  |
| Mức độ phù hợp, hiệu quả của các *biện pháp hỗ trợ* và khuyến khích HS hợp tác, giúp đỡ nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.  |
| Mức độ hiệu quả hoạt động của GV trong việc *tổng hợp, phân tích, đánh giá* kết quả hoạt động và quá trình thảo luận của HS.  |
| **3.** **Hoạt động của** **HS**  | Khả năng *tiếp nhận và sẵn sàng* thực hiện nhiệm vụ học tập của tất cả HS trong lớp.  |
| Mức độ *tích cực, chủ động, sáng tạo, hợp tác* của HS trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập.  |
| Mức độ tham gia tích cực của HS trong *trình bày, trao đổi, thảo luận* về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.  |
| Mức độ *đúng đắn, chính xác, phù hợp* của các kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.  |

#### 4.5.2. Phân tích kế hoạch và tài liệu dạy học

1. *Mức độ phù hợp của chuỗi hoạt động học với mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học được sử dụng*

Hoạt động 1: Xác định vấn đề/nhiệm vụ học tập

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mức 1**  | **Mức 2**  | **Mức 3**  |
| Tình huống mở đầu nhằm **huy động kiến thức/kĩ năng đã** có của HS **nhưng chưa tạo được mâu thuẫn nhận thức** để đặt ra vấn đề/câu hỏi chính của bài học.  | Tình huống mở đầu chỉ có thể được **giải quyết một phần hoặc phỏng đoán được kết quả** nhưng chưa lí giải được đầy đủ bằng kiến thức/kĩ năng đã có của HS; **tạo được mâu thuẫn nhận thức**.  | Tình huống mở đầu **gần gũi với kinh nghiệm sống** của HS và chỉ có thể được **giải quyết một phần hoặc phỏng đoán được kết quả** nhưng chưa lí giải được đầy đủ bằng kiến thức/kĩ năng cũ; **đặt ra được vấn đề/câu hỏi chính của bài học**.  |

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mức 1**  | **Mức 2**  | **Mức 3**  |
| Kiến thức mới được trình bày **rõ ràng**, tường minh bằng kênh chữ/kênh hình/kênh tiếng; - C**ó câu hỏi/lệnh cụ thể cho HS hoạt động** để tiếp thu kiến thức mới. | * Kiến thức mới được thể hiện trong kênh chữ/kênh hình/kênh tiếng;
* Có câu hỏi/lệnh cụ thể cho HS hoạt động để tiếp thu kiến thức mới và **giải quyết được đầy đủ tình huống/câuhỏi/ nhiệm vụ mở đầu.**
 | - Kiến thức mới được thể hiện bằng kênh chữ/kênh hình/kênh tiếng **gắn với vấn đề cần giải quyết**; tiếp nối với vấn đề/câu hỏi chính của bài học để HS tiếp thu và giải quyết được vấn đề/câu hỏi chính của bài học. |

Hoạt động 3: Hình thành kĩ năng mới/luyện tập

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mức 1**  | **Mức 2**  | **Mức 3**  |
| Có câu hỏi/bài tập vận dụng trực tiếp những kiến thức mới học nhưng **chưa nêu rõ lí do, mục đích của mỗi câu hỏi/bài tập.**  | Hệ thống câu hỏi/bài tập được lựa chọn **thành hệ thống**; mỗi câu hỏi/bài tập **có mục đích cụ thể**, nhằm rèn luyện các kiến thức/kĩ năng cụ thể. | Hệ thống câu hỏi/bài tập được lựa chọn **thành hệ thống**, **gắn với tình huống thực tiễn**; mỗi câu hỏi/bài tập **có mục đích cụ thể**, nhằm rèn luyện các kiến thức/kĩ năng cụ thể. |

Hoạt động 4: Vận dụng, mở rộng kiến thức

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mức 1**  | **Mức 2**  | **Mức 3**  |
| Có yêu cầu HS liên hệ thực tế/bổ sung thông tin liên quan nhưng **chưa mô tả rõ sản phẩm vận dụng/mở rộng** mà HS phải thực hiện. | Nêu **rõ yêu cầu và mô tả rõ sản phẩm vận dụng/mở rộng** mà HS phải thực hiện. | Hướng dẫn để HS **tự xác định vấn đề, nội dung, hình thức thể hiện của sản phẩm vận dụng/mở rộng.**  |

1. *Mức độ rõ ràng của mục tiêu, nội dung, kĩ thuật tổ chức và sản phẩm cần đạt được của mỗi nhiệm vụ học tập*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| * **Mục tiêu** của **mỗi hoạt động học** và sản phẩm học tập mà HS phải hoàn thành trong mỗi hoạt động đó được **mô tả rõ ràng**
* **Nhưng chưa nêu rõ phương thức hoạt động** của HS/nhóm HS nhằm hoàn thành sản phẩm học tập đó.
 | - Mục tiêu và sản phẩm học tập mà HS phải hoàn thành trong mỗi hoạt động học được mô tả rõ ràng; - **Phương thức hoạt động học** được tổ chức cho HS được trình bày **rõ ràng, cụ thể, thể hiện được sự phù hợp** với sản phẩm học tập cần hoàn thành. | * **Mục tiêu, phương thức hoạt động** và **sản phẩm học tập** mà HS phải hoàn thành trong mỗi hoạt động được **mô tả rõ ràng**;
* Phương thức hoạt động học được tổ chức cho HS thể hiện được sự **phù hợp** với sản phẩm học tập và đối tượng HS.
 |

1. *Mức độ phù hợp của thiết bị dạy học và học liệu được sử dụng để tổ chức các hoạt động học của học sinh*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| Thiết bị dạy học và học liệu thể hiện được sự **phù hợp với sản phẩm học tập** mà HS phải hoàn thành nhưng chưa mô tả rõ cách thức mà HS hành động với thiết  | Thiết bị dạy học và học liệu thể hiện được sự **phù hợp với sản phẩm học tập** mà HS phải hoàn thành; **mô tả cụ thể, rõ ràng cách thức mà HS hành** **động** (đọc/viết/nghe/nhìn/thực  | Thiết bị dạy học và học liệu thể hiện được sự **phù hợp với sản phẩm học tập** mà HS phải hoàn thành; cách thức mà HS hành động(đọc/viết/nghe/nhìn/thực hành) với thiết bị dạy học và học liệu đó được **mô tả cụ**  |
| bị dạy học và học liệu đó. | hành) **với thiết bị** dạy học và học liệu đó. | **thể, rõ ràng**, **phù hợp với kĩ thuật học tích cực được sử dụng.** |

1. *Mức độ hợp lí của phương án kiểm tra, đánh giá trong quá trình tổ chức hoạt động học của học sinh*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mức 1**  | **Mức 2**  | **Mức 3**  |
| Phương thức đánh giá sản phẩm học tập mà HS phải hoàn thành trong mỗi hoạt động học **được** **mô tả** nhưng chưa có phương án kiểm tra trong quá trình hoạt động học của HS.  | Phương án kiểm tra, đánh giá quá trình hoạt động học và sản phẩm học tập của HS được **mô tả rõ,** trong đó thể hiện rõ **các tiêu chí cần đạt của các sản phẩm** học tập trong các hoạt động học  | Phương án kiểm tra, đánh giá quá trình hoạt động học và sản phẩm học tập của HS được **mô tả rõ**, trong đó thể hiện rõ **các tiêu chí cần đạt** của các sản phẩm học tập **trung gian** và sản phẩm học tập **cuối cùng** của các hoạt động học.  |

# 4.6. Kế hoạch bài dạy minh họa

(Phụ lục 3)

**NỘI DUNG 5**

**XÂY DỰNG KẾ HOẠCH TỰ HỌC VÀ HỖ TRỢ ĐỒNG NGHIỆP CỦA GIÁO VIÊN CỐT CÁN TRONG VIỆC XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH GIÁO DỤC**

**5.1. Xây dựng kế hoạch tự học**

#### 5.1.1. Khái niệm kế hoạch tự học

Kế hoạch tự học là bản thiết kế các công việc mà GV sẽ thực hiện để phát triển cá nhân; được sử dụng trong việc thiết lập và hướng tới các mục tiêu cho sự phát triển chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp của GV.

Kế hoạch tự học bao gồm các hoạt động phát triển năng lực nghề nghiệp thông qua việc tự học tập, tự bồi dưỡng hoặc thông qua các lớp bồi dưỡng trực tiếp hoặc cộng đồng học tập, thời gian hoàn thành và xem xét các mục tiêu, tài liệu hợp tác với người khác, tiến trình sẽ được ghi nhận, hỗ trợ cần thiết và cách đáp ứng mục tiêu sẽ cải thiện kiến thức và kĩ năng chuyên môn của GV và ảnh hưởng đến việc học của HS.

Tất cả các GV được yêu cầu phải có kế hoạch phát triển chuyên môn nghiệp vụ của cá nhân. Ngoài ra, một quy trình phát triển bản thân GV là cần thiết đối với những người không đáp ứng các tiêu chuẩn theo hệ thống đánh giá.

#### 5.1.2. Ý nghĩa của việc xây dựng kế hoạch tự học

Với sự phát triển không ngừng của xã hội, GV luôn phải phát triển nghề nghiệp của mình. Đối với bất kì ai, nếu có mục tiêu rõ ràng và xây dựng được một kế hoạch tự học khoa học thì việc tự học thật sự có hiệu quả.

Để phát triển tốt, GV cần có kế hoạch tự học, bao gồm các chiến lược, nguồn lực và kinh nghiệm để đạt được các mục tiêu. Kế hoạch tự học đặc biệt quan trọng đối với GV nói chung và đối với GV tập sự trong việc phát triển nghề nghiệp của GV. Đặc biệt, khi CTGDPT 2018 sẽ bắt đầu từ năm học 2020 - 2021 thì việc thiết kế một kế hoạch tự học để đáp ứng các yêu cầu về năng lực của GV là hết sức cần thiết.

#### 5.1.3. Nguyên tắc và quy trình xây dựng kế hoạch tự học

*5.1.3.1. Nguyên tắc xây dựng kế hoạch tự học*

* *Mục đích, nhiệm vụ và kế hoạch học tập phải được cụ thể, rõ ràng.*

Trong đó kế hoạch phải được xác định với tính hướng đích cao, tức là kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn hoặc thậm chí kế hoạch của từng môn, từng phần phải được tạo lập thật rõ ràng, nhất quán cho từng thời điểm từng giai đoạn cụ thể sao cho phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của mình.

* *Nội dung tự học, tự bồi dưỡng thường xuyên của GV và cán bộ quản lí phổ thông phải căn cứ theo các nhiệm vụ của nhà giáo được quy định tại các văn bản hiện hành*. Một số văn bản cốt lõi GV cần tham khảo để xây dựng nội dung gồm:

+ Thông tư số: 17/2019/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT ban hành ngày 01/11/2019 về chương trình bồi dưỡng thường xuyên GV cơ sở giáo dục phổ thông gồm: GV cơ sở GD phổ thông áp dụng đối với GV đang giảng dạy ở trường tiểu học, trường THCS, trường THCS, trường phổ thông có nhiều cấp học, trường chuyên, trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, link: https://moet.gov.vn/vanban/vanban/Pages/chi-tiet-van-ban.aspx?ItemID=1324

+ Thông tư số: 19/2019/TT-BGDĐTcủa BGDĐT ban hành ngày 12/11/2019 về Quy chế bồi dưỡng thường xuyên GV, cán bộ quản lí cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông và GV trung tâm giáo dục thường xuyên. Link:

#### https://moet.gov.vn/content/vanban/.../19\_2019\_TT\_BGDDT.signed.pdf

+ Ngoài ra, theo các yêu cầu của BGDĐT, GV phải đáp ứng Quy định Chuẩn nghề nghiệp GV cơ sở giáo dục phổ thông theo Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT, ngày

22/8/2018 của Bộ GDĐT, link:

https://moet.gov.vn/content/vanban/Lists/VBPQ/Attach/20\_2018\_TT\_BGDDT.PDF; các Thông tư liên tịch quy định về chuẩn chức danh nghề nghiệp tương ứng với từng hạng GV: Thông tư liên tịch 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/09/2015 đối với GV Tiểu học, link: http://vbpl.vn/bogiaoducdaotao/Pages/vbpqtoanvan.aspx?ItemID=91866, Thông tư liên tịch 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/09/2015 đối với GV THCS, link: http://vbpl.vn/bogiaoducdaotao/2015/TTLTBGDT-BNV, Thông tư liên tịch 23/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 đối với GV THCS, link: http://vbpl.vn/bogiaoducdaotao/2015/TTLT-BGDT-BNV và các văn bản hiện hành khác.

* *Đảm bảo về thời gian thực hiện, chọn đúng trọng tâm.* GV cần xác định những công việc cốt lõi và quan trọng để ưu tiên tác động trực tiếp và dành thời gian công sức cho nó. Nếu việc học dàn trải thiếu tập trung thì chắc chắn hiệu quả sẽ không cao. Sau khi đã xác định được trọng tâm, GV phải sắp xếp các phần việc một cách hợp lí logic về cả nội dung lẫn thời gian, đặc biệt cần tập trung hoàn thành dứt điểm từng phần, từng hạng mục theo thứ tự được thể hiện chi tiết trong kế hoạch. Điều đó sẽ giúp quá trình tiến hành việc tự học thuận lợi, hiệu quả.
* *Việc lập kế hoạch rõ ràng, cụ thể, đảm bảo thứ tự ưu tiên.*

 Việc xác định những nội dung cần được học trước và những nội dung có thể được học sau sẽ giúp GV quản lí, tiết kiệm được thời gian và hệ thống lại những kiến thức đã học một cách khoa học.

*5.1.3.2. Quy trình xây dựng kế hoạch tự học*

Theo mức độ phức tạp của công việc và độ dài thời gian thực hiện kế hoạch, có 03 loại kế hoạch: Kế hoạch ngắn hạn (ngày/tuần), kế hoạch trung hạn (tháng/quý), kế hoạch dài hạn (học kì/năm học).

Nhìn chung các kế hoạch tự học đều có quy trình chung gồm các bước:

1. Liệt kê tất cả các nội dung cần tự học
2. Lựa chọn nội dung ưu tiên
3. Đặt mục tiêu cần đạt cho từng nội dung
4. Dự kiến kết quả mong đợi
5. Xác định thời hạn cho từng nội dung
6. Thực hiện quá trình tự học một cách tự chủ và tự giác
7. Kiểm soát quá trình tự học và kiên trì, kiên định
8. Đánh giá, rút kinh nghiệm

##### 5.1.4. Định hướng cấu trúc của kế hoạch tự học

Cấu trúc chung của kế hoạch tự học, tự bồi dưỡng gồm có 2 phần:

*Phần 1. Thông tin cá nhân*

Phần này có thể bao gồm các thông tin cơ bản của cá nhân như: Họ và tên, năm vào ngành, thâm niên công tác, môn học được đào tạo, môn học được phân công giảng dạy... Bên cạnh đó, phần thông tin cá nhân cần trình bày tóm tắt các điểm mạnh của bản thân và các khó khăn khi thực hiện chương trình giáo dục được phân công nhiệm vụ.

Đây là tiền đề để đề xuất các nội dung cần thiết của quá trình tự học, tự bồi dưỡng.

*Phần 2. Kế học tự học, tự bồi dưỡng*

Phần này bao gồm các nội dung tự học/tự bồi dưỡng; hình thức tự học, tự bồi dưỡng; mục tiêu đạt được; thời gian thực hiện và đánh giá, rút kinh nghiệm.

Ngoài ra, trong phần 2, GV cần xác định các nội dung liên quan đến công tác tự học, tự bồi dưỡng như chủ đề/vấn đề/đề tài sáng kiến kinh nghiệm; chuyên đề tự bồi dưỡng/chuyên đề sinh hoạt chuyên môn; đăng kí học tập nâng cao trình độ.

Ví dụ minh họa:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT  | Nội dung  | Số tiết  | Mục tiêu  | Hình thức học  | Thời gian  |
| 1  | ……………  |   |   |   |   |
| 2  | …………….  |   |   |   |   |
| 3  | …………..  |   |   |   |   |

*(Kế hoạch tự học và bồi dưỡng thường xuyên: Bao gồm các nội dung tự học, bồi dưỡng nhằm đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ năm học theo cấp học, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ phát triển giáo dục địa phương theo năm học; đáp ứng nhu cầu phát triển nghề nghiệp liên tục của GV)*

**5.2. Xây dựng kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp của giáo viên cốt cán trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục**

Xây dựng kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục giúp GVPTCC tư duy một cách hệ thống về các thành tố hiện hữu trong quá trình hỗ trợ; chủ động trong thực thi và có được những đánh giá hữu ích trong phát triển nghề nghiệp.

Để tiến hành xây dựng kế hoạch hỗ trợ cho đồng nghiệp, GVPTCC cần thực hiện những công việc sau:

##### 5.2.1. Tìm hiểu nhu cầu hoặc đánh giá nhu cầu hỗ trợ của giáo viên đại trà trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục

Nhu cầu hỗ trợ của GVPTĐT là khoảng cách giữa yêu cầu của công việc mà GV phải đảm nhận/đang thực hiện với khả năng thực hiện công việc hiện có của GV. Khoảng cách này càng lớn, nhu cầu hỗ trợ càng cấp thiết và việc hỗ trợ khi đó thực sự có hiệu quả. Nhu cầu hỗ trợ cần được hiểu là một giai đoạn đưa năng lực hiện có đạt tới năng lực cao hơn hay chính là mục tiêu đào tạo toàn diện. Bởi vậy, khi tìm hiểu/đánh giá nhu cầu hỗ trợ, chúng ta cần làm rõ hai điểm sau:

1. Mục tiêu của quá trình hỗ trợ
2. Năng lực hiện có của nhóm mục tiêu
* Đánh giá nhu cầu hỗ trợ giúp GVPTCC có cái nhìn một cách hệ thống, tránh bỏ qua những khía cạnh quan trọng;xác định cơ sở xây dựng kế hoạch hỗ trợ.
* Đánh giá nhu cầu hỗ trợ của GVPTĐT giúpGVPTCC biết trước những gì mà họ sẽ cần:

+ Xây dựng chiến lược hỗ trợ đồng nghiệp đáp ứng nhu cầu;

+ Đưa ra chương trình hỗ trợ vì sự phát triển của đồng nghiệp, chương trình này được xây dựng dựa trên kinh nghiệm và kiến thức của GVPTĐT;

+ Lưu ý lựa chọn những chủ đề thảo luận được GVPTĐT quan tâm, không theo ý muốn chủ quan của GVPTCC;

+ Lựa chọn những biện pháp thích hợp cũng như các phương pháp học phù hợp với đặc điểm của GVPTĐT.

Đánh giá nhu cầu hỗ trợ của GVPTĐT cũng đưa ra những dữ liệu hữu ích giúp cho việc theo dõi chặt chẽ những thay đổi, tiến bộ của mỗi GVPTĐT.

Đối với việc lập kế hoạch hỗ trợ cho đồng nghiệp về nội dung của Mô đun 4: *Xây dựng KHDH&GD theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS,*  GVPTCC cần xác định nhu cầu và phong cách người học dựa một số câu hỏi quan trọng sau:

1. Đặc điểm chung nhất của GVPTĐT cần hỗ trợ là gì?
2. Mặt bằng kiến thức và hiểu biết hiện tại của GVPTĐT về nội dung của Mô đun 4 đến đâu?
3. Sự chênh lệch (về kiến thức, kĩ năng) trong học tập giữa các GVPTĐT được thể hiện như thế nào?
4. GVPTĐT mong muốn được hỗ trợ như thế nào?
5. GVPTĐT đã có những thành tích gì trong giảng dạy và hoạt động xã hội?
6. Điều gì khiến GVPTĐT đạt được những thành công đó?
7. GVPTĐT đã có được những kĩ năng xây dựng kế hoạch nào? GVPTĐT cảm thấy tự tin nhất ở kĩ năng nào?
8. GVPTĐT mong muốn điều gì nhất khi được hỗ trợ?
9. Điều kiện tự học, điều kiện bồi dưỡng của GVPTĐT ra sao?
10. Sự phân hoá giữa các GVPTĐT được thể hiện rõ nhất ở khía cạnh nào?

Để thực hiện việc tìm hiểu nhu cầu hỗ trợ về xây dựng KHDH&GD phát triển phẩm chất, năng lực của HS, GVPTCCcó thể áp dụng nhiều phương pháp để thu thập thông tin về GVPTĐT. Các phương pháp cần đảm bảo tính tích hợp, đa chiều, mở và đơn giản (bằng các con đường tự nhiên nhất). Có thể thu thập thông tin về GVPTĐT bằng hai cách: chính thức và không chính thức.

* *Chính thức:*

+ Bảng hỏi;

+ Phỏng vấn (người học, người đã từng làm việc với người học);

+ Hồ sơ người học, thâm niên công tác, các thành tích tiêu biểu; + Những ghi chép khác.

* *Không chính thức:*

+ Trao đổi, trò chuyện: trực tiếp (có thể lồng ghép trong các buổi sinh hoạt) và gián tiếp (qua e-mail) với các đối tượng liên quan;

+ Thu thập thông tin từ các diễn đàn, blog, chat,… của người học; + Quan sát hoạt động của người học.

##### 5.2.2. Xác định mục tiêu hỗ trợ giáo viên phổ thông đại trà trong trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục

* Mục tiêu là nền tảng cho việc lập kế hoạch hỗ trợ GVPTĐT. Nếu mục tiêu không được xác định rõ ràng thì không có cơ sở để lựa chọn hay xây dựng một chương trình hỗ trợ tốt về nội dung và phương pháp. Đưa ra được mục tiêu giúp GVPTCC có thể quyết định và chỉ ra một cách chính xác những gì mong muốn các GVPTĐT đạt được sau quá trình hỗ trợ.
* Mục tiêu giúp GVPTCC kiểm tra được kết quả học tập, xem xét những mục tiêu đã được hoàn thành đến đâu.
* Mục tiêu giúp cho GVPTĐT có định hướng học rõ ràng, biết những gì đang diễn ra. Với mục tiêu được hỗ trợ phát triển chuyên môn rõ ràng, GVPTĐT có thể tham gia tích cực hơn và không phải dự đoán kết quả đạt được.

Như vậy, mục tiêu hỗ trợ GVPTĐT về xây dựngKHDH&GD phát triển phẩm chất, năng lực cũng chính là cơ sở để thiết kế chương trình và đánh giá quá trình hỗ trợ. Yêu cầu của mục tiêu hỗ trợ đồng nghiệp về xây dựng KHDH&GD phát triển năng lực:

+ Mục tiêu cần mô tả ngắn và rõ ràng;

+ Mục tiêu cần phải gắn với việc thực hiện nhiệm vụ của GVPTĐT; + Mục tiêu cần đạt được tiêu chí cụ thể và có thể đo lường.

Mục tiêu tập huấn hữu ích có thể giải đáp cho cả ba câu hỏi: (1) Thực hành: Học viên có thể làm gì sau khoá học? (2) Các điều kiện: Học viên thực hiện nhiệm vụ trong những điều kiện nào? (3) Tiêu chí*:* Làm thế nào để đạt được tiêu chí đề ra?

Hệ thống mục tiêu tập huấn cần đảm bảo các yêu cầu: Quan sát được; Lượng hoá được; Khả thi; Định hướng được cách dạy và học. Khi xây dựng mục tiêu GVPTCC cần tham khảo tiêu chí SMART: S (specific) - cụ thể, chi tiết, rõ ràng, dễ hiểu; M (measuable) - quan sát được, đo đếm được; A (achiveable) - khả thi, vừa sức; R (realistic) - thực tế; T (time-scale) - có giới hạn về thời gian.

##### 5.2.3. Xác định nội dung, phương pháp, phương tiện, xây dựng môi trường học tập

*5.2.3.1. Yêu cầu của việc xác định nội dung*

* Đáp ứng nhu cầu của đồng nghiệp;
* Đảm bảo đạt được mục tiêu/ kết quả mong đợi;
* Trong từng nội dung hỗ trợ đồng nghiệp cần tập trung vào trả lời các câu hỏi:

Làm gì? Làm như thế nào?;

* Cần xác định rõ và phân loại những nội dung: (1) nhất thiết đồng nghiệp phải biết - cần được hỗ trợ; (2) cần biết - có thể tự học; (3) nên biết - tự đọc; - Đảm bảo tính chính xác, tính khoa học.

*5.2.3.2. Yêu cầu của việc lựa chọn hình thức, phương pháp tổ chức hỗ trợ*

* Khoa học và hiệu quả (phù hợp với mục tiêu, nội dung dạy học, học viên, điều kiện thời gian và phương tiện tập huấn…);
* Đa dạng, tạo cơ hội đáp ứng phong cách học của người học như: Các khóa bồi dưỡng tập trung, tổ chức hỗ trợ qua mạng, hỗ trợ thông qua sinh hoạt tổ chuyên môn (thường xuyên hoặc theo chủ đề), mô hình hướng dẫn đồng nghiệp (là mô hình hoạt động tương tác giữa các GV với nhau, GVPTCC hoặc GV có kinh nghiệm giúp đỡ, hướng dẫn người chưa có kinh nghiệm trong việc xây dựng KHDH&GD phát triển phẩm chất, năng lực);
* Khả thi: Để quá trình hỗ trợ đồng nghiệp đạt hiệu quả, GVPTCC cần phải chuẩn bị các học liệu, phương tiện cần thiết; thiết kế kế hoạch hỗ trợ một cách rõ ràng, cụ thể; sau mỗi hoạt động học tập/mỗi buổi sinh hoạt chuyên môn đều phải có kết luận cần thiết, đề xuất phương hướng triển khai xây dựng KHDH&GD phát triển phẩm chất, năng lực trong thực tế dạy học; thiết kế các bài tập kiểm tra, đánh giá quá trình và đánh giá định kì; cung cấp các kênh liên lạc để có thể hỗ trợ thường xuyên;…
* Thúc đẩy hứng thú, tích cực của người học: sử dụng các phương pháp hỗ trợ, bồi dưỡng có sự tham gia và thông qua trải nghiệm để GVPTĐT có thể phát huy các thế mạnh và bộc lộ những hạn chế về xây dựng KHDH&GD phát triển phẩm chất, năng lực; từ đó phát triển các thế mạnh và khắc phục những hạn chế mà GVPTĐT đang có. Đồng thời, GVPTCC cần thiết kế các hoạt động khởi động một cách phù hợp hướng đến sự vận động (vận động thể chất và vận động trí óc) và liên kết với nội dung học tập. Để GVPTĐT tích cực hoạt động học tập, GVPTCC cần có những hỗ trợ tích cực như tạo cơ hội để dạy học phân hoá, tương tác. *5.3.2.3. Yêu cầu của việc lựa chọn phương tiện*
* Tính sư phạm;
* Tính kinh tế; - Tính khả thi.

*5.2.3.4. Yêu cầu tạo dựng môi trường học tập*

* An toàn (môi trường bên ngoài và bên trong);
* Thân thiện;
* Công bằng.

Việc lựa chọn phương pháp, phương tiện và môi trường dạy học còn do GVPTCC nhận thức về vai trò của mình là: (i) Người định hướng; (ii) Người chỉ dẫn; (iii) Người hỗ trợ; (iv) Chuyên gia.

*5.3.2.5. Những công việc đòi hỏi trong kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp của giáo viên cốt cán trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục*

1. Phân bổ thời gian thích hợp cho mỗi nội dung hỗ trợ;
2. Đưa ra mục tiêu, kết quả mong đợi rõ ràng cho mỗi nội dung; (3) Lựa chọn phương pháp hỗ trợ thích hợp có sự tham gia của người học;

(4) Yêu cầu rõ ràng những gì cần chuẩn bị trước (Học liệu, phương tiện).

##### 5.2.4. Kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp của giáo viên cốt cán trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục minh hoạ

**KẾ HOẠCH HỖ TRỢ ĐỒNG NGHIỆP CỦA GIÁO VIÊN CỐT CÁN TRONG VIỆC XÂY DỰNG, TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH GIÁO DỤC**

**CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ - MÔN NGỮ VĂN**

Họ và tên giáo viên phổ thông cốt cán…………………………………….

 Chức vụ/ môn học phụ trách:…………………….……………….

 Cơ sở giáo dục đang công tác ……………………………………..

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT**  | **Hoạt động**  | **Kết quả cần đạt**  | **Thời gian thực hiện** **(Từ… đến…)**  | **Người phối hợp** *(Giảng viên sư phạm, hiệu trưởng,* *tổ trưởng chuyên môn)*  |
| **1**  | **Chuẩn bị học tập**  |  |
| 1.1  | ***Tiếp nhận danh sách GVPTĐT được*** ***phân công phụ trách*** *\*Cách thức thực hiện:………*  | … GVPTĐT (*số lượng do Sở GDĐT phân công)* |  |  |
| 1.2  | Hỗ trợ đồng nghiệp hoàn thiện thông tin đăng kí tự học mô-đun 4 trên hệ thống LMS  | 100% (….) GVPTĐT được cấp quyền tham gia học tập trên LMS của Viettel hoàn thành thông tin đăng kí tự học trên Hệ thống LMS, truy cập học liệu mô-đun 4 thành công hoặc/và nhận được tài liệu bản in (đối với GVPTĐT ở vùng khó tiếp cận CNTT).  |   |   |
| **2.**  | **Triển khai học tập: Hỗ trợ đồng nghiệp tự học mô-đun 4**  |  |
| 2.1.  | ***Hỗ trợ trên hệ thống LMS của Viettel*** *\*Cách thức thực hiện:* ………..  | - 100% (…) GVPTĐTđược tham gia các lớp học ảo, tham gia thảo luận trực tuyến trên hệ thống LMS của Viettel với sự hỗ trợ của đội ngũ cốt cán; - 100% các thắc mắc của GVPTĐT được GVPTCC giải đáp trong tuần với chất lượng chuyên môn cao.- 100% thắc mắc được GVSPCC giải đáp trong tuần  |   |   |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT**  | **Hoạt động**  | **Kết quả cần đạt**  | **Thời gian thực hiện** **(Từ… đến…)**  | **Người phối hợp** *(Giảng viên sư phạm, hiệu trưởng,* *tổ trưởng chuyên môn)*  |
| 2.2  | ***Hỗ trợ trực truyến, giải đáp các thắc mắc về chuyên môn***  *\*Cách thức thực hiện:* …………..    | * 100% (…) GVPTĐT được tham gia các hoạt động trực truyến khác, được giải đáp các thắc mắc về chuyên môn trong các diễn đàn trực tuyến, các nhóm group chat, zalo, trao đổi qua email, các lớp học ảo…, với sự hỗ trợ của đội ngũ cốt cán;
* 100% các thắc mắc của GVPTĐT được GVPTCC giải đáp trong tuần với chất lượng chuyên môn cao.- 100% thắc mắc được GVSPCC giải đáp trong tuần.
 |   |   |
| 2.3.  | Hỗ trợ trực tiếp: sinh hoạt chuyên môn/cụm trường*\*Cách thức thực hiện:……*   | * 100% (…) GVPTĐT được tham gia các hoạt động chuyên môn trực trực tiếp: sinh hoạt chuyên môn, giải đáp thắc mắc trực tiếp, dự giờ - sinh hoạt chuyên môn, trao đổi chuyên môn khác, với sự hỗ trợ của đội ngũ cốt cán;
* 100% các thắc mắc của GVPTĐT được GVPTCC giải đáp trong tuần với chất lượng chuyên môn cao.- 100% thắc mắc được GVSPCC giải đáp trong tuần
 |   |   |
| **3.**  | **Đánh giá kết quả học tập mô-đun bồi dưỡng**  |
| 3.1.  | Đôn đốc, hỗ trợ GVPTĐT hoàn thành bài kiểm tra trắc nghiệm mô-đun 4 *\*Cách thức thực hiện:……*  | 100% (…) GVPTĐThoàn thành bài kiểm tra trắc nghiệm mô-đun 4*;*  |   |   |
| 3.2  | Chấm bài tập hoàn thành mô-đun 4   | 100% bài tập hoàn thành mô-đun 4 được chấm Nhận xét cách chấm 3 bài hoàn thành mô-đun 4 của mỗi GVPTCC chịu trách nhiệm hướng dẫn.  |   |   |
| **4.**  | **Đôn đốc GVPT trả lời phiếu** **khảo sát về mô-đun bồi dưỡng**  |
| **TT**  | **Hoạt động**  | **Kết quả cần đạt**  | **Thời gian thực hiện** **(Từ… đến…)**  | **Người phối hợp** *(Giảng viên sư phạm, hiệu trưởng,* *tổ trưởng chuyên môn)*  |
| 4.1  | Đôn đốc, hỗ trợ GVPTĐT hoàn thành phiếu khảo sát cuối mô-đun 4 *\*Cách thức thực hiện:……*  | 100% (…) GVPTĐT hoàn thành khảo sát cuối môđun 4  |   |   |
| **5**  | **Xác nhận đồng nghiệp hoàn thành mô-đun bồi dưỡngtrên hệ thống LMS**  |
| 5.1.  | Xác nhận đồng nghiệp hoàn thành mô-đun 4 trên hệ thống LMS  | 80% (…)GVPTĐT tham gia bồi dưỡng trên hệ thống LMS của Viettel hoàn thành mô-đun 4 (Đạt)  |   |   |

 ………., ngày tháng năm 20…

 **HIỆU TRƯỞNG DUYỆT[[23]](#footnote-23)**  **NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH**

*Kí tên, đóng dấu/hoặc xác nhận trên hệ thống LMS*  *(Kí và ghi rõ họ tên/nộp trên hệ thống LMS)*

**Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ CỦA GVSP CHỦ CHỐT**

(đánh dấu X): Đạt …; Chưa đạt:

*(Kí tên/hoặc xác nhận trên hệ thống LMS)*

**PHỤ LỤC 2.**

## MẪU BÁO CÁO HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH HỔ TRỢ ĐỒNG NGHIỆP CỦA CHO GIÁO VIÊN

**PHỔ THÔNG ĐẠI TRÀ HỌC TẬP NĂM 2020**

*(Kèm theo Công văn số 410 /CV-ETEP ngày 24 tháng 9 của Ban Quản lí Chương trình ETEP)* **GVPTCC điền vào bảng sau và đưa lên hệ thống học trực tuyến LMS:**

Họ và tên GVPTCC …………………………………….

 Chức vụ/ môn học phụ trách:…………………….……………….................... Cơ sở giáo dục đang công tác ……………………………………...................

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT**  | **Hoạt động**  | **Kết quả cần đạt**  | **Kết quả hoàn thành**  | **Thời gian hoàn** **thành (Từ… đến…)**  | **Người phối hợp** *(Giảng viên* *SP, Hiệu trưởng, Tổ* *trưởng CM)*  |
| **1**  | **Chuẩn bị học tập**  |  |
| 1.1  | Tiếp nhận danh sách GVPTĐT được phân công phụ trách  | … GVPTĐT (điền *số lượng do sở GDĐT phân công)*  | Số lượng GVPTĐT  |  |  |
| 1.2  | Hỗ trợ đồng nghiệp hoàn thiện thông tin đăng kí tự học mô-đun 4 trên hệ thống LMS  | 100% (….) GVPTĐT được cấp quyền tham gia học tập trên LMS của Viettelhoàn thành thông tin đăng kí tự học trên Hệ thống LMS, truy cập học liệu mô-đun 4 thành công hoặc/và nhận được tài liệu bản in (đối với GVPTĐT ở vùng khó tiếp cận công nghệ thông tin);  | Số lượng và tỉ lệ % (so với số lượng do Sở GDĐT phân công)  |   |   |
| **2.**  | **Triển khai học tập: Hỗ trợ đồng nghiệp tự học mô-đun 4**  |  |
| 2.1.  | Hỗ trợ trên hệ thống LMS của Viettel: Thảo luận, góp ý, bài tập, nhắc hoàn thành BT quá trình, cuối khóa, khảo  | - 100% (…) GVPTĐT được tham gia các lớp học ảo, tham gia thảo luận trực tuyến trên hệ thống LMS của Viettel với sự hỗ trợ của đội ngũ cốt cán;  | - Số lượng và tỉ lệ % GVPTĐT đã tham gia (so với số lượng GV được cấp quyền tham gia học tập trực tuyến)  |   |   |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT**  | **Hoạt động**  | **Kết quả cần đạt**  | **Kết quả hoàn thành**  | **Thời gian hoàn** **thành (Từ… đến…)**  | **Người phối hợp**  *(Giảng viên* *SP, Hiệu trưởng, Tổ* *trưởng CM)*  |
|  | sát, trao đổi với giảng viên sư phạm, các trao đổi, hỗ trợ khác ngoài việc hoàn thành mô-đun trên hệ thống học tập   | * 100% các thắc mắc của GVPTĐT được GVPTCC giải đáp trong tuần với chất lượng chuyên môn cao.
* 100% thắc mắc được GVSPCC giải đáp trong tuần
 | * Số lượng và tỉ lệ % các thắc mắc được GVPTCC giải đáp
* Số lượng và tỉ lệ % các thắc mắc được giải đáp GVSPCC giải đáp
 |  |  |
| 2.2  | Các hoạt động hỗ trợ trực truyến khác, giải đáp các thắc mắc về chuyên môn trong các diễn đàn trực tuyến, các nhóm group chat, zalo, trao đổi qua email, các lớp học ảo…, với sự hỗ trợ của đội ngũ cốt cán;   | * 100% (…) GVPTĐT được tham gia các hoạt động trực truyến khác, được giải đáp các thắc mắc về chuyên môn trong các diễn đàn trực tuyến, các nhóm group chat, zalo, trao đổi qua email, các lớp học ảo…, với sự hỗ trợ của đội ngũ cốt cán;
* 100% các thắc mắc của GVPTĐT được GVPTCC giải đáp trong tuần với chất lượng chuyên môn cao.
* 100% thắc mắc được GVSPCC giải đáp trong tuần
 |       Số lượng và tỉ lệ %   |   |   |
| 2.3.  | Hỗ trợ trực tiếp: sinh hoạt chuyên môn/cụm trường   | * 100% (…) GVPTĐT được tham gia các hoạt động chuyên môn trực trực tiếp: sinh hoạt chuyên môn, giải đáp thắc mắc trực tiếp, dự giờ - sinh hoạt chuyên môn, trao đổi chuyên môn khác, với sự hỗ trợ của đội ngũ cốt cán;
* 100% các thắc mắc của GVPTĐT được GVPTCC giải đáp trong tuần với chất lượng chuyên môn cao.
 |     Số lượng và tỉ lệ %   |   |   |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT**  | **Hoạt động**  | **Kết quả cần đạt**  | **Kết quả hoàn thành**  | **Thời gian hoàn** **thành (Từ… đến…)**  | **Người phối hợp**  *(Giảng viên* *SP, Hiệu trưởng, Tổ* *trưởng CM)*  |
|  |  | - 100% thắc mắc được GVSPCC giải đáp trong tuần  |  |  |  |
| **3.**  | **Đánh giá kết quả học tập mô-đun bồi dưỡng**  |
| 3.1.  | Đôn đốc, hỗ trợ GVPTĐT hoàn thành bài kiểm tra trắc nghiệm mô-đun 4  | 100% (…) GVPTĐT hoàn thành bài kiểm tra trắc nghiệm mô-đun*;*   | *Số lượng và tỉ lệ %* (so với số lượng học viên học tập trên hệ thống LMS) |   |   |
| 3.2  | Chấm bài tập hoàn thành mô-đun 4   | * 100% bài tập hoàn thành mô-đun được chấm
* Có 3 bài tập hoàn thành mô-đun 4/ 01 GVPTDT được GVSPCC góp ý về đánh giá chấm bài
 | *Số lượng và tỉ lệ %* (so với số lượng học viên học tập trên hệ thống LMS) Số lượng bài tập được GVSPCC góp ý về đánh giá chấm bài  |   |   |
| 3.3  | Đôn đốc, hỗ trợ GVPTĐT hoàn thành bài kiểm tra trắc nghiệm mô-đun 4  | 100% (…) GVPTĐT hoàn thành bài kiểm tra trắc nghiệm mô-đun*;*   | *Số lượng và tỉ lệ %* (so với số lượng học viên học tập trên hệ thống LMS) |   |   |
| **4.**  | **Đôn đốc GVPT trả lời phiếu** **khảo sát về mô-đun bồi dưỡng**  |
| 4.1  | Đôn đốc, hỗ trợ GVPTĐT hoàn thành phiếu khảo sát cuối môđun 4  | 100% (…) *(điền số lượng hoàn thành môđun bồi dưỡng)* GVPTĐT hoàn thành khảo sát cuối mô-đun 4;  | *Số lượng và tỉ lệ %* (so với số lượng học viên hoàn thành bài tập trên hệ thống LMS)  |   |   |
| **5**  | **Xác nhận đồng nghiệp hoàn thành mô-đun bồi dưỡng trên hệ thống LMS**  |
| 5.1.  | Xác nhận đồng nghiệp hoàn thành mô-đun 4 trên hệ thống LMS  | 80% (…) *(điền số lượng)* GVPTĐT tham gia bồi dưỡng trên hệ thống LMS của Viettel*)* hoàn thành mô-đun 4 (Đạt)  | *Số lượng và tỉ lệ %* (so với số lượng học viên tham gia BD MĐ 1)  |   |   |

 ………. Ngày tháng năm 20…

 **HIỆU TRƯỞNG DUYỆT**[[24]](#footnote-24) **NGƯỜI BÁO CÁO**

(Kí tên, đóng dấu/hoặc xác nhận trên hệ thống LMS)  *(Kí và ghi rõ họ tên/nộp trên hệ thống LMS)*

**Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ CỦA GVSP CHỦ CHỐT**

(đánh dấu X): Đạt …; Chưa đạt:.......

*(Kí tên/hoặc xác nhận trên hệ thống LMS)*

**PHỤ LỤC 3. KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**BÀI HỌC ĐƯỜNG ĐỜI ĐẦU TIÊN[[25]](#footnote-25)**

## (Trích “Dế Mèn phiêu lưu kí”)

### (3 tiết)

 **– *Tô Hoài* –**

 **I. MỤC TIÊU**

1. ***Về năng lực***

***1.1. Năng lực chung***

* Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm [1].
* Phát triển năng lực tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà [2].

***1.2. Năng lực đặc thù***

* Nêu được ấn tượng chung về văn bản “Bài học đường đời đầu tiên” [1].
* Tóm tắt văn bản một cách ngắn gọn [2].
* Nhận biết được một số yếu tố của truyện đồng thoại trong văn bản “Bài học đường đời đầu tiên” [3].
* Nhận biết và phân tích được các chi tiết miêu tả hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, suy nghĩ của nhân vật Dế Mèn và Dế Choắt trong văn bản [4].
* Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử cá nhân do văn bản gợi ra [5].
* Từ nội dung và nghệ thuật của văn bản, vận dụng tri thức Ngữ văn vào đọc hiểu

[6].

* Nhận biết và phân biệt được từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy) [7].
* Hiểu được hiện tượng từ đa nghĩa và giải thích được nghĩa của một số thành ngữ thông dụng [8].

***2. Về phẩm chất:*** Bài học góp phần phát triển phẩm chất nhân ái: khoan hoà, tôn trọng sự khác biệt; tự rút ra bài học về cách ứng xử với bạn bè và đối diện với lỗi lầm của bản thân.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

* Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập.
* Tranh ảnh về nhà văn Tô Hoài và văn bản “Bài học đường đời đầu tiên”

* Các phiếu học tập (Phụ lục đi kèm).

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HĐ 1: Xác định vấn đề (5’)**

**Mục tiêu**: HS xác định được nội dung chính của bài đọc – hiểu dựa trên việc giải quyết một vấn đề có tính thực tiễn trong cuộc sống đó là sự sai lầm của mỗi con người.

**Nội dung**:

GV đưa ra tình huống về sự sai lầm và ân hận trong cuộc sống và đặt câu hỏi.

HS trả lời câu hỏi và GV kết nối với nội dung của văn bản.

**Sản phẩm:** Ý kiến cảm nhận của HS trước tình huống thực tiễn mà giáo viên đưa ra.

**Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

? Em đã bao giờ xem một bộ phim hay đọc một truyện kể về một sai lầm và sự ân hận của ai đó chưa? Khi đọc, xem, em có những suy nghĩ gì?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân để trả lời câu hỏi của GV.

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

**GV** yêu cầu một vài HS phát biểu ý kiến.

**HS** phát biểu ý kiến, các em khác theo dõi, nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

* Nhận xét câu trả lời của HS.
* Đưa ra một vài gợi mở, bình giảng và kết nối vào nội dung của bài học.
1. **HĐ 2: Hình thành kiến thức mới (114’)**
	1. **Đọc – hiểu văn bản (59’)**

|  |
| --- |
| **I. ĐỌC & TÌM HIỂU CHUNG VB (15’)**  |
| **Mục tiêu**: [1]; [2]. **Nội dung**: **GV** sử dụng KT tia chớp để hỏi về thông tin tác giả, KT đặt câu hỏi để HS tìm hiểu văn bản. **HS** dựa vào phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà để trả lời những câu hỏi của GV.  |
| **Tổ chức thực hiện**  | **Sản phẩm**  |

|  |  |
| --- | --- |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)** * Yêu cầu HS mở phiếu học tập GV đã giao ở cuối tiết trước và trả lời nhanh câu hỏi số 1:

 Tác giả của văn bản này là ai? Giới thiệu một vài thông tin chính về tác giả đó? **B2: Thực hiện nhiệm vụ** * HS dựa vào phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà để trả lời. **B3: Báo cáo, thảo luận**
* GV yêu cầu 1 vài HS trả lời nhanh, HS sau không trả lời ý kiến của HS trước…
* HS trả lời

**B4: Kết luận, nhận định (GV)** * GV nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục 2

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)** 1. Yêu cầu HS đọc và tóm tắt văn bản.
2. Yêu cầu HS tiếp tục quan sát phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà và trả lời các câu hỏi còn lại:

? Văn bản “Bài học đường đời đầu tiên” thuộc thể loại gì? ? Dựa vào tri thức Ngữ văn hãy cho biết nhân vật chính trong văn bản này là nhân vật nào? ? Ngôi kể được sử dụng trong văn bản là ngôi kể thứ mấy? Đó là lời kể của ai? ? Có thể chia văn bản này ra làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần? **B2: Thực hiện nhiệm vụ GV:**  | **1. Tác giả** * Tô Hoài (1920 – 2014)
* Tên thật: Nguyễn Sen
* Quê: Hà Nội
* Viết văn từ trước CMT8/1945 và chuyên viết cho thiếu nhi.

**2. Tác phẩm** a) Đọc và tóm tắt - Đọc - Tóm tắt b) Tìm hiểu chung * Thể loại: truyện
* Nhân vật chính: Dế Mèn
* Ngôi kể: ngôi thứ nhất
* Lời kể của Dế Mèn
* Bố cục: 2 phần

+ P1: Từ đầu … đứng đầu thiên hạ rồi  Chân dung của Dế Mèn + P2: Còn lại  Bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn.  |

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Hướng dẫn HS cách đọc và tóm tắt.
2. Theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần).

**HS:** 1. Đọc văn bản, các em khác theo dõi, quan sát bạn đọc.
2. Xem lại nội dung phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà.

**B3: Báo cáo, thảo luận** **GV** yêu cầu HS trả lời, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần). **HS:** * Trả lời các câu hỏi của GV.
* HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định (GV)** * Nhận xét thái đọc tập qua sự chuẩn bị của HS bằng việc trả lời các câu hỏi.
* Chốt kiến thức, cung cấp thêm thông tin (nếu cần) và chuyển dẫn sang đề mục sau.
 |    |
| **II. ĐỌC & TÌM HIỂU CHI TIẾT VĂN BẢN (44’)**  |
| **1. Nhân vật Dế Mèn (20’)**  |
| **Mục tiêu**: [3], [4]… **Nội dung**: **GV** sử dụng KT đặt câu hỏi kết hợp với KT khăn trải bàn cho HS tìm hiểu về nhân vật Dế Mèn **HS** làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành phiếu học tập và trình bày sản phẩm.  |
| **Tổ chức thực hiện**  | **Sản phẩm**  |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)** - GV chia nhóm lớp. * Phát phiếu học tập số 1.
* Giao nhiệm vụ cho các nhóm:
 |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình dáng**  | **Hành động**  | **Suy nghĩ**  | **Ngôn ngữ**  |

 |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ? Tìm những chi tiết miêu tả hình dáng, hành động, suy nghĩ và ngôn ngữ của Dế Mèn? Những chi tiết nào của Dế Mèn mang đặc tính vốn có của loài vật, chi tiết nào khiến em liên tưởng tới đặc điểm của con người? ? Lối miêu tả này thường được sử dụng ở loại truyện nào? ? Nhận xét về hình dáng, hành động và suy nghĩ của nhân vật Dế Mèn (chỉ ra nét đẹp và nét chưa đẹp của nhân vật)? - Thời gian thảo luận (12’) **B2: Thực hiện nhiệm vụ** **HS** làm việc cá nhân & thảo luận nhóm, ghi kết quả ra phiếu học tập. **GV** theo dõi, hướng dẫn HS thảo luận và hỗ trợ (nếu cần). **B3: Báo cáo, thảo luận GV**: * Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày.
* Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).

**HS:** * Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm.
* Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn. **B4: Kết luận, nhận định (GV)**
 |  | - chàng dế thanh niên cường tráng  + càng: mẫm bóng + vuốt: cứng, nhọn hoắt + cánh: dài tận chấm đuôi  một màu nâu bóng mỡ + đầu: to, rất bướng + răng: đen nhánh + râu: dài, cong  | * đạp phanh phách
* vũ

lên phành phạch - nhai ngoàm ngoạp - trịnh trọng vuốt râu * cà khịa, quát nạt, đá ghẹo
 | * Tôi tợn lắm.
* Tôi cho là tôi giỏi.
* Tôi tưởng: lầm cử chỉ ngông cuồng là tài ba,

càng tưởng tôi là tay ghê ghớm, có thể sắp đứng đầu thiên hạ rồi.   |  - Gọi Dế Choắt là  “chú mày”,  xưng “anh”. - Gọi chị Cốc là “mày” xưng  “tao”.    |  |
|  Mang đặc điểm của người và loài vật.  |  Vừa mang đặc điểm của người vừa  |  Mang đặc điểm củaloài người.  |  Mang đặc điểm của loài người.  |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| * Nhận xét, đánh giá thái độ làm việc và sản phẩm của HS, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của các em.
* Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau.
 |  |  | mang đặc điểm của loài vật.  |  |  |    |
|  NT: nhân hoá -> Nhân vật Dế Mèn mang đặc điểm của con người (*Nhân vật trong tác phẩm*)  Đây là lối miêu tả thường được sử dung ở truyện đồng thoại.  |
| => Dế Mèn khỏe mạnh, cường tráng, có vẻ đẹp hùng dũng của con nhà võ (*nét đẹp*).   | => Dế Mèn kiêu căng tự phụ, xem thường mọi người, hung hăng hống hách, xốc nổi (*nét chưa đẹp*).  |
|  **Dế Mèn vừa mang đặc điểm của loài vật vừa mang đặc điểm của con người (*Kiểu nhân vật trong truyện đồng thoại*).**  |
|  **2. Bài học đường đời đầu tiên (24’)**  |
|  **Mục tiêu**: [4]; [5] **Nội dung**: GV sử dụng KT đặt câu hỏi, KT thảo luận cặp đôi để HS tìm hiểu về nhân vật Dế Choắt, thái độ Dế Mèn đối với Dế Choắt và bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn, từ đó rút ra bài học cho bản thân.  |

|  |
| --- |
| HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm để hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm.  |
| **Tổ chức thực hiện**  | **Sản phẩm**  |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)** * Chia nhóm lớp, phát phiếu học tập số 2 (*phụ lục đi kèm*).
* Giao nhiệm vụ cho các nhóm:
1. Tìm hiểu về nhân vật Dế Choắt:

? Tìm những chi tiết thể hiện hình dáng, cách sinh hoạt và ngôn ngữ của Dế Choắt? ? Tác giả đã sử dụng những biện pháp nghệ thuật gì khi tái hiện hình ảnh Dế Choắt? ? Nhận xét gì về nhân vật Dế Choắt? 1. Thái độ của Dế Mèn đối với Dế Choắt: **?** Dế Mèn đã nói gì khi sang thăm nhà Dế Choắt và khi Dé Choắt nhờ sự giúp đỡ? **?** Những lời nói đó thể hiện thái độ gì của Dế Mèn?
* Thời gian thảo luận: 10’

**B2: Thực hiện nhiệm vụ** **HS**: làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành phiếu học tập. **GV**: * **Dự kiến khó khăn**: HS không chỉ ra được biện pháp nghệ thuật được sử dụng. - **Tháo gỡ khó khăn** bằng cách đặt câu hỏi phụ (Dế Choắt có những hành động, suy nghĩ giống loài vật hay loài người?).

**B3: Báo cáo, thảo luận**  | **a) Nhân vật Dế Choắt**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hình dáng**  | **Cách sinh hoạt**  | **Ngôn ngữ**  |
| * Chạc tuổi:

Dế Mèn * Người: gầy gò, dài lêu ngêu như gã nghiện thuốc phiện. - Cánh: ngắn củn … như người cởi trần mặc áo ghi nê. - Đôi càng: bè bè, nặng nề - Râu: cụt có một mẩu - Mặt mũi:

ngẩn ngẩn ngơ ngơ.  | - Ăn xổi, ở thì   | * Giao tiếp với Dế Mèn:

+ lúc đầu: gọi “anh” xưng “em”. + trước khi mất: gọi “anh” xưng “tôi” và nói: “ở đời….thân”. * Giao tiếp với chị Cốc: + van lạy … + gọi “chị”,

xưng “em”   |
|  • NT: nhân hoá, sử dụng thành ngữ.  |

 |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **GV:** * Yêu cầu HS trình bày.
* Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).

**HS** * Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm. - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định (GV)** * Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm.
* Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang mục sau.
 |  | **=> Gầy gò, ốm yếu nhưng rất khiêm tốn, nhã nhặn. Bao dung độ lượng trước tội lỗi của Mèn.**  |  |
| (Choắt cũng giống như Mèn, vừa mang đặc điểm của loài vật, vừa mang bóng dáng của con người  đặc điểm của nhân vật trong truyện đồng thoại)    **b) Thái độ của Dế Mèn với Dế Choắt** - Chê bai nhà cửa và lối sống của Dế Choắt. - Từ chối lời đề nghị cần giúp đỡ của Choắt. => *Khinh bỉ, coi thường Dế Choắt.*   |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)** * GV phát phiếu học tập số 3 (*phụ lục đi kèm*).
* Giao nhiệm vụ cho các nhóm:

**?** Tìm những chi tiết thể hiện hành động của Dế Mèn trước và sau khi trêu chị Cốc? **?** Hành động của Dế Mèn đã gây ra hậu quả gì? **?** Qua hành động đó, em có nhận xét gì về thái độ của Dế Mèn trước và sau khi trêu chị Cốc, đặc biệt là khi chứng kiến cái chết của Dế Choắt?  | **c) Bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn.**  |
|  | **Dế** **Mèn**  | **Trước khi trêu chị** **Cốc**  |  **Sau khi trêu chị** **Cốc**  | **Hậu quả**  |  |
|   **Hành** **động**   | - Mắng, coi thường, bắt nạt Choắt. - Cất giọng véo von trêu chị Cốc.  |  - Chui tọt vào hang. - Núp tận đáy hang, nằm in thít. - Mon men bò lên.  | Dế Choắt bị chị Cốc mổ cho đến chết  |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **?** Theo em Dế Mèn đã rút ra được cho mình bài học gì từ những trải nghiệm trên? Câu văn nào cho em thấy điều đó? **B2: Thực hiện nhiệm vụ** **HS** đọc vb và tìm chi tiết trong tác phẩm. **GV** hướng dẫn HS tìm chi tiết (nếu cần). **B3: Báo cáo, thảo luận GV** yêu cầu HS báo cáo, GV nhận xét, đánh giá và hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). **HS**: * Báo cáo sản phẩm của nhóm mình. - Nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)** * Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của nhóm.
* Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau.
 |   |  |  | - Chôn Dế Choắt.  |  |  |
|  **Thái** **độ**   |  Hung hăng, ngạo mạn, xấc xược.  |   Sợ hãi, hèn nhát  |   Hối hận  |
|  **Bài học**  | * **Không nên kiêu căng, coi thường người khác.**
* **Không nên xốc nổi để rồi hành động điên rồ.**
 |
|  |
| **III. TỔNG KẾT (5’)**  |
| **Mục tiêu**: [5]; [6] **Nội dung**: * GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động nhóm cho HS.
* HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm và báo cáo sản phẩm.
 |
| **Tổ chức thực hiện**  | **Sản phẩm**  |
| **B1 Chuyển giao nhiệm vụ (GV)** - Chia nhóm lớp, phát phiếu học tập số 4 (*phụ lục đi kèm*).  | **1. Nghệ thuật** - Miêu tả loài vật sinh động, nghệ thuật nhân hoá, ngôn ngữ miêu tả chính xác.  |
| - Giao nhiệm vụ cho các nhóm: ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản? ? Nội dung chính của văn bản “Bài học đường đời đầu tiên”? ? Ý nghĩa của văn bản. **B2: Thực hiện nhiệm vụ** **HS** làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành phiếu học tập. **GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). **B3: Báo cáo, thảo luận** **HS** báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần). **GV** hướng dẫn và yêu cầu HS trình bày, nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm. **B4: Kết luận, nhận định** * GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.
* Chuyển dẫn sang đề mục sau.
 | - Xây dựng hình tượng nhân vật gần gũi với trẻ thơ.  *Lối miêu tả của truyện đồng thoại.* **2. Nội dung** - Miêu tả vẻ đẹp của Dế Mèn cường tráng nhưng tính nết còn kiêu căng, xốc nổi. - Sau khi bày trò trêu chị Cốc, gây ra cái chết cho Dế Choắt, Dế Mèn hối hận và rút ra bài học đường đời đầu tiên cho mình.  *Kiểu nhân vật trong truyện đồng thoại.* **3. Ý nghĩa** * Không nên quá đề cao bản thân rồi rước hoạ.
* Cần biết lắng nghe, quan tâm, giúp đỡ mọi người xung quanh.  *Bài học rút ra cho bản thân.*
 |

* 1. **Viết kết nối với đọc (10’)**

 **Mục tiêu**:Giúp HS

* Hs viết được đoạn văn kể chuyện bằng lời của nhân vật trong truyện.
* Sử dụng ngôi kể thứ nhất khi kể chuyện.

**Nội dung***:* Hs viết đoạn văn

**Sản phẩm:**  Đoạn văn của HS sau khi đã được GV góp ý sửa.

**Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**

Viết đoạn văn (từ 5 – 7 câu) kể lại một sự việc trong đoạn trích “Bài học đường đời đầu tiên” bằng lời của một nhân vật do em tự chọn.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS viết đoạn văn, GV theo dõi, hỗ trợ (nếu cần). **B3: Báo cáo, thảo luận:** HS đọc đoạn văn, những HS khác theo dõi, nhận xét… **B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).

**2.3 Thực hành Tiếng Việt (45’) Mục tiêu**: [7]; [8]

**Nội dung**: GV hỏi, HS trả lời **Sản phẩm:**

*Bài tập 1:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Từ đơn**  | **Từ phức**  |
| ***Từ ghép***  | ***Từ láy***  |
| - Tôi, nghe, người  | - Bóng mỡ, ưa nhìn  | - Hủn hoẳn, phành phạch, giòn giã, rung rinh  |
|  *Khái niệm từ đơn và từ phức.* * *Từ đơn do một tiếng tạo thành.*
* *Từ phức do hai hay nhiều tiếng tạo thành. Từ phức được phân làm hai loại:*

*+ Từ ghép là những từ phức được tạo ra bằng cách ghép các tiếng có nghĩa với nhau.* *+ Từ láy là những từ phức được tạo ra nhờ phép láy âm.*  |

***Bài tập 2:*** Từ láy mô phỏng âm thanh: *phanh phách, phành phạch, ngoàm ngoạp, văng vẳng*…

***Bài tập 3:*** Từ láy và tác dụng của các từ láy trong câu văn: a)Các từ láy:

+ *Phanh phách*: âm thanh phát ra do một vật sắc tác động liên tiếp vào một vật khác.

+ *Ngoàm ngoạp*: (nhai) nhiều, liên tục, nhanh.

+ *Dún dẩy*: điệu đi nhịp nhàng, ra vẻ kiểu cách.

 Tác dụng: dùng để miêu tả Dế Mèn. Nhấn mạnh vẻ đẹp cường tráng, mạnh mẽ khiến cho hình ảnh Dế Mèn hiện lên một cách sinh động

***Bài 4***: Giải thích nghĩa của các từ

* *Nghèo*: không có hoặc có rất ít về vật chất (VD: Nhà nó rất nghèo.) - *Nghèo sức*: khả năng hoạt động, làm việc hạn chế.
* *Mưa dầm sùi sụt*: mưa nhỏ, rả rích, kéo dài không dứt.
* *Điệu hát mưa dần sùi sụt*: điệu hát nhỏ, kéo dài, buồn, ngậm ngùi, thê lương.

***Bài 5***: Câu do HS đặt (câu đúng, nếu sai  GV giúp HS sửa lại).

**Bài tập 6:** Tìm câu văn sử dụng hình ảnh so sánh và nêu tác dụng

* *Hai cái răng* đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp ***như*** *hai lưỡi liềm máy* làm việc.

 Nhấn mạnh Dế Mèn đang ở tuổi ăn, tuổi lớn, đầy sức sống, khoẻ mạnh.

- *Mỏ Cốc*  ***như*** *cái dùi sắt*, chọc xuyên cả đất.  cho thấy sự tức giận, sức mạnh đáng sợ của chị Cốc khi mổ Dế Choắt.

 *So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác để tìm ra nét tương đồng và khác biệt giữa chúng.*

**Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

* Yêu cầu HS đọc đề bài và xác định yêu cầu của từng bài tập.
* Từ nội dung bài tập, hãy rút ra khái niệm từ đơn, từ phức, biện pháp tu từ so sánh.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**HS**: xác định yêu cầu của từng bài tập và làm việc cá nhân ở bài 1,2,3,5; làm việc nhóm ở bài tập 4,6.

**GV** theo dõi, hướng dẫn và hỗ trợ HS làm bài tập.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm cá nhân & hướng dẫn các em cách trình bày (nếu cần).

**HS** chữa bài tập, Hs khác nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

* Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc cá nhân, làm việc nhóm của HS.
* Chốt đáp án của bài tập 1,2,3,4,5,6 lên màn hình và chốt nội dung ghi nhớ …

**3. HĐ 3: Luyện tập (16’)**

1. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.
2. **Nội dung:** HS hoạt động cá nhân làm bài tập của GV giao.
3. **Sản phẩm:** Đáp án đúng của bài tập .
4. **Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

* Tìm ví dụ về truyện đồng thoại, liệt kê các sự việc và kể lại một cách ngắn gọn theo sự việc đã liệt kê.
* Chỉ ra các yếu tố của truyện đồng thoại trong ví dụ vừa tìm?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ GV:**

* Hướng dẫn tìm kiếm truyện đồng thoại và chỉ ra yếu tố đồng thoại trong văn bản. **-** Hỗ trợ HS liệt kê các sự việc, đóng vai nhân vật để kể lại câu chuyện **HS:**
* Liệt kê các sự việc và kể lại câu chuyện theo chuỗi sự việc đã liệt kê.
* Tìm 1 truyện đồng thoại và chỉ ra các yếu tố của truyện đồng thoại trong văn bản.

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

* GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.
* HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

 **B4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số.

**4. HĐ 4: Vận dụng**

1. **Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.
2. **Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.
3. **Sản phẩm:** Bài học rút ra cho bản thân trong cách đối xử với bạn bè.
* Tôn trọng sự khác biệt của bạn. - Sẵn sàng chia sẻ, giúp đỡ khi bạn cần. **d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ** **(GV)**

? Từ bài học của Dế Mèn, em rút ra bài học gì cho bản thân trong cách ứng xử với bạn bè trong lớp (đặc biệt là với những bạn kém hơn mình)?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV** hướng dẫn HS xác nhiệm vụ và tìm kiếm tư liệu trên nhiều nguồn…

**HS** đọc, xác định yêu cầu của bài tập và tìm kiếm tư liệu trên mạng internet.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV** hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.

**HS** nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

* Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).
* Về nhà chuẩn bị nội dung của HĐ viết:

+ Tóm tắt truyện “Bài học đường đời đầu tiên”

+ Đóng vai nhân vật Dế Mèn, kể lại câu chuyện…

## B. VIẾT (5 tiết) VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA EM[[26]](#footnote-26)

 **I. MỤC TIÊU**

1. **Năng lực**

*1.1. Năng lực chung*

* Biết hợp tác trong làm việc nhóm [1].
* Phát triển khả năng giao tiếp bằng ngôn ngữ trong báo cáo, trình bày sản phẩm [2].

*1.2. Năng lực đặc thù*

* Nhận diện được kiểu bài kể về một trải nghiệm [3].
* Biết được các yêu cầu của kiểu bài kể về một trải nghiệm [4].
* Viết văn bản đảm bảo các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm[5].
* Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể [6].
* Nhận ra ưu điểm và nhược điểm của bài viết, từ đó biết sửa những nhược điểm của bài viết [7].

***3. Về phẩm chất***

 Bài học góp phần hình thành phẩm chất nhân ái, trân trọng trải nghiệm của bản thân, bồi dưỡng phẩm chất trung thực trong khi viết bài.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

* SGK, SGV, máy chiếu, máy tính.
* Phiếu học tập.

**PHIẾU TÌM Ý**

 Họ và tên HS: ………………………….

**Nhiệm vụ**: Tìm ý cho bài văn Kể lại một trải nghiệm của bản thân

 Gợi ý: Để nhớ lại các chi tiết, hãy viết tự do theo trí nhớ của em bằng cách trả lời vào cột bên phải ở các câu hỏi ở cột trái.Đó là chuyện gì? Xảy ra khi nào? ………………………………………

 Những ai có liên quan đến câu chuyện? Họ ……………………………………… đã nói gì và làm gì?

 Điều gì xảy ra? Theo thứ tự thế nào? ………………………………………

 Vì sao truyện lại xảy ra như vậy? ………………………………………

 Cảm xúc của em như thế nào khi câu chuyện diễn ra và khi kể lại câu chuyện? ………………………………………………………………………………

* Video do GV tự làm để kể về trải nghiệm của bản thân thời thơ ấu.

 **III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HĐ 1: Xác định vấn đề (20’)**

|  |
| --- |
| **GIỚI THIỆU KIỂU BÀI**  |
|  **Mục tiêu:** [1]; [2]; [3] **Nội dung:** **GV** yêu cầu HS đọc vb “Bài học đường đời đầu tiên”, thảo luận cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ học tập. Sử dụng KT đặt câu hỏi để hỏi. **HS** đọc văn bản, suy nghĩ cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.  |
| **Tổ chức thực hiện**  | **Sản phẩm**  |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)** 1. Yêu cầu HS đọc thầm văn bản “Bài học đường đời…”
2. Chia nhóm cặp đôi và giao nhiệm vụ (7’)
 | 1.“Bài học đường đời đầu tiên”- Dế Mèn kể về bài học đường đời đầu tiên của bản  |

|  |  |
| --- | --- |
|  Trong “Bài học đường đời đầu tiên”, Dế Mèn đã kể lại trải nghiệm đáng nhớ nào? ? Câu chuyện sử dụng ngôi kể thứ mấy? Lời kể của ai? 3. Đặt câu hỏi: ? Em có trải nghiệm nào đáng nhớ nào không? Hãy kể lại trải nghiệm đó một cách ngắn gọn? **B2: Thực hiện nhiệm vụ HS:** 1. Đọc thầm vb “*Bài học đường đời đầu tiên*”.
2. Làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện phiếu học tập.
3. Suy nghĩ cá nhân để trả lời câu hỏi

**GV**: Theo dõi HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và hỗ trợ (nếu cần). * ***Dự kiến KK (NV 3):*** không biết kể về trải nghiệm của bản thân.
* ***Tháo gỡ khó khăn***: đặt thêm câu hỏi phụ:

? Trải nghiệm đó tên là gì (kỉ niệm, lỗi lầm…)? Trải nghiện đó ở thời điểm nào? Diễn ra như thế nào? **B3: Báo cáo, thảo luận GV**: 1. Yêu cầu đại diện nhóm lên trình bày sp của nhóm.
2. Hỗ trợ và hướng dẫn các em cách trình bày (nếu cần).
3. Yêu cầu HS trả lời và kể lại trải nghiệm.

**HS:** 2. Trình bày sản phẩm nhóm. - Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần). 3**.** Trả lời câu hỏi, kể lại trải nghiệm của bản thân. | thân từ sự việc trêu chị Cốc dẫn đến cái chết của Dế Choắt. * Dế Mèn xưng “tôi”.
* Ngôi kể: thứ nhất.

        2. Liên hệ với bản thân - Kể được ngắn gọn một kỉ niệm của bản thân bằng ngôi kể thứ nhất (xưng “tôi”).            |
| * Các em khác theo dõi, nhận xét (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định** * GV nhận xét thái độ làm việc, sản phẩm cá nhân và sản phẩm nhóm dựa trên Sản phẩm cần đạt của bài học.
* Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau.
 |  |

 **HĐ 2: Hình thành kiến thức mới (195’)**

|  |
| --- |
| **TÌM HIỂU CÁC YÊU CẦU** **ĐỐI VỚI BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM (25’)**  |
|  **Mục tiêu:** [1]; [2]; [3]; [4] **Nội dung:** **GV** sử dụng KT khăn trải bàn cho HS tìm hiểu các yêu cầu về kiểu bài. **HS** làm việc cá nhân, làm việc nhóm và ghi kết quả ra phiếu học tập.  |
| **Tổ chức thực hiện**  | **Sản phẩm cần đạt**  |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)** * GV chia nhóm lớp & giao nhiệm vụ (10’) ? Kiểu bài yêu cầu chúng ta làm gì?

? Theo các em, một bài văn kể lại trải nghiệm thì người kể sẽ kể ở ngôi thứ mấy và cần đáp ứng những yêu cầu gì? **B2: Thực hiện nhiệm vụ HS**: * Làm việc cá nhân.
* Làm việc nhóm để thống nhất ý kiến.

GV theo dõi, hỗ trợ khi các em làm việc nhóm. **B3: Báo cáo, thảo luận** **GV** yêu cầu HS lên trình bày sản phẩm. **HS:** * Đại diện của một nhóm lên trình bày sản phẩm.
 | **1. Kiểu bài**  Kể về một trải nghiệm của bản thân.**2. Yêu cầu** * Người kể: sử dụng ngôi kể thứ nhất

(xưng “tôi). * Bài văn cần có: + Thời gian, địa điểm diễn ra câu chuyện. + Diễn biến của câu chuyện.

+ Cảm xúc của người kể. |
| * Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định (GV)** * Nhận xét và đánh gía thái độ làm việc và sản phẩm của HS dựa trên sản phẩm cần đạt.
* Chốt kiến thức và chuyển dẫn, kết nối với đề mục sau.
 |  |

|  |
| --- |
| **ĐỌC VÀ PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO (45’)**  |
|  **Mục tiêu:** [1]; [2]; [3] **Nội dung:** **GV** yêu cầu HS đọc văn bản, đặt câu hỏi, sử dụng KT khăn trải bàn cho HS thảo luận nhóm để phân tích bài viết mẫu. **HS** đọc, làm việc cá nhân, thảo luận nhóm để hoàn thành nhiệm vụ GV đưa ra.  |
| **Tổ chức thực hiện**  | **Sản phẩm cần đạt**  |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)** 1. Yêu cầu HS đọc bài văn mẫu

1. Đặt câu hỏi:

? Bài viết kể về kỉ niệm gì của tác giả?   ? Truyện kể bằng ngôi thứ mấy? Vì sao em biết? ? Dựa vào tri thức Ngữ văn em hãy cho biết: Phần nào giới thiệu câu chuyện? ? Phần nào tập trung vào các sự việc của câu chuyện? Đó là những sự việc nào? ? Những từ ngữ nào thể hiện cảm xúc của người viết trước sự việc được kể?  | 1. **Đọc:** “Người bạn nhỏ”

1. **Phân tích**
* Kể về kỉ niệm với một người bạn nhỏ (mèo Mun).
* Ngôi kể: ngôi thứ nhất

(xưng “tôi”) - Các phần: + Đoạn 1: Giới thiệu trải nghiệm.  |
| 3. Thảo luận cặp đôi: Hãy liệt kê các sự việc chính của truyện và kể lại nội dung câu chuyện theo các sự việc đó. **B2: Thực hiện nhiệm vụ HS**: 1. Đọc văn bản.
2. Suy nghĩ cá nhân và ghi câu trả lời ra giấy.
3. Làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

**GV**: 1. Hướng dẫn HS đọc.
2. Hướng dẫn HS làm việc cá nhân.
3. Quan sát, theo dõi HS thảo luận nhóm và hỗ trợ (nếu cần).

**B3: Báo cáo thảo luận HS**: 1. Trả lời câu hỏi của GV, các em còn lại nhận xét, bổ sung (nếu cần)…
2. Đại diện nhóm báo cáo sp của nhóm, các nhóm còn lại quan sát sp của nhóm bạn, theo dõi nhóm bạn trình bày và nhận xét, bổ sung (nếu cần).

**GV**: 1. Nhận xét câu trả lời của HS
2. Hướng dẫn HS cách trình bày sp nhóm

**B4: Kết luận, nhận định (GV)** * Nhận xét, đánh giá thái độ làm việc và sản phẩm của HS dựa trên sản phẩm cần đạt.
* Chốt kiến thức và kết nối, chuyển dẫn với đề mục sau.
 | + Đoạn 2,3,4: Tập trung và các sự việc chính của câu chuyện. + Đoạn 5: Nêu lên cảm xúc của bản thân. - Các sự việc: + Sự việc 1: Ngôi nhà mới của 3 mẹ con rất xinh xắn nhưng có nhiều chuột. + Sự việc 2: Bà ngoại gửi cho 3 mẹ con một con mèo Mun. + Sự việc 3: Ngôi nhà nhỏ đã thay đổi từ khi có mèo Mun. + Sự việc 4: Một buổi chiều, Mun đã bị mất tích.  |

|  |
| --- |
| **THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC (90’)**  |
| **Mục tiêu:** [1]; [2]; [3]; [4]; [5]; [6] **Nội dung:** **GV** sử dụng KT công não để hỏi HS về việc lựa chọn đề tài. Sử dụng KT khăn trải bàn cho HS làm việc nhóm để hoàn thành phiếu tìm ý. Yêu cầu HS làm việc cá nhân để lập dàn ý và viết bài. **HS** lựa chọn đề tài, làm việc nhóm để hoàn thành phiếu tìm ý. Làm việc cá nhân để lập dàn ý và viết bài, sửa bài…  |
| **Tổ chức thực hiện**  | **Sản phẩm**  |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)** ***1. Trước khi viết*** ? Em sẽ lựa chọn đề tài gì để kể? * Tìm ý theo phiếu học tập:

? Điền vào cột bên phía tay trái của phiếu? ? Sau khi điền xong, em hãy trao đổi phiếu học tập với bạn bên cạnh để cùng chia sẻ với nhau, sửa cho nhau (nếu cần). * Lập dàn ý dựa trên phiếu tìm ý:

? Ý nào em sẽ đưa vào phần mở bài? ? Những ý nào em sẽ triển khai phần thân bài? ? Ý nào em để làm phần kết bài? lại bài sau khi đã viết xong? 1. ***Viết bài***: Viết theo dàn ý
2. ***Chỉnh sửa bài***: Đọc và sửa lại (nếu cần).

**B2: Thực hiện nhiệm vụ** ***1. Trước khi viết*** **GV** hướng dẫn HS lựa chọn đề tài, tìm ý và lập dàn ý.  | **1. Trước khi viết (45’)** 1. **Lựa chọn đề tài**

Kể về một trải nghiệm của bản thân 1. **Tìm ý**
 |
|  | Đó là chuyện gì? Xảy ra khi nào?  | …. ….  |  |
| Những ai có liên quan đến câu chuyện? Họ đã nói gì và làm gì?  | …. …. …. ….  |
| Điều gì xảy ra? Theo thứ tự thế nào?  | …. ….  |
| Vì sao truyện lại xảy ra như vậy?  | …. ….  |
| Cảm xúc của em như thế nào khi câu chuyện diễn ra và khi kể lại câu chuyện?  | …. …. …. ….  |
| **HS**: * Đọc những gợi ý trong SGK và lựa chọn đề tài.
* Tìm ý bằng việc hoàn thiện phiếu tìm ý.
* Lập dàn ý ra giấy .
1. ***Viết bài:*** HS viết theo dàn ý.
2. ***Chỉnh sửa bài:*** sau khi viết, HS đọc lại và chỉnh sửa (nếu cần).

**B3: Báo cáo thảo luận** **GV** yêu cầu HS trình bày sản phẩm. **HS**: * Báo cáo đề tài sẽ lựa chọn.
* Đọc phiếu tìm ý, dàn ý.
* Đọc bài viết sau khi đã chỉnh sửa.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)** * Thu bài của HS để chấm và đưa vào hồ sơ học tập. - Nhận xét thái độ học tập của HS trong quá trình làm bài.
 | **c) Lập dàn ý** * *Mở bài*: giới thiệu câu chuyện.
* *Thân bài*: kể diễn biến câu chuyện theo: + thời gian

+ không gian + có những nhân vật liên quan - *Kết bài*: kết thúc câu chuyện và cảm xúc của bản thân. **2. Viết bài (80’)** - Kể theo dàn ý. - Nhất quán về ngôi kể. **3. Chỉnh sửa bài viết (10’)** - Đọc và sửa lại bài viết theo.  |

|  |
| --- |
| **TRẢ BÀI (45’)**  |
| 1. **Mục tiêu:** [7]
2. **Nội dung:**

**GV** trả bài, sử dụng KT khăn trải bàn cho HS thảo luận nhóm để nhận xét bài văn mẫu, từ đó biết nhận ra ưu điểm và tồn tại bài của mình và tự sửa. **HS** đọc bài viết, làm việc nhóm, nhận xét bài, sửa bài…  |
| **Tổ chức thực hiện**  | **Sản phẩm**  |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)** 1. Nhắc lại yêu cầu đối với bài văn chia sẻ về một trải nghiệm của bản thân?  | **1. Yêu cầu của bài** - Kể về một trải nghiệm của bản thân.  |

|  |  |
| --- | --- |
| 2. GV chiếu bài văn mẫu (giấu tên HS), chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ (15’): ? Bài văn viết đúng đề tài chưa? ? Bài viết có sử dụng ngôi kể thứ nhất không? Vì sao? ? Phần nào của bài giới thiệu câu chuyện? ? Phần nào tập trung vào các sự việc của câu chuyện? Đó là những sự việc nào? ? Những từ ngữ nào thể hiện cảm xúc của người viết trước sự việc được kể? ? Em có nhận xét gì về bài viết mẫu? 3.Trả bài cho HS và yêu cầu tự sửa lại dựa trên yêu cầu của bài. **B2: Thực hiện nhiệm vụ GV**: 1. Giúp HS nhớ lại những yêu cầu của kiểu bài.
2. Quan sát và hỗ trợ HS trong việc thảo luận nhóm.
3. Hướng dẫn HS nhận xét bài mẫu dựa trên yêu cầu của bài.

**HS**: 1. Nhớ và ghi các yêu cầu của kiểu bài ra giấy.
2. Đọc bài văn mẫu, đối chiếu với yêu cầu của bài.
3. Nhận bài GV trả, đọc bài của mình để tìm ra lỗi và sửa.

**B3: Báo cáo thảo luận** **GV:** Gọi HS trả lời, báo cáo sản phẩm nhóm, nhận xét… **HS**: 1. Nêu yêu cầu của kiểu bài kể về một trải nghiệm.
2. Trả lời các câu hỏi của GV, nhận xét bài văn mẫu.
3. Tự nhận xét bài của bản thân.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**  | * Thời gian, địa điểm diễn ra câu chuyện.
* Người kể: sử dụng ngôi kể thứ nhất

(xưng “tôi). * Cảm xúc của bản thân…

**2. Nhận xét bài mẫu** * Chỉ ra ưu điểm
* Chỉ ra tồn tại

**3. Tự sửa bài** - Biết được ưu điểm - Nhận ra tồn tại và sửa bài.    |
| * GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của bài viết.
* *Nhắc HS chuẩn bị nội dung bài nói dựa trên dàn ý của bài viết.*
 |  |

**HĐ 3: Luyện tập**

1. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.
2. **Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao.
3. **Sản phẩm:** Bài viết của HS sau khi đã được rút kinh nghiệm từ nhận xét trả bài. **d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

Viết lại bài viết của em sau khi đã sửa lỗi.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS liệt kê các sự việc trong câu chuyện và kể lại câu chuyện.

GV hướng dẫn HS liệt kê các sự việc, chú ý đóng vai nhân vật Dế Choắt.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV** yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

**HS** trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS.

**HĐ 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** Sử dụng kiến thức của bài học vào giải quyết một vấn đề trong thực tiễn, qua đó phát triển thêm năng lực về sử dụng CNTT trong cuộc sống hàng ngày. **b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

1. **Sản phẩm:** Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa.
2. **Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

Hãy viết về một trải nghiệm khác của bản thân.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV** hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

**HS** đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV** hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm qua Padlet.

**HS** làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua Padlet, nhận xét chéo sản phẩm của bạn trên Padlet.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

* Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng quy định (nếu có). Đánh giá sản phẩm của HS trên Padlet.
* Dặn dò HS về chuẩn bị nội dung nói và luyện nói ở nhà (Nội dung nói dựa trên bài viết.) - GV gửi phiếu tiêu chí nói trên Padlet của lớp để HS dựa vào đó chuẩn bị nội dung và nói.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

## C. NÓI VÀ NGHE KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA EM[[27]](#footnote-27) (2 tiết)

 **I. MỤC TIÊU**

1. ***Về năng lực:***

*1.1. Năng lực chung*

* Hợp tác trong làm việc nhóm [1].
* Phát triển khả năng giao tiếp bằng ngôn ngữ [2].

*1.2.Năng lực chuyên biệt*

* Xác định được mục đích nói và người nghe [3].
* Biết chuẩn bị những nội dung cần nói và luyện nói [4].
* Kể được một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân, thể hiện cảm xúc và suy nghĩ về trải nghiệm đó [5].
* Tóm tắt được nội dung trình bày của người khác [6].

***2. Về phẩm chất:***

Bài học góp phần hình thành phẩm chất nhân ái, trân trọng kỉ niệm và yêu cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

* SGK, SGV.
* Máy chiếu, máy tính.
* Phiếu đánh giá theo tiêu chí HĐ nói.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HĐ 1: Xác định vấn đề**

1. **Mục tiêu:** HS kết nối kiến thức của cuộc sống vào bài học
2. **Nội dung:**

**GV:**

**-** Chiếu video về tình bạn đẹp giữa Hùng và Nam qua lời kể của Nam - Yêu cầu HS quan sát video và đặt câu hỏi.

**HS** quan sát video, lắng nghe nội dung câu chuyện, suy nghĩ cá nhân để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:**

* Đoạn video kể về tình bạn đẹp giữa Hùng và Nam.
* Lời kể của Nam, ngôi kể thứ nhất, Nam kể về tình bạn của mình và Hùng. **d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**GV chiếu video và giao nhiệm vụ cho HS:

? Nội dung của đoạn video? Trong video, ai là người kể chuyện? Kể về nội dung gì?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**HS** quan sát, lắng nghe đoạn video và suy nghĩ cá nhân.

**GV** chấn chỉnh những HS chưa tập trung vào video (nếu có).

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV** yêu cầu đại diện một HS trả lời, các em khác nhận xét và bổ sung.

**HS** đại diện trả lời, các em khác theo dõi, nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần). **B4: Kết luận, nhận định:**GV nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào bài học.

 **HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |
| --- |
| **TRƯỚC KHI NÓI (15’)**  |
|  **Mục tiêu:** [1]; [2]; [3]; [4]  |
| **Nội dung:** **GV** sử dụng KT đặt câu hỏi để HS xác định mục đích nói và đối tượng nghe trong bài nói của mình. **HS** trả lời câu hỏi, chuẩn bị nội dung nói và luyện nói từ ở nhà.  |
| **Tổ chức thực hiện**  | **Sản phẩm**  |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)** ? Nêu mục đích của bài nói? ? Những người nghe là ai? - Dựa vào sự chuẩn bị ở nhà mà cô đã giao ở cuối tiết học trước, các em hãy: + Trao đổi về nội dung đã chuẩn bị ở nhà, góp ý, chỉnh sửa cho nhau (nếu cần). + Luyện nói trong nhóm để các bạn trong nhóm nhận xét dựa trên phiếu tiêu chí nói. **B2: Thực hiện nhiệm vụ** **GV** hướng dẫn HS trả lời, hỗ trợ (nếu cần). **HS** suy nghĩ và viết câu trả lời ra giấy. **B3: Thảo luận, báo cáo** **GV** yêu cầu HS trả lời **HS** trả lời, các em còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung… **B4: Kết luận, nhận định (GV)** * Nhận xét câu trả lời của HS và chốt: Khi nói phải bám sát mục đích (nội dung) nói và đối tượng nghe để bài nói không đi chệch hướng.
* Chuyển dẫn sang đề mục sau.
 | **1. Xác định mục đích nói và người nghe.** * Mục đích: nói về một trải nghiệm của cá nhân, nói với người nghe.
* Người nghe: thầy (cô), bạn bè…

***2. Chuẩn bị nội dung nói và luyện tập*** (c*huẩn bị ở nhà*). 1. Chuẩn bị nội dung (SGK)
2. Luyện tập nói
* HS nói một mình trước gương.
* HS nói tập nói trước nhóm/tổ.
 |

|  |
| --- |
| **THỰC HÀNH NÓI (45’)**  |
|  **Mục tiêu:** [1]; [2]; [5]  |
|  **Nội dung:** **GV** yêu cầu HS nói trước lớp **HS**: * Nói theo dàn ý có sẵn ở tiết HĐ viết.
* Các em khác theo dõi, ghi nhận xét ra giấy và cho điểm đối với bài của bạn trên zalo bằng cách kích tim (hoặc biểu quyết bằng tay) sau mỗi lượt nói.
 |
| **Tổ chức thực hiện**  | **Sản phẩm**  |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)** * Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí.
* Yêu cầu HS nói theo dàn ý của HĐ viết.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ** **GV** hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí. **HS** xem lại dàn ý của HĐ viết. **B3: Thảo luận, báo cáo GV:** * Yêu cầu HS nói, kịp thời hỗ trợ các em (nếu cần).
* *Quay video một vài em và đưa lên Padlet (ở các tiết nói sau, GV quay video lần lượt các thành viên khác).*

**HS:** Đại diệnnói, các em còn lại theo dõi và ghi nhận xét ra giấy.**B4: Kết luận, nhận định (GV)** * Nhận xét chung về ý thức tham gia HĐ nói của HS và chuyển dẫn sang mục nhận xét HĐ nói.
 | * HS nói trước lớp

 * Yêu cầu nói:

+ Nói đúng mục đích (kể lại một trải nghiệm). + Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lí. + Nói to, rõ ràng, truyền cảm. + Điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt… phù hợp.  |

|  |
| --- |
| **SAU KHI NÓI (20’)**  |
| 1. **Mục tiêu:** [1]; [2]; [6]
2. **Nội dung:**

**GV** yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn dựa trên các tiêu chí nói.  |

|  |  |
| --- | --- |
| **HS** trình bày bản nhận xét của mình ở tiết trước    **PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ** **Nhóm**:……….  **Tiêu chí *Mức độ***  ***Chưa đạt Đạt*** 1. Chọn được câu Chưa có chuyện để Có chuyện để kể chuyện hay, có ý kể. nhưng chưa hay.

nghĩa 1. Nội dung câu ND sơ sài, chưa có Có đủ chi tiết để hiểu chuyện phong phú, đủ chi tiết để người người nghe hiểu hấp dẫn nghe hiểu câu được nội dung câu chuyện. chuyện.
2. Nói to, rõ ràng, Nói nhỏ, khó nghe; Nói to nhưng đôi chỗ truyền cảm. nói lắp, ngập lặp lại hoặc ngập ngừng… ngừng 1 vài câu.
3. Sử dụng yếu tố Điệu bộ thiếu tự tin, Điệu bộ tự tin, mắt phi ngôn ngữ phù mắt chưa nhìn vào nhìn vào người hợp. người nghe; nét mặt nghe; nét mặt biểu chưa biểu cảm hoặc cảm phù hợp với nội

biểu cảm không phù dung câu chuyện. hợp. 1. Mở đầu và kết Không chào hỏi/ và Có chào hỏi/ và có thúc hợp lí không có lời kết thúc lời kết thúc bài nói. bài nói.

 **TỔNG ĐIỂM: ………………../10 điểm**   | ***Tốt*** Câu chuyện hay và ấn tượng. Nội dung câu chuyện phong phú và hấp dẫn. Nói to, truyền cảm, hầu như không lặp lại hoặc ngập ngừng. Điệu bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động. Chào hỏi/ và kết thúc bài nói một cách hấp dẫn.  |
| **Tổ chức thực hiện**  | **Sản phẩm**  |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)** 1. Trình chiếu phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí.
2. Yêu cầu HS đánh giá các bạn nói theo tiêu chí.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ** **GV:** Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí. **HS** quan sát HĐ nói của bạn và ghi nhận xét ra giấy. **B3: Thảo luận, báo cáo** **GV** yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.  | - Nhận xét chéo của HS với nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí. - Nhận xét của HS  |
| **HS** nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói. **B4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét nhận xét của HS và kết nối sang hoạt động sau.  |  |

**HĐ 3: Luyện tập (10’)**

1. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể
2. **Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao
3. **Sản phẩm:** Bài nói của HS sau khi đã được rút kinh nghiệm từ nhận xét sau khi nói. **d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS Đóng vai nhân vật Dế Choắt, kể lại câu chuyện.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS liệt kê các sự việc trong câu chuyện và kể lại câu chuyện.

GV hướng dẫn HS liệt kê các sự việc, chú ý đóng vai nhân vật Dế Choắt.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV** yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

**HS** trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS.

**HĐ 4: Vận dụng** (cho về nhà và nộp trên Padlet)

1. **Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS
2. **Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.
3. **Sản phẩm:** Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).
4. **Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

Hãy kể thêm về một trải nghiệm của bản thân mà em có.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV** hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

**HS** đọc và xác định yêu cầu của bài tập 1 & 2.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV** hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

**HS** làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

* Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng quy định (nếu có).
* Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

**PHỤ LỤC PHIẾU HỌC TẬP**

**(Bài 1: Tôi và các bạn)**





## Phiếu học tập số 3

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|   | **Trước khi trêu chị Cốc**  | **Sau khi trêu chị Cốc**  | **Kết quả**  |
| **Hành động**  |   |   |   |
| **Thái độ**  |   |   |   |

## Phiếu học tập số 4

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật**  |   |
| **Nội dung**  |   |
| **Ý nghĩa**  |   |

## Phiếu học tập số 5

**PHIẾU TÌM Ý** Họ và tên HS: ………………………….

 **Nhiệm vụ**: Tìm ý cho bài văn Kể lại một trải nghiệm của bản thân

Gợi ý: Để nhớ lại các chi tiết, hãy viết tự do theo trí nhớ của em bằng cách trả lời vào cột bên phải ở các câu hỏi ở cột trái.

Đó là chuyện gì? Xảy ra khi nào? ……………………………………… Những ai có liên quan đến câu chuyện? ……………………………………… Họ đã nói gì và làm gì?

 Điều gì xảy ra? Theo thứ tự thế nào? ………………………………………

Vì sao truyện lại xảy ra như vậy? ……………………………………… Cảm xúc của em như thế nào khi câu ……………………………………… chuyện diễn ra và khi kể lại câu ……………………………………… chuyện?

**Tiêu chí**

1. Chọn được câu chuyện hay, có ý nghĩa
2. Nội dung câu chuyện phong phú, hấp dẫn
3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm.
4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp.
5. Mở đầu và kết thúc hợp lí

**Phiếu học tập số 6**

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ Nhóm**:……….

***Mức độ***

 ***Chưa đạt Đạt***

Chưa có chuyện để Có chuyện để kể kể. nhưng chưa hay.

ND sơ sài, chưa có Có đủ chi tiết để đủ chi tiết để người hiểu người nghe nghe hiểu câu hiểu được nội dung chuyện. câu chuyện.

Nói nhỏ, khó nghe; Nói to nhưng đôi nói lắp, ngập chỗ lặp lại hoặc ngừng… ngập ngừng 1 vài câu.

Điệu bộ thiếu tự tin, Điệu bộ tự tin, mắt mắt chưa nhìn vào nhìn vào người người nghe; nét mặt nghe; nét mặt biểu chưa biểu cảm hoặc cảm phù hợp với biểu cảm không nội dung câu phù hợp. chuyện.

Không chào hỏi/ và Có chào hỏi/ và có không có lời kết lời kết thúc bài nói. thúc bài nói.

***Tốt*** Câu chuyện hay và ấn tượng.

Nội dung câu chuyện phong phú và hấp dẫn.

Nói to, truyền cảm, hầu như không lặp lại hoặc ngập ngừng.

 Điệu bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động.

Chào hỏi/ và kết thúc bài nói một cách hấp dẫn.

**TỔNG ĐIỂM: ………………../10 điểm**

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2013), *Tài liệu tập huấn Kĩ năng phát triển chương trình giáo dục nhà trường phổ thông* (Tài liệu lưu hành nội bộ), Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Cục nhà giáo và cán bộ quản lí cơ sở giáo dục (2014),*Nâng cao năng lực lập kế hoạch dạy học của giáo viên*, NXB Giáo dục.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), Công văn 5555/BGDĐT-GDTrH. Hà Nội.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông, Chương trình tổng thể* (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo), Hà Nội.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông, Chương trình giáo dục môn Ngữ văn* (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo). Hà Nội.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), Quyết định số 4660/QĐ-BGDĐT ngày 4/12/2019 về việc ban hành danh mục các môn đun bồi dưỡng giáo viên cốt cán và cán bộ quản lí cơ sở giáo dục phổ thông cốt cán để thực hiện công tác bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lí cơ sở giáo dục phổ thông, Hà Nội.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Xây dựng kế hoạch giáo dục môn Ngữ văn,* Tài liệu tập huấn cho tổ trưởng chuyên môn, HN.
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Mô-đun 1. Quản trị hoạt động dạy học, giáo dục trong trường THPT* (Tài liệu bồi dưỡng cán bộ quản lí cơ sở giáo dục phổ thông), HN. 9. Bộ GD và ĐT (2020), Công văn 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường (phụ lục 1,2,3,4).
9. Bộ GD và ĐT (2021), Công văn 2613/BGDĐT-GDTrH ngày 23 tháng 6 năm 2021 của Bộ GDĐT về việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học năm học 20212022.
10. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Công văn số 2384/BGDĐT-GDTrH về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch GD nhà trường theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực HS.
11. Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2020, *Xây dựng kế hoạch giáo dục và đổi mới kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn*, Tài liệu tập huấn cho tổ trưởng chuyên môn.
12. Nguyễn Đức Chính (chủ biên), Vũ Lan Hương (2015), *Phát triển chương trình giáo dục*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
13. Hoàng Phê (2006), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng.
14. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (2017), *Tài liệu Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên Trung học phổ thông*, Hạng II, NXB Đại học Sư phạm, HN.
15. Đỗ Ngọc Thống (chủ biên), Bùi Minh Đức, Nguyễn Thành Thi (2019), *Hướng dẫn dạy học môn Ngữ văn THPT theo chương trình giáo dục phổ thông mới,* NXB ĐH Sư phạm.17. http://etep.moet.gov.vn/tintuc/chitiet?Id=1033

1. Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo hông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/09/2020. [↑](#footnote-ref-1)
2. Công văn 5512/BGDDT-GDTrH ngày 18/12/2020 về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường [↑](#footnote-ref-2)
3. Căn cứ vào hướng dẫn nhiệm vụ giáo dục trung học hằng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo. [↑](#footnote-ref-3)
4. Bộ GD&ĐT, công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường. [↑](#footnote-ref-4)
5. Bộ GD&ĐT (2020), *Xây dựng kế hoạch giáo dục và đổi mới kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn, Tài liệu tập huấn cho tổ trưởng chuyên môn,* Hà Nội. [↑](#footnote-ref-5)
6. Bộ GD&ĐT (2020), *Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường*. [↑](#footnote-ref-6)
7. Đối với tổ ghép môn học: khung phân phối chương trình cho các môn [↑](#footnote-ref-7)
8. Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông. [↑](#footnote-ref-8)
9. Bộ GD và Đào tạo (2020), Xây dựng kế hoạch giáo dục và đổi mới kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn, Tài liệu tập huấn cho tổ trưởng chuyên môn.

 [↑](#footnote-ref-9)
10. Centre For Distance Education (2016), *Teaching Of Social Science*, Bharathidasan University. [↑](#footnote-ref-10)
11. Kế hoạch bài dạy dành cho cả bài học (bao gồm các kĩ năng đọc – viết – nói và nghe) [↑](#footnote-ref-11)
12. Trình bày mục tiêu chung cho toàn bài học, mục tiêu này là kết quả của việc phân tích yêu cầu cần đạt trong CT GDPT Ngữ văn 2018 và yêu cầu cần đạt của mỗi bài học được thiết kế trong mỗi bộ SGK cụ thể. [↑](#footnote-ref-12)
13. Mục tiêu gắn với từng bài đọc cụ thể. [↑](#footnote-ref-13)
14. Tuỳ vào đặc điểm văn bản để xác định linh hoạt cách tiếp cận, phân tích. GV có thể lựa chọn trình tự: (1) Xác định vấn đề, (2) Đọc tổng quan văn bản, (3) Đọc chi tiết văn bản (đọc nội dung, đọc hình thức), (4) Đọc liên hệ, vận dụng thực tiễn, (4) Đọc mở rộng (thực hành đọc hiểu). GV cũng có thể tiếp cận bài dạy theo logic: (1) Trước khi đọc, (2) Trong khi đọc, (3) Sau khi đọc. [↑](#footnote-ref-14)
15. Mục tiêu gắn với từng bài dạy hoạt động viết cụ thể. [↑](#footnote-ref-15)
16. Đối với bài dạy hoạt động viết, GV có thể thực hiện theo quy trình: (1) Trước khi viết (Giới thiệu kiểu bài, hướng dẫn HS tìm hiểu yêu cầu đối với kiểu bài cần viết, Hướng dẫn HS đọc và phân tích bài viết tham khảo);

(2) Thực hành viết; (3) Sau khi viết (Chỉnh sửa, phản hồi về chỉnh sửa, Đánh giá) [↑](#footnote-ref-16)
17. Mục tiêu gắn với từng bài dạy hoạt động nói - nghe cụ thể. [↑](#footnote-ref-17)
18. Đối với bài dạy hoạt động nói và nghe, GV có thể tổ chức dạy học theo quy trình: (1) Trước khi nói (Giới thiệu kiểu bài, yêu cầu; Hướng dẫn HS trước khi nói; (2) Thực hành nói; (3) Sau khi nói (tổ chức phản hồi, nhận xét) [↑](#footnote-ref-18)
19. Phụ lục chung cho cả bài học lớn. 21 Dùng chung cho cả bài học lớn. [↑](#footnote-ref-19)
20. Bộ GD và Đào tạo (2018), *Chương trình GD phổ thông môn Ngữ văn*, tr.40-44.

 [↑](#footnote-ref-20)
21. Bộ GD và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*, tr.88-89. [↑](#footnote-ref-21)
22. Đỗ Ngọc Thống, Phạm Thị Thu Hiền, Lê Thị Minh Nguyệt (2019), *Hướng dẫn DH môn Ngữ văn THCS theo chương trình giáo dục phổ thông mới,* NXB Đại học Sư phạm, tr.134. [↑](#footnote-ref-22)
23. Kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp của GVPTCC trình Hiệu trưởng phê duyệt;.

 [↑](#footnote-ref-23)
24. Báo cáo hoàn thành kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp của GVPTCC trình Hiệu trưởng phê duyệt.

 [↑](#footnote-ref-24)
25. Bài soạn của ThS. Hoàng Thị Hà – THCS Xuân Trúc – PGD huyện Ân Thi – Hưng Yên [↑](#footnote-ref-25)
26. Bài soạn của ThS. Hoàng Thị Hà – THCS Xuân Trúc – PGD huyện Ân Thi – Hưng Yên [↑](#footnote-ref-26)
27. Bài soạn của ThS. Hoàng Thị Hà – THCS Xuân Trúc – PGD huyện Ân Thi – Hưng Yên [↑](#footnote-ref-27)